0 17
ang 11, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ SỰ CẢI NGẠCH THUẾ THÂN Ở BẮC-KỲ

Tháng trước hội Tư-vấn Bắc-kỳ (1) họp thường-khóa (2) có bàn về sự cải ngạch thuế thân ở Bắc-kỳ. Các hội-viên đều đồng lòng theo ý Nhà-nước định đặt một hạng thuế chung cho cả dân, không phân nội ngoại như trước nữa. Hạng thuế đó sẽ định giá nhất-luật là hai đồng rưỡi (2 $ 50), ngay tự sang năm tây có thể bắt đầu thi-hành được. Vậy nay ta bàn qua về cách sắp đặt thuế mới ấy thế nào và sự tiện-lợi hơn trước được những gì.

Cách thâu thuế thân ở Bắc-kỳ đã lâu nay nhiều người vẫn chê là bất-tiện. Ai cũng nói rằng cách ấy không hợp phép: thuế là thuế có định-suất (*impôt de quotité*), mà vì thói quen các làng biến thành ra thuế quân-bổ (*impôt de répartition*). Cứ theo phép thì nội-tịch phải nộp bốn đồng rưỡi (4 $ 50), ngoại-tịch nộp năm hào (0 $ 50), thế mà đến khi giao cho các làng thì thường làng nào cũng đem cộng cái tổng-số thuế đinh trong hàng xã phải chịu là bao nhiêu, rồi cứ chiếu số đinh mà chia đều ra.

Thành ra bề ngoài thì thuế thân vẫn có định-giá, mà kỳ thực không có nhất-định gì cả. Phủ Thống-sứ đã từng nhiều lần lưu-ý đến cái vấn-đề đó, nên mỗi kỳ họp hội Tư-vấn Bắc-kỳ đều có đem ra hỏi ý các hội-viên. Nhưng mỗi lần bàn một khác và chưa bao giờ xét đến hết lẽ. Song đại-để kỳ nào hội-đồng cũng bàn nên cải hẳn ngạch thuế lại là hơn. Từ đó Nhà-nước đã quyết ý định cải, mà xét ra còn hai sự khó như sau này: thứ nhất là cải lại ngạch thuế thì ngạch mới ngạch cũ tất chênh nhau, hoặc nhiều ra hoặc ít đi, đều là không tiện cả; hai là cải lại mà muốn cho công-bằng tất phải bỏ hạng miễn-trừ đi và đánh theo nhất-luật như các hạng khác, những người xưa nay vẫn được hưởng cái quyền-lợi riêng ấy từ giờ không được nữa, sao khỏi không bằng lòng?

Thuộc về điều thứ nhất thì cái vấn-đề như thế này: cải lại ngạch thuế thì trong nhiều tỉnh và ngay một tỉnh trong nhiều làng cùng tổng với nhau, cái tổng-số thuế đinh của mỗi xã sẽ tự-nhiên mà hoặc tăng lên hoặc giảm

(1) *Chambre Consultative du Tonkin*, ta thường dịch là « Thứ-dân nghị-viện » (nghĩa là nghị-viện họp những người thay mặt của cả bàn dân), tưởng không được đúng lắm. Hội này là một hội các ông thân-hào của các hạt cử lên để Nhà-nước hỏi-ý về các việc quan-hệ đến sự lợi-hại trong dân. Nên dịch là « Bắc-kỳ Tư-vấn nghị-hội » 北圻諮問議會 thì vừa hợp với tên tây và vừa không sai cái mục-đích hội.

(2) Thường-khóa, 常課 = Kỳ hội-đồng thường, mỗi năm một lần. — SESSION ORDINAIRE (Annuelle)

đi nhiều quá. Như xã nào số nội-tịch nhiều hơn ngoại-tịch thì được lợi ngay, cái tổng-số thuế đinh trong hàng xã được giảm đi nhiều, vì nội-tịch trước phải đóng 4 $ 50, nay tự-nhiên được hạ xuống 2 $ 20 hay là 2 $ 50 mà thôi, nghĩa là giảm được gần nửa. Nhưng xã nào số ngoại-tịch nhiều hơn nội-tịch thì lại phải chịu nặng hơn và tổng-số thuế đinh trong hàng xã sẽ tăng lên nhiều, vì ngoại-tịch trước đóng có 0 $ 50 nay phải đóng tự 2 $ 20 đến 2 $ 50. Năm 1913 Nhà-nước đã tính nếu đem gồm cả thuế thân và thuế tạp-dịch mà định nhất-luật mỗi suất đinh phải nộp 2 $ 15, thì lợi cho kho Nhà-nước đồng niên có 2 vạn đồng (20.000 $), mà cái ngạch thuế trong toàn-kỳ nhân đó bị chênh đi nhiều lắm : 14 tỉnh phần nhiều thuộc về miền trung-du thượng-du thì được giảm cả thảy là 16 vạn 7 nghìn đồng (167.000 $), mà 9 tỉnh khác phần nhiều ở đồng bằng thì tăng lên đến 18 vạn 7 nghìn đồng (187.000 $). Trong số mấy tỉnh sau ấy có tỉnh Thái-bình, riêng một mình mà phải tăng đến 7 vạn 5 nghìn đồng (75.000 $), vì trong dân-đinh số ngoại-tịch hơn nội-tịch nhiều lắm. — Ấy cái vấn-đề thứ nhất có một sự khó hiển-nhiên như thế.

Đến cái vấn-đề thứ nhì thuộc về sự bãi lệ miễn-trừ, thì lại có cái khó vô-hình nữa. Dân-gian ta xưa nay lấy sự miễn-trừ sưu-thuế là một cái vinh-hạnh, một cái quyền-lợi riêng của một hạng người riêng. Người nào đã được dự vào hạng miễn-trừ mà lại cũng phải đóng đồng-dẳng với các dân-đinh khác thì coi như là một sự nhục cho mình. Người nước ta đã tiêm-nhiễm cái tư-tưởng ấy lâu đời rồi, chưa dễ đã hiểu ngay được cái lẽ công-bằng của sự cải-cách mới này. Ấy cái khó vô-hình là thế.

Song xét cho kỹ, hai sự khó ấy không phải là không thể giải-quyết được. Mà cái tệ của lối thâu thuế cũ thì đã hiển-nhiên, ai cũng phải công-nhận rồi. Muốn trừ cái tệ ấy đi, khiến cho thuế-ngạch được công-bằng, dân-gian khỏi oán-thán, thì dẫu khó đến đâu cũng phải tìm kế mà làm cho được, huống chi cái khó ở đây chưa phải đã thực là khó.

Cứ theo cái lối thâu thuế cũ, người đóng thuế không bao giờ được biết rõ mỗi năm mình phải nộp cho Nhà-nước là bao nhiêu, vì cái số mình nộp là cái số của kỳ-dịch trong làng tự định lấy, không có bằng-cứ nào, chớ không phải là theo suất số của Nhà-nước, mà kỳ-dịch vị lợi riêng tự ý bổ nặng nhẹ là sự thường. Ai cũng đã từng nhận rằng trong một làng những kẻ nghèo hèn nhất lại là kẻ phải chịu thuế nặng hơn nhất, và cứ theo phép thì người ngoại-tịch không phải chịu sưu-dịch gì cả mà cứ thực thì bao nhiêu sưu-dịch vào một vai anh ngoại-tịch phải gánh hết.

Ấy là xét về phương-diện[1] người dân. Xét về phương-diện Nhà-nước thì mỗi năm Chính-phủ phải tiêu tốn mất bao nhiêu tiền-bạc để mở mang những việc giáo-dục, việc cứu-tế, lập nhà trường, dựng nhà thương, đắp đê, mở đường cho dân-gian được nhờ. Thế mà người dân vẫn mang-nhiên không biết đến các công-cuộc ấy, không biết rằng mình cũng phải có một phần gánh vác vào những khoản kinh-phí[2] lớn-lao ấy. Như thuộc về hai khoản giáo-dục (*instruction*), khoản cứu-tế (*assistance*), kinh-phí mỗi năm tăng tới mấy mươi vạn. Mà cái tài-nguyên[3] của Nhà-nước chỉ

(1) **Phương-diện**, 方 面 = Bề mặt, xét về mặt nào, cái phần mình xét riêng. — POINT DE VUE.

(2) **Kinh-phí**, 經 費 = Khoản tiền định ra để trang-chải các việc. — CRÉDITS.

(3) **Tài-nguyên**, 財 源 = Nguồn của cải ; nơi sinh ra của cải lời lãi. — SOURCE DE REVENUS ; RESSOURCES.

có tiền sưu-thuế của dân mà thôi. Số dân đóng thuế mỗi năm có tăng lên thì số tiền thuế mới được hơn, mà sự tăng ấy kể ra có được bao nhiêu, thật là không phu với cái công thi-thố của Nhà-nước. Nhà-nước làm nhiều việc, dân được hưởng nhiều lợi, thì cái phần gánh vác của mỗi người cũng phải theo đó mà tăng lên ít nhiều mới là đang. Ngoại ba mươi năm trời dân Bắc-kỳ được hưởng thái-bình, an-cư lạc-nghiệp, sự giàu có trong dân-gian đã tăng lên mắt trông thấy, dù ngày nay sưu-thuế có nặng hơn chút đỉnh cũng không phải là sức không thể đương được. Vả thuế tuy có tăng một chút mà cách thâu-nạp được công-bằng hơn xưa, người nào nộp cho kho Nhà nước bao nhiêu biết rõ bấy nhiêu, không có chỉ bằng ở cái cách san-bổ vô-lý của bọn kỳ-dịch mọt dân, thì ai là chẳng cam-tâm mà nộp?

Bởi các lẽ đó nên mấy tháng trước phủ Thống-sứ Bắc-kỳ có họp một hội-đồng những quan tây quan ta có tiếng lịch-lãm việc dân [1] để bàn kỹ về cách sửa đổi ngạch thuế thân cho hợp phép công-bằng và không sai cái nghĩa-vụ của dân đối với Nhà-nước trong buổi đương thực-hành nhiều việc công-ích công-lợi này.

Các điều hội-đồng bàn lược kể sau này, hội Tư-vấn Bắc-kỳ đã ưng-thuận cả và nghe đâu quan Toàn-quyền cũng đã duyệt-y rồi.

Thuộc về khoản bãi lệ miễn-trừ thì ai ai cũng công-nhận là phải. Tuy theo cái tư-tưởng cũ của người dân ta thì lấy sự miễn-trừ làm một cái vinh-dự, một cái quyền-lợi riêng nó phân biệt người chức-sắc với kẻ thường-dân, song cái tư-tưởng ấy ngày nay đã quá cũ lắm rồi. Trong bọn thượng-lưu trong nước là hạng xưa nay vẫn được hưởng cái quyền-lợi riêng ấy, ai cũng đã hiểu rằng cái nghĩa-vụ làm dân là phải nộp sưu-thuế cho Nhà-nước để giúp vào những sự kinh-phí chung, địa-vị mình càng cao, tư-bản mình càng lớn, thì cái phần gánh vác với xã-hội lại càng phải nặng hơn người thường mới là phải; có lẽ đâu những người sức đương được quá thừa mà không chịu, lại để cho kẻ cùng-dân phải chịu thay cho mình? Xét như thế thì sự miễn-trừ phàm người tri-thức không những không coi là một sự danh-dự mà lại coi là một sự mất danh-dự vậy. Mà thật thế. Cứ chính-lý thì trừ là phải trừ cho những kẻ thế không thể đương được, những kẻ nghèo đói tàn-tật mà thôi. Có lẽ đâu những người danh-giá lại tự cam liệt bằng dẳng với những hạng người ấy? Cho nên nói cái tư-tưởng cũ ngày nay đã thành cái tư-tưởng quá-độ [2] rồi. Vậy từ nay trở đi, phàm quan-lại, những bậc chức-sắc, những người tòng-sự Nhà-nước có lương-bổng cao, không được trừ sưu-thuế như xưa nữa; lệ miễn-trừ chỉ riêng để cho các hạng binh-lính (lính tập, lính khố xanh, lính cơ, lính lệ, lính tuần-thành, v. v.), cùng những hạng dân nghèo đói tàn-tật mà thôi. Đến như những hạng chánh-phó tổng, chánh-phó lý là những người làm việc quan không có lương-bổng thì tuy cũng phải theo lệ thuế thân như người khác, song Nhà-nước sẽ chịu thay cho, cho được công-bằng. Những người ấy sẽ được lĩnh thẻ không mất tiền.

Nay muốn cho hạng thuế thân của những bậc chức-sắc đặc-biệt [3] với

(1) Hội-đồng có ba quan công-sứ TISSOT, JABOUILLE, DARLES, quan tổng-đốc HOÀNG-TRỌNG-PHU, ông hội-trưởng hội Tư-vấn Bắc-kỳ NGUYỄN-HỮU-THU và ông thư-ký hội BÙI-ĐÌNH-TÁ. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ BOURCIER SAINT-CHAFFRAY thân làm chủ Hội-đồng.

(2) **Quá-độ**, 過渡 = Qua đi rồi, không thể trở lại nữa. Cái gì đã cũ quá, cổ quá. — DÉSI[illegible] SURANNÉ.

(3) **Đặc-biệt**, 特別 = Khác hẳn, không giống người ta; có ý khác mà hơn người. — SE DIS[illegible]ER.

người thường một chút, — vì cái tính tự-tôn[1] ai là người chẳng có, mà người Nam mình thường lại hay khó chiều về cái khoản ấy lắm, — Nhà-nước đã nghĩ được một kế cũng diệu thay : là thẻ thuế thân của các quan-lại cùng những người tòng-sự Nhà-nước sẽ đặt một kiểu riêng và định một giá riêng, khác với thẻ người thường. Chắc là kiểu riêng thì giá phải cao hơn, có lợi cho Nhà-nước một chút mà không tổn gì đến danh-dự người đóng thuế !

Hiện nay cả Bắc-kỳ ước được 2 vạn 7 nghìn hay là 2 vạn 8 nghìn người được trừ sưu. Số ấy tự năm 1919 sẽ đem cả vào sổ thuế thân mới, và bắt đầu tự sang năm có thể thi-hành lệ mới được ngay, không có sự gì ngăn-trở, vì cái tư-tưởng quốc-dân đã khác xưa nhiều lắm, ta chắc rằng các bậc quan-thân trong nước ai cũng sẵn lòng hoan-nghênh[2] một sự cải-cách rất hợp lẽ, rất công-bằng vậy. Vậy từ năm 1919 kho Nhà-nước sẽ nhờ đó mà thâu thêm được một khoản ước 7 vạn đồng, cũng là giúp thêm vào việc công-ích được một phần, mà phần ấy chính là phần của những hạng người xưa nay vẫn được hưởng lợi những việc công-ích kia nhiều hơn cả. Kể cũng là phải, đáng hơn nữa cũng chưa là quá.

Nay xét chính về sự sửa đổi ngạch thuế thân thì các quan Hội-đồng cùng với chính-phủ đều đồng-ý muốn hỗn cả ba thứ thuế cũ, là thuế đinh nội-tịch ngoại-tịch, thuế tạp-dịch, và thuế đò chợ, làm một thứ thuế thân định giá nhất-luật cho hết thảy mọi người. Nhà-nước tính ba thứ thuế cũ kể trên đó trong năm 1916 thâu được cả thảy là 3 triệu 9 vạn 3 ngàn đồng (3.093.000$00); cứ chiếu số đó mà định giá thuế thân mới là 2$50 một người, thì Nhà-nước đồng-niên được lợi thêm 50 vạn đồng, chia ra 1 triệu 48 vạn suất đinh phải chịu. Vậy thì mỗi suất đinh chỉ phải thêm hơn bù kém có 0$35, thật là chẳng có tăng hơn trước bao nhiêu vậy.

Đã định cái suất-số xong rồi, phải nghĩ cách thu-bổ thế nào cho cái tổng-số thuế đinh trong các xã trước sau không đến nỗi chênh nhau lắm. Nếu bây giờ định nhất-luật đem thi-hành ngay lệ mới trong toàn-kỳ thì có nhiều tỉnh nhất-dán[3] phải tăng tới 10 vạn đồng-bạc một năm, mà nhiều tỉnh lại được giảm đi nhiều, dân-gian không khỏi nao-động được. Chính phủ bèn định rằng cứ tuyên-bố[4] lệ mới ngay từ năm nay, nhưng sự thi-hành thì phải chia ra ba năm, làm lần lần mỗi năm một phần, hết ba năm thì có thể thi-hành được toàn-thể. Nghĩa là đáng lẽ một xã phải tăng lên bấy nhiêu hay là giảm đi bấy nhiêu, nhưng mà năm thứ nhất bằng tăng hay giảm chia ba có một phần, năm thứ nhì hai phần, đến năm thứ ba thì mới đúng toàn số. Trung-gian chính-phủ sẽ giao cho các quan Công-sứ đầu tỉnh phải cùng với các hội-viên hàng tỉnh kiểm-điểm lại cho kỹ những số nội-tịch ngoại-tịch của mỗi làng. Hiện nay những số ấy là do kỳ-dịch các làng tự khai, không có bằng-cứ nào. Vậy các quan Công-sứ phải xát-hạch lại các số đinh, rồi tùy theo vật-lực của mỗi làng, định cái số bao nhiêu ngoại-tịch phải sáp-nhập vào nội-tịch trong ba năm 1919, 1920, 1921, san sẻ thế nào cho đến ngày 1 tháng giêng tây năm 1922 thì xã nào

---

(1) **Tự-tôn**, 自尊 = Cái tính tôn mình, trọng mình hơn người — AMOUR-PROPRE.

(2) **Hoan-nghênh**, 歡迎 = Vui mừng mà đón tiếp, bằng lòng mà nhận. — ACCUEILLIR AVEC JOIE, FAVORABLEMENT.

(3) **Nhất-dán**, 一旦 = Một buổi sớm, vụt chốc, chỉ có một buổi mà.... — DU JOUR AU LENDEMAIN, SUBITEMENT.

(4) **Tuyên-bố**, 宣佈 = Ban rộng cho mọi người đều biết. — PUBLIER, PROMULG

trong toàn-hạt Bắc-kỳ cũng đều đúng cái số nghạch thuế mới ; đến bấy giờ thì lệ mới sẽ bắt đầu thi-hành được toàn-thể. Trong khoảng ba năm đó có lắm xã thấy số nội-tịch mỗi năm một tăng lên ; nhưng cũng lại có nhiều xã thì thấy mỗi năm thuế đinh một giảm đi, nghĩa là xã nào hiện nhiều nội-tịch thì được lợi mà xã nào hiện nhiều ngoại-tịch thì phải thiệt, theo như trên kia đã nói. Nhưng nhờ có quan trên kiểm-điểm lại sổ đinh của mỗi làng, kỳ-dịch không thể ẩn-lậu được như trước nữa, vả lại châm-chước chia ra những ba năm thì hoặc tăng hay là giảm cũng là từ từ, không có vụt chốc mà tới ngay toàn số, như thế thì dân cũng dễ chịu và công việc các tổng-lý phải đốc việc thâu thuế cũng không đến nỗi khó khăn cho lắm.

Vậy ngay tự năm 1919, nhân bãi lệ miễn-trừ và kiểm-điểm các sổ đinh lần thứ nhất, Nhà-nước có thể thâu thêm về khoản thuế thân ước được 15 vạn đồng. Năm 1920, 1921, cũng có thể thâu thêm mỗi năm được ngần ấy nữa. Đến năm 1922 bắt đầu thi-hành cái thuế thân mới trong toàn-kỳ thì số tăng hơn trước không có bao nhiêu nữa, dân tất không lấy gì làm nặng. Mà lại được một sự tiện-lợi to, là cách thâu nạp từ đấy sẽ giản-dị hơn trước nhiều, và người đóng thuế biết rõ rằng mỗi năm mình phải nộp cho Nhà-nước bao nhiêu, không đến nỗi mang-nhiên như trước nữa.

Ấy sự cải-cách thuế thân ở Bắc-kỳ đại-khái như thế. Theo cách mới thì sự thu-bổ được phân-minh, công-bằng và tiện-lợi hơn trước nhiều ; lại thêm cho công-khố được ít nhiều tiền để giúp những việc công-ích đương làm. Nhà nước khởi-hành các việc đó mỗi năm kinh-phí mất nhiều lắm, nếu số thâu-nhập không đương nổi số chi-xuất thì lấy tiền đâu mà làm cho thành công được. Vả cái tài-nguyên của Nhà nước chỉ có một, không có hai : là tiền thuế của dân. Thuế thì có thuế đinh và thuế điền, trong hai thứ ấy chỉ có thuế đinh là còn nhẹ quá và có thể tăng được ít nhiều mà thôi ; đến như thuế điền thì so-sánh với Nam-kỳ, ngoài Bắc này kể đã là nặng rồi : như ở Bắc-kỳ thì ruộng đánh thuế theo mẫu ta (là 3600 thước vuông tây), Nam-kỳ thì đánh theo mẫu tây (*hectare*, là 10.000 thước vuông), mà giá-ngạch thì ngang bằng nhau. Lại thêm ở Bắc-kỳ thường bị những thiên-tai như hạn như lụt, khiến cho nghề làm ruộng phải lắm nỗi hiểm nghèo, sự trúng sự thất không lấy đâu làm bằng. Như thế thì thuế điền đã quyết không thể tăng được, nếu thuế đinh cũng lại không tăng lên ít nhiều nữa, thì công-khố có ngày không đủ mà chi các việc. Vả sự tăng thuế đinh này đã chẳng bao nhiêu, lại khiến cho thuế-ngạch được phân-minh hơn xưa, sự thu-bổ được giản-tiện hơn xưa, thì thực là một việc cải-cách hay, lợi cho Nhà nước mà thỏa với lòng dân, tất ai cũng vui lòng mà thuận-nhận vậy.

Lại gần đây nghe nói Nhà nước định đặt thuế thân cho cả người Tây nữa, hiện nay đương sửa-soạn về việc ấy. Nếu quả như vậy, thì chẳng phải là một cái chứng nữa rằng Nhà nước rất công-bằng, vì việc công-ích phải tăng thuế dân ít nhiều, nhưng không để một dân bản-xứ phải riêng chịu mà lại bắt cả những dân Tây là hạng giàu sang hơn cũng phải chịu chung nữa ? Vậy thì sự cải-cách về thuế thân ở Bắc-kỳ này dân ta há lại không nên hoan-nghênh ru ?

NAM-PHONG

BÀN VỀ HỘI TƯ-VẤN BẮC-KỲ

(Chambre Consultative du Tonkin)

Hội Tư-vấn [1] Bắc-kỳ lập ra đã mười năm nay, mà cái nguyên-ý khởi-xướng tự đời quan Toàn-quyền PAUL BERT trọng-nhậm xứ này. Bởi lẽ gì mà ngài nghĩ đặt ra một hội như thế, bởi lẽ gì mà về sau Chánh-phủ Bảo-hộ cũng kế theo cái đường lối của ngài, cùng hội ấy được ích-lợi những gì đối với Chánh-phủ, đối với quốc-dân, tưởng nên bàn qua mấy điều ấy cho rõ cái tôn-chỉ [2] một sự kiến-thiết [3] rất hay trong việc chánh-trị xứ Bắc-kỳ ngày nay.

Hồi Nhà-nước Đại-Pháp mới sang đặt bảo-hộ xứ này, các quan cai-trị lúc bấy giờ đã hiểu ngay rằng muốn sửa sang việc chánh-trị cho thích-hợp với sự lợi-hại trong dân, thì cần phải biết cái ý-kiến dân thế nào. Mà cái ý-kiến dân ấy không thể hỏi ngay ở dân được, cũng không thể hỏi cả ở các quan-lại được ; cái ý-kiến dân ấy phải hỏi ở những người đứng ngoài quan-trường mà có đủ tư-cách thay mặt cho dân được, tức là những bậc thân-hào, những người có học-thức, cùng là những người làm ruộng, làm nghề, buôn-bán có danh-giá có phẩm-hạnh, dân có thể cậy được, Nhà-nước có thể tin được. Kịp đến khi quan PAUL BERT sang làm Thống-sứ Trung-Bắc-kỳ thì ngài muốn thực-hành ngay cái ý hay ấy mà đặt ra một hội gọi tên là « Hội Tư-vấn Bắc-kỳ », nghĩa là một nơi để Nhà-nước hỏi ý những người tai mắt trong dân về các việc ích-lợi cho bản-xứ. Song ngài trọng-nhiệm không được bao lâu, nên công-cuộc chưa thành được. Kế đến các quan Toàn-quyền sau thì còn bận về những việc sắp-đặt các công-cuộc lớn cho toàn-thể Đông-dương, chưa từng chú-ý riêng về xứ Bắc-kỳ. Mãi đến năm 1908 quan KLOBUKOWSKI là con rể quan PAUL BERT, khi mới sang sung chức Toàn-quyền bên này, muốn kế-thiệu cái chánh-sách của quan PAUL BERT khi xưa, bèn khôi-phục lại cái hội Tư-vấn Bắc-kỳ hồi trước. Ấy Hội Tư-vấn Bắc-kỳ ta ngày nay mới công-nhiên thành-lập từ hồi bấy giờ.

Nay ta xét lại cái nguyên-ý của các quan đã sáng-lập ra hội ấy thì hiểu rõ cái tôn-chỉ của hội ấy thế nào. Trong quốc-dân ta hiện còn nhiều người hiểu lầm cái tôn-chỉ ấy, có người thì hiểu rộng quá chưa hợp với trình-độ dân ta, có người thì hiểu hẹp quá, sai hẳn cái chủ-ý người đặt. Những người hiểu rộng quá thì cho hội Tư-vấn Bắc-kỳ cũng giống như các tòa nghị-viện bên Âu-châu, các ông hội-viên cũng giống như các nhà nghị-viên các nước, dân công-cử lên để ra chốn công-đồng bàn-bạc các việc chánh-trị. Hiểu thế thì thật sai quá và không biết cái trình-độ dân An-nam mình. Dân ta đã được bằng đâu dân các nước văn-minh, mà có đủ tư-cách tham-dự việc chánh-trị trong nước ? Nhà điền-chủ kia, ông bá-hộ nọ, hay là nhà buôn-bán nọ, ông thầu-khoán kia, tuy là những bậc tai-mắt, những tay danh-giá trong dân, song đã đâu dám sánh với những hạng nghị-viên các nước, đã đâu dám lấy cái danh-nghĩa làm đại-biểu dân

(1) **Tư-vấn** 諮問 = Hỏi-han, nói về quan trên hỏi ý người dân. — CONSULTER, CONSULTATIF.

(2) **Tôn-chỉ** 宗旨 = Cái nghĩa chính cốt, cái ý cao thâm của một sự, một vật gì. — LE BUT ESSENTIEL, LA SIGNIFICATION PROFONDE ; LE PRINCIPE.

(3) **Kiến-thiết** 建設 = Sự gây dựng, sự sắp đặt (thường nói về đường chính-t[illegible] UNE INSTITUTION (politique).

mà ra chốn nghị-trường cả lời cao tiếng yêu-cầu sự nọ, chỉ-trích việc kia? Không, cái mục-đích của hội Tư-vấn không phải thế; cái trình-độ dân ta chưa tới đó. Vả thử xét ngay những dân trình-độ đã cao hơn dân ta mà cái vấn-đề người dân tham-dự việc chánh-trị cũng còn khó giải thay, sinh ra lắm mối rối-loạn, lắm nỗi hiểm nghèo: như gần đây bên Âu-châu nước Nga, bên Á-châu nước Tàu, mắc phải cái vạ dân-chủ, hại biết bao nhiêu, khổ biết bao nhiêu, đến nay vẫn chưa thành kỷ-cương gì. Coi đó thì biết hai chữ tự-do tuy quí thật mà ví như con dao sắc, chớ nên để vào tay đứa trẻ con. Dân mình về đường chánh-trị cũng ví như đứa con nít chưa ra khỏi cổng nhà, đã thể nào giao cho quản-trị việc nhà được?

Những người hiểu hẹp quá thì cho hội Tư-vấn Bắc-kỳ là chỉ có cái hình-thức mà thôi, chớ thực thì không có ích-lợi gì cả. Nói rằng mỗi năm họp một lần chẳng qua là cho đủ lệ, hội-viên chẳng mấy khi bàn được việc gì hay, dẫu có bàn cũng chẳng mấy khi Nhà-nước theo, thành ra hội có cũng như không. Những người nào nói như thế thật hiểu sai cái chủ-ý của Nhà-nước nhiều lắm. Nhà-nước đặt ra hội Tư-vấn không phải là chỉ chủ cho có hình-thức, như làm một việc tắc-trách đâu; Nhà-nước thật là thành-ý muốn biết ý dân, nhưng biết ý không phải là tất-nhiên phải theo ý, vì dân ta như còn non nớt đủ đường, nên để cho tập bàn bạc điều phải lẽ trái, tựu-trung có điều theo được, có điều không theo được, quyền thủ-xả phải ở quan trên mới được. Còn các hội-viên không bàn được điều gì hay, cái đó là lỗi tại mình, hoặc vì tư-cách kém chưa biết đủ mà bàn, hoặc vì khinh-thường cái chức-việc mình không lấy làm quan-trọng, hai [illegible]g đều là thuộc về bổn-phận mình phả[illegible]a lại cho xứng-đáng. Vả cứ trong ý Nhà-nước, hội Tư-vấn này vừa là một nơi để Nhà-nước hỏi ý dân, lại vừa là một nơi để người dân học tập lấy cái nghề bàn-bạc cùng quản-trị việc công, cái nghề đó dân ta xưa nay chưa từng biết bao giờ. Hiện nay mới có hai cái mục-đích như thế, tuy chưa lấy gì làm cao cho lắm mà thật là thiết-thực, thật là hiệp với trình-độ dân xứ Bắc-kỳ. Hai cái mục-đích ấy mà đạt tới được, nghĩa là đến ngày dân vừa đủ tư-cách bàn với Nhà-nước được những điều hay, khuyên được những lẽ phải, lại vừa thông thuộc các cơ-quan chánh-trị, biết cách nghị-luận phải đường, thì thực là một sự tiến-bộ to cho dân ta vậy. Ngày đó Nhà-nước sẽ liệu mở rộng cho ta con đường ngôn-luận và cho ta dần dần tham-dự một phần to vào việc chánh-trị trong nước. Nhưng ngày đó chưa đến, hiện nay ta còn phải học-tập cho chăm-chỉ mới mong chóng tới được. Hội Tư-vấn ngày nay tức là nhà trường cho ta học tập đó; lâu hay chóng là bởi công phu người mình.

Xét đó thì biết những người cho hội Tư-vấn một cái địa-vị cao quá, cùng những người coi khinh thường quá, đều là không phải cả. Cổ-ngữ lấy có câu: « Tôn quá chớ nên, miệt quá cũng đừng ». Ta đối với hội Tư-vấn cũng phải theo lời cổ-ngữ đó mới phải. Ta chớ bắt chước những người kia mà suy-tôn là một tòa « Thượng-nghị-viện » hay là « Thứ-dân nghị-viện » xứ Bắc-kỳ. Ta cũng chớ nên theo những kẻ nọ mà khinh-miệt là một cái hội có xác mà không có hồn. Ta phải hiểu rõ cái tính-cách của hội đó, ta phải hiểu rõ cái nguyên-ý của Nhà-nước sáng-lập ra. Các ông hội-viên cũng phải nhận-chân cái bổn-phận, cái địa-vị của mình, mà không nên hiểu sai một cách hoặc quá rộng, hoặc quá hẹp, hoặc quá cao, hoặc quá thấp như hai hạng người trên kia. Làm ông tư-vấn-hội-

viên là có cái trách đem điều lợi hại trong dân bàn bạc bầy tỏ cho Nhà-nước biết trong những việc Nhà-nước hỏi đến ý-kiến mình. Khi nào Nhà-nước giao cho bàn bạc một việc gì, phải ra sức mà lĩnh-hội[1] lấy đầu đuôi việc ấy, rồi đem ra đối-chiếu[2] với cái chân-tình trong dân-gian, thương-lường châm-chước, tìm ra cái kế gì vừa ích quốc vừa lợi dân thì đem trình bầy cho Nhà-nước biết. Cốt nhất phải lấy một lòng thành-thực mà giúp nước giúp dân trong những việc ích-lợi chung, không nên ra ngoài cái phạm-vi[3] của mình, bàn những truyện viển-vông không thiết, đã không bổ-ích gì cho dân mà lại mất lòng tin của Nhà-nước; có thế thì ngõ hầu mới xứng đáng cái địa-vị làm người cố-vấn[4] của Nhà-nước, làm kẻ đại-biểu[5] cho nhân-dân. Chúng tôi bàn đây là lấy lời nói giữa, lấy lẽ đương-nhiên mà bàn, chắc rằng các ông hội-viên Bắc-kỳ ta ông nào cũng đã hiểu hết cái chức-phận của mình rồi, không đợi phải ai nhắc mới nhớ đến. Cứ coi mấy kỳ hội-đồng mấy năm nay các ông bàn bạc mọi việc rất là cẩn-trọng nghiêm-trang thì đủ biết các ông thật không phụ lòng tin của Nhà-nước, lòng cậy của quốc-dân. Các báo tây đã từng khen hội Tư-vấn Bắc-kỳ là biết khéo làm trọn bổn-phận một cách rất xứng-đáng. Song cái bổn-phận ấy trong quốc-dân ít người biết đến, trong người biết nhiều người hiểu lầm, cho nên hội Tư-vấn có đã lâu năm mà chưa mấy người rõ cái mục-đích là thế nào, sự ích-lợi được những gì, cùng vì lẽ gì mà Nhà-nước lập ra, vì lẽ gì mà dân ta có thể mong được nhiều sự kết-quả về sau này.

Nay cái cơ-quan đã thành rồi; cái phương-pháp đã định rồi; Chánh-phủ cùng dư-luận đã công-nhận rằng hội Tư-vấn là có ích. Vậy ta phải làm thế nào giữ được cái lòng tin ấy, cho từ giờ về sau càng ngày càng được tín-dụng hơn mãi lên. Rồi sẽ có một ngày kia ta tập mãi cũng phải quen, ta học mãi cũng thành nghề, bấy giờ Nhà-nước hẹp gì mà chẳng cho ta rộng đường ngôn-luận, cho xứng đáng với cái tư-cách mới của ta? Bấy giờ hội Tư-vấn sẽ có thể mong thành một nhà nghị-viện được. Nhưng hiện nay hãy còn sớm quá, ta còn phải tập cho cái tư-cách kia được hoàn-toàn đã. Cứ cái thể-thức hội Tư-vấn ngày nay thì thật là hợp với trình-độ dân ta bây giờ: nếu ta biết khéo lợi-dụng, cái kết-quả cũng không phải là nhỏ. Rồi mỗi ngày cái trình-độ kia cao lên bao nhiêu, tất cái phạm-vi của hội sẽ rộng ra bấy nhiêu vậy. Trên nhờ có Chánh-phủ khéo ra tay điu-dắt, dưới được các hội-viên biết cẩn-trọng việc bổn-phận, ngoài thời dân-gian không nóng không vội, biết đợi biết chờ, trên thuận dưới hòa, trong êm ngoài ấm như thế, có lẽ cái vấn-đề về quốc-dân tham-dự việc chánh-trị ở xứ Bắc-kỳ ta sẽ không lâu mà giải-quyết được một cách thỏa-đáng, không đến nỗi gian-nan trắc-trở như các nơi khác. Nếu được thế, thật là một sự may cho xứ mình.

NAM-PHONG

---

(1) **Lĩnh-hội,** 領會 = Thấu hiểu, thâu lĩnh được hết cái ý-tứ. — SAISIR, PÉNÉTRER, COMPRENDRE A FOND.

(2) **Đối-chiếu,** 對照 = Đem đối hai sự hai vật với nhau để cho nó rõ tỏ thêm ra. — CONFRONTER (deux choses pour les éclairer l'une par l'autre).

(3) **Phạm-vi,** 範圍 = Khuôn phép; cái giới-hạn của quyền-chức mình. — CADRE; LIMITES (de ses attributions).

(4) **Cố-vấn,** 顧問 = Đoái hỏi, người mà Nhà-nước hỏi-han đến để biết điều hơn lẽ thiệt. — CONSULTER, CELUI QU'ON CONSULTE; CONSEILLER.

(5) **Đại-biểu,** 代表 = Thay mặt, người thay mặt dân, người đã được người [illegible] ủy quyền cho. — REPRÉSENTANT, MANDANT.

BÀN VỀ CHIẾN - TRANH

I

Một bài diễn-thuyết của quan Giám-quốc Hoa-kỳ về mục-đích sự chiến-tranh

Quan Giám-quốc Hoa-kỳ WILSON phàm nói hay là làm, thứ nhất vụ cho thiên-hạ biết rõ cái việc mình làm hay là mình nói, khiến không ai còn nghi-ngờ được chút nào. Ngài vốn là một nhà pháp-luật, một tay bác-học, nên tuy để mình vào chánh giới (1) mà không ưa những thói nhỏ-nhen, những cách ám-muội, những kế quyền-mưu của các nhà chánh-trị. Thân làm ông thủ-lĩnh (2) một nước lớn nhất trong thế-giới, mà vẫn giữ cái tính-cách, cái phong-thể ông giáo trường Đại-học lúc bình-sinh. Phàm xử-sự, dù việc nội-chánh, dù việc ngoại-giao, chỉ dùng những cách chánh-đại quang-minh, hợp với công-lý pháp-luật. Trước khi nước Mĩ vào cuộc chiến-tranh, ông còn du-dự, đã từng mang tiếng với thế-giới là người không quả-quyết, nhưng vì bấy giờ cái mục-đích sự chiến-tranh chưa được phân-minh lắm, ông chưa biện-biệt được rõ bên nào là bên phải bên nào là bên trái, – phải trái theo lẽ công của vạn-quốc chớ không phải theo lẽ riêng của nước này hay nước nọ, – nên ông hẵng tạm chịu tiếng không quả-quyết hơn là mang tiếng khinh-suất. Mà một nhà học-vấn như ông, phàm việc gì cũng suy-tầm cho biết trước sau ngành ngọn, rồi mới ra tay thi-thố, tất không gì kỵ bằng sự khinh-suất vậy. Kịp đến khi ông đã biết chắc rằng phe Đồng-minh, vị công-lý mà ra quyết-đấu với đảng Đức-Áo, thì bấy giờ ông không còn ngần-ngại gì nữa, quyết chí vào phe với Đồng-minh. Trước sau thật là một lòng thành-thực, thành-thực với mình, thành-thực với quốc-dân, thành-thực với thế-giới nữa. Một nhà chánh-trị mà có lòng thành-thực đến thế thì thật cổ-kim chưa từng có nhiều vậy.

Từ bấy đến nay không có dịp nào là ông không công-bố cái chủ-nghĩa cho quốc-dân, cho thiên-hạ biết. Chính ông xướng ra cái dư-luận (3) về mục-đích sự chiến-tranh. Chắc trong mấy nước đánh lộn nhau, nước nào cũng có cái mục-đích riêng của nước ấy. Nhưng có cái mục-đích hợp với công-lý, có cái mục-đích trái với công-lý. Muốn làm chúa-tể cả địa-cầu mà ra tay tàn-hại giống sinh-linh, đó là cái mục-đích trái với công-lý. Muốn thu-phục lại chốn giang-sơn cũ mà giải thoát cho những dân bị lầm-than khổ-nhục, đó là cái mục-đích hợp với công-lý. Mục-đích trên là mục-đích của đảng Đức-Áo, mục-đích dưới là mục-đích của phe Đồng-minh. Mục-đích dưới phân-minh chánh-đáng bao nhiêu thì mục-đích trên khuất-khúc ám-muội bấy nhiêu. Cho nên khi ông khởi ra cái vấn-đề về mục-đích sự chiến-tranh thì ông giải ngay cái vấn-đề ấy mà công-bố cái mục-đích của nước Mĩ, của cả phe Đồng-minh cho thiên-hạ biết. Ông lại hỏi

(1) **Chánh-giới**, 政界 = Trong vòng chánh-trị, gồm những người trong vòng chánh-trị, những việc thuộc về chánh-trị. – MONDE POLITIQUE, SCÈNE POLITIQUE ; LA POLITIQUE.

(2) **Thủ-lĩnh**, 首領 = Ông quan đứng đầu một nước. – PREMIER MAGISTRAT D'UN PAYS, CHEF D'ETAT.

(3) **Dư-luận**, 輿論 = Lời bàn chung, gồm những lời bàn chung, những ý-kiến chung của – OPINION, COURANT D'OPINION.

đảng Đức-Áo cái mục-đích của họ thế nào : xem cách trả lời lúng-túng đủ biết cái tình-ý gian.

Cho hay kẻ gian không muốn rõ tâm-sự cho người biết, mà người ngay thì không sợ rãi bụng mình cho thiên-hạ hay. Từ đấy quan Giám-quốc Hoa-kỳ đã từng nhiều lần, hoặc diễn-thuyết ở các nơi hội, hoặc bá-cáo cho quốc dân, hoặc gửi quốc-thư cho các Chánh-phủ, giải-thích phân-minh cái chủ-nghĩa chiến-tranh của nước Hoa-kỳ, tức là của cả các nước Đồng-minh nữa. Mỗi lần như chiếu cái đuốc sáng Công-lý vào cái nội-dung (1) u ám của cuộc chiến-tranh vậy.

Hồi cuối tháng chín mới rồi, nhân nước Mĩ mở quốc-trái, ngài lại mới diễn-thuyết một lần nữa ở thành New-York (Nữu-ước). Nay ta theo các báo tây mà lược-dịch bài diễn-thuyết ấy ra sau này, tưởng cũng là một đoạn nghị-luận hay về sự chiến-tranh vậy.

Lời diễn-thuyết rằng :

« Tôi đến đây không phải là để khuyên quốc-dân giúp vào cuộc quốc-trái. Đã có hàng trăm hàng nghìn các ông các bà thành-tâm với nước, tận-lực vì nước, đi cổ-động khắp mọi nơi, nên tôi chắc rằng kỳ quốc-trái này sẽ thành hiệu-quả to, vì tôi đã hiểu hết cái bụng dân rồi. Lại thấy những ông chủ các nhà ngân-hàng ta cũng hết thảy đem tài riêng mà giúp Nhà nước trong việc nghĩa này thì tôi lại vững lòng hơn nữa. Tôi đến đây là muốn nhân một cái dịp hay mà diễn cho các ông nghe một vài cái ý-kiến riêng, để làm cho bọn mình vui lòng hởi dạ mà làm hết cái việc bổn-phận ngày nay, là đem người đem của giúp Nhà-nước cho công chóng thành, không quản sự hao-tổn tần-phiền.

« Tôi chắc rằng không ông nào bà nào cái sức mình giúp Nhà-nước được đến đâu lại không hết lòng mà giúp đến đấy. Tôi nói đây chỉ là giải rõ cho mọi người nghe cái chân-nghĩa của cuộc chiến-tranh này thế nào. Tôi tưởng không cần phải cổ-động gì, không cần phải nhắc cho ai cái việc nghĩa-vụ mà mọi người đều phải làm.

« Nói về sự chiến-tranh này là sự chiến-tranh của cả quốc-dân

« Càng chiến-tranh ta mới càng hiểu rõ cái mục-đích của ta trong cuộc chiến-tranh này thế nào. Cái lòng trông mong của ta càng cao lên bao nhiêu, ta lại hình như càng nhìn thấy rõ ràng cái kết-quả nó bầy ra cho ta bấy nhiêu, cái kết-quả ấy cũng như cái mục-đích kia, trước ta không thể dự-định được, mà sau ta cũng không thể thay đổi được. Không phải là một nhà chánh-trị nọ hay là một đảng nghị-viện kia khởi-xướng ra được, mà cũng không phải là một đảng nghị-viện nọ hay là một nhà chánh-trị kia mà biến-dịch đi nổi. Nhà chánh-trị, nhà nghị-viện chẳng qua chỉ có thể hoặc thuận mà theo, hoặc nghịch mà cưỡng mà thôi. Khi mới đầu dễ cái mục-đích ấy, cái kết-quả ấy chưa được phân-minh lắm, nhưng ngày nay đã rõ ràng quá rồi. Sự chiến-tranh đã diên-mạn (2) đến hơn bốn năm trời, cả thế-giới đã bị xua đùa vào đấy, cái ý-nguyện chung của loài người đã bị làm hi-sinh (3) cho lòng dục-vọng riêng của mấy nước.

---

(1) **Nội-dung,** 內容 = Bề trong, phần trong, cảnh-tượng ở bên trong, ngoài không thấy được, điều bí-mật. — ASPECT INTÉRIEUR ; COULISSES ; SECRETS.

(2) **Diên-mạn,** 延蔓 = Kéo dài ra, lan man mãi không hết. — TRAÎNER EN LONGUEUR, DURER LONGTEMPS.

(3) **Hi-sinh,** 犧牲 = Chính nghĩa là con vật giết để cúng thần. Nghĩa bóng là phải chịu thiệt-thòi, phải hoài mình, vì một sự gì, vì một việc nghĩa gì. — *Litt.* VICTIME IMMOLÉE EN SACRIFICE AUX GÉNIES ; *par extension* : SACRIFICE ; SE SACRIFIER, ÊTRE SACRIFIÉ POUR UN BUT, UNE CAUSE.

« Cũng có lẽ rằng cuộc chiến-tranh này là khởi ra tự mấy nhà chánh-trị, nhưng mà những nhà chánh trị ấy cùng cả những kẻ phản-đối với những nhà chánh-trị ấy cũng không ai có tài mà tùy ý ngăn cầm lại được. Sự chiến-tranh này đã thành cái chiến-tranh của cả bàn dân, và bao nhiêu dân-tộc thuộc về các giống người khác nhau, cái trình-độ phú-cường cũng không giống nhau, đều bị xua đùa vào đấy cả.

« Nước Mĩ ta nhập-cuộc giữa lúc cái cục diện đã bày ra rõ ở, giữa lúc đã hiển-nhiên rằng không có nước nào đứng ngoài cuộc mà được, không có nước nào tránh khỏi cái ảnh hưởng (1) sự chiến-tranh được. Cái thần chiến tranh đã cất tiếng phân-minh mà hô-hoán cho thiên-hạ biết, và cái tiếng ấy đã cảm-động đến tấm lòng ta. Anh em ta ở các nước, đồng-bào ta bị chết oan dưới bể, đồng-thanh mà kêu gọi ta, ta phải vội vàng phó-nạn (2), cũng là một lẽ tự-nhiên vậy.

« *Mấy cái vấn-đề của sự chiến-tranh*

« Khi nhập-cuộc ta đã nhìn rõ ngay cái chân-tướng trong chiến-cuộc. Ta đã chú-mục mà xem xét, liệu trước cái kết-cục thế nào. Ta biết rằng sự chiến-tranh này sẽ sảy ra những việc gì và ta công-nhiên thuận-nhận như thế. Ta công nhận sự chiến-tranh là một sự thực trước mắt, mà ta không có theo phe này giải ra thế này hay là bọn kia nói ra thế kia. Nếu có người bàn nên giải-quyết ra thế này là phải hay là nên giải-quyết ra thế kia là hơn, thì ta cũng không có nhận ngay, ta phải xét xem cái cách ấy có hợp không, có giải-quyết được sự chiến-tranh một cách dứt-khoát thỏa-đáng hay không. Hiện nay những vấn-đề bởi sự chiến-tranh mà ra có mấy điều như sau này :

« — Có thể để cho một nước nào hay là mấy nước họp nhau thành đảng, dụng võ lực mà áp-chế những dân khác nước khác, bất thế nào được thế, muốn cho sống được sống, muốn cho chết phải chết, hay không ?

« — Có thể để cho những nước cường mạnh được tự-do tiêu-diệt những nước yếu-hèn, hoặc bắt phải thần-phục mình, hay không ?

« — Có thể để cho các dân các nước, dù trong việc nội-chánh cũng vậy, phó mặc cho một bọn cường-quyền tự mình chuyên-chế, không có trách-nhiệm với ai, hay là phải để cho người dân được tùy ý kén chọn kẻ cai-trị mình ?

« — Các dân các nước đối với nhau có một cái công-pháp công-lệ gì không, hay là dân nào mạnh được tùy ý muốn đãi các dân khác thế nào cũng được, và dân nào yếu thì đành phải chịu khổ không cầu-cứu với ai được, hay sao ?

« — Có thể để cho cái quyền-lợi trong thiên-hạ ai muốn nhận cũng được, hoặc vì kết bè lập đảng mà ngẫu-nhiên được. hay là phải có một nơi hội-nghị chung để bắt ai ai cũng phải giữ cái quyền-lợi chung, hay sao ?

« Chắc không có người nào, không có đảng nào đã định chọn bấy nhiêu điều làm cái mục đích sự chiến-tranh. Nhưng rồi cũng đến ngày kết-cục, — đến ngày ấy thì không thể lấy sự điều đình, sự châm-chước hay là sự lợi-hại riêng mà kết được, phải kết thế nào cho một lần xong hết. phải kết thế nào cho hết thảy mọi người đồng-lòng mà thuận-nhận một cách bẵn-hoi rằng phàm quyền-lợi của người ta dù là của người mạnh hay là của người yếu cũng là đáng phải tôn-trọng cả.

---

(1) **Ảnh-hưởng**, 影 響 = Chính-nghĩa là cái bóng, cái vang ; nghĩa bóng là sự gì có chuyển-động, có lợi-hại đến sự khác.— *Litt.* OMBRE ET ECHO ; *par ext.* RÉPERCUSSION, INFLUENCE ; ACTION EXERCÉE PAR UNE CHOSE SUR UNE AUTRE.

(2) **Phó-nạn**, 赴 難 = Chạy lại mà giúp việc hoạn nạn. — ACCOURIR A L'APPEL DU DANG

« Nếu ta thật là hiểu rõ cái việc ta đương làm, nếu trong lòng ta thật là thành-thực sáng-suốt, thì mỗi lần ta nói đến sự hòa-bình và ta mong cho sự hòa-bình được lâu bền, tất phải giải nó như trên đó mới là phải.

« Ta thiết-tưởng rằng muốn hòa-bình mà phải thương-lượng, phải châm-chước với các chánh-phủ Trung-ương (*les gouvernements des empires centraux*) thì không thế nào hòa-bình được, vì ta đã biết cái cách giao-thiệp của mấy chánh-phủ ấy đối với nước Nga ở Brest Litowsk, đối với nước Lỗ (Roumanie) ở Bucarest rồi.

« Phải nên đặt một hội Vạn-quốc

« Ta đã rõ tỏ rằng các chánh-phủ ấy không biết cái danh-dự là cái gì, và không biết sự công-nghĩa là vật chi ; biết ký điều-ước mà không biết tuân điều-ước ; ngoài cái võ-lực, ngoài cái quyền-lợi riêng của mình, không còn biết điều danh nghĩa gì nữa. Ta không thể nào điều-đình với họ cho thỏa-đáng được, vì ta không tư-tưởng như họ, họ không ăn nói như ta.

« Vậy có một điều rất quan-trọng, là ta phải giải-thích cho phân-minh cái nghĩa chữ hòa bình đó. Ta vị cái danh-nghĩa gì mà ta phải ra chiến-tranh, thì muốn cho hòa-bình ta phải làm thế nào cho cái danh-nghĩa ấy được hoàn-toàn, có thế thì sự hòa-bình kia mới là chánh-đáng.

« Điều đó là một điều không còn nghi-ngờ được nữa.

« Nếu cái mục-đích chung của các chánh-phủ ngày nay hiện đương kết-liên nhau để chống đối với nước Đức, cùng của các dân-quốc bị nước Đức áp-chế, là phải điều-đình thế nào sau này cho được hưởng sự hòa-bình lâu dài chắc chắn, thì những nước nào sắp ra ngồi vào bàn nghị-hội phải biết trước cái giá-trị của sự hòa bình ấy và sẵn lòng mua chuộc lấy cho được ; lại phải đồng-tâm hiệp-lực với nhau mà bày phương đặt kế để giữ cho những điều-khoản của sự hòa-bình ấy ai cũng phải tuân theo mà không ai phản-bội được. Cái giá-trị của sự hòa-bình ấy là gì ? Là mỗi khoản trong hòa-ước sau này phải đặt cho rất mực công-bằng, dù cái quyền-lợi nó can-thiệp vào đấy thế nào mặc lòng ; không một thể, lại phải làm thế nào cho thỏa mấy dân mấy nước đã bị khốn-nạn về sự chiến tranh này. Đến như cái cơ-quan (1) mà dùng để gìn-giữ cho sự hòa bình ấy được chắc bằng thì là gì ? Là phải đặt một hội Vạn-quốc, cho chánh-phủ các nước tổ-chức (2) lên và chăm nom cho thành công-hiệu. Có một hội Vạn-quốc như thế thì cuộc hòa-bình trong thế-giới mới chắc-bằng được, không thời hòa cũng như không, vì không có pháp-luật gì làm bằng. Vả cái tính-chất người Đức ta đã biết rồi, nó không xuất-hiện đâu ra lúc còn đương ngồi ở bàn nghị-hòa, mà đợi đến lúc nghị-hội tan rồi mới trình bày cái mặt xấu ra vậy.

« Trong công việc nghị-hòa sau này, phần thứ nhất là phải tổ-chức cái hội Vạn quốc (*Ligue des Nations*) ấy và giải-thích rõ ràng cái mục-đích thế nào. Hiện nay chưa thể lập ngay được. Nếu lập ngay bây giờ thì lại là một đảng Đồng-minh mới chỉ khu trong những nước hiện đương kết-liên nhau để đánh kẻ thù chung mà thôi.

« Làm thế nào giữ cho sự hòa-bình được chắc-bằng ?

« Cần nhất là phải làm thế nào giữ cho sự hòa-bình được chắc bằng, phải sắp đặt thế nào cho thế-giới thật được yên-ổn mà khỏi phải lo sợ. Nếu ta đem ủy-thác sự hòa-bình ấy cho mấy chánh-phủ

(1) **Cơ-quan**, 機關 — Máy móc ; cái gì xếp đặt ra để lợi-dụng về một việc gì. — ORGANE.

(2) **Tổ-chức**, 組織 = Chính nghĩa là đan dệt ; xếp đặt sửa sang cho có giường mối. — *Litt.* TISSER, FAIRE UN TISSU ; *par ext.* COORDONNER, ORGANISER, CONSTITUER.

kia đã đang tay phá-hoại nước Nga, giầy vò nước Lỗ, thì chẳng là dại lắm ru ?

« Vậy tưởng nên đề-xướng trước mấy điều đại-khái trong cái chương-trình sắp đặt sau này.

« Thứ nhất là : Cái lẽ công-bằng thì phải bằng-đẳng cho mọi người, không có thiên về bên nào, người trong bụng muốn sự công-bằng với người trong bụng không muốn sự công-bằng không được xung-đột (1) nhau Đã công-bằng thì không ai được hơn ai, không ai phải kém ai, cái quyền-lợi của các dân có can-dự vào đấy phải ngang bằng nhau mới được

« Thứ nhì là : phàm nước nọ hiệp-ước với nước kia phải lấy sự ích-lợi chung làm chủ, không bao giờ được lấy sự ích-lợi riêng của mỗi nước làm bằng.

« Thứ ba là : không nước nào được kết đảng lập phe với nước khác mà không có hội Vạn quốc thuận nhận.

« Thứ tư là : Nhất là về đường kinh-tế, nước nọ không được kết ước với nước kia mà không có hội Vạn-quốc thuận-nhận. Không nước nào được đề-chế (*boycotter*) đồ hàng của nước khác mà cũng không nước nào được cưỡng-bắt nước khác phải mua đồ hàng của mình. Phải có Hội Vạn-quốc cho phép mới được, và khi nào cho phép là có ý muốn trừng-phạt một nước nào

« Thứ năm là : Phàm điều-ước mấy nước ký với nhau phải cho cả vạn-quốc biết, không được giấu.

« Bởi xưa nay cứ nước nọ mật ước với nước kia, nước nọ tìm cách cạnh-tranh với nước kia về đường kinh-tế nên càng kích-động cái lòng dục-vọng của nhau mà làm cho thế-giới phải lầm-than trong vòng máu lửa. Hòa-bình mà không tiệt-trừ những cái hoạn ấy thì cũng là hòa giả dối mà thôi, không có lấy gì mà chắc bằng cho sự yên-ổn về sau này.

« Tôi diễn-giải những điều ấy cho quốc-dân nghe là tôi có lòng tin quốc-dân, cái lòng tin ấy xưa nay vẫn là thuộc trong lề thói nước ta, mà do cái chủ-nghĩa của ta vẫn sương-xuất, là phàm hành-động sự gì nên hiệp sức vạn-quốc mà làm. Cứ như cái công-pháp tôi đã kể trên đó thì nước Mĩ ta không được kết ước riêng với một nước nào. Lại theo cái công-pháp đó thì nước ta cũng phải sẵn lòng đảm-đang một phần trách-nhiệm trong sự giữ gìn cho các điều-ước chung, tức là giữ cho cuộc hòa-bình sau này vậy. Ta phải nhớ cái câu châm-ngôn (2) đáng truyền vào vàng đá của ngài Hoa-thịnh-đốn (WASHINGTON) ta : « Chớ có nên làm những sự kết-liên ám-muội.... » Nhưng thời bấy giờ là kết-liên thành phe thành đảng, chớ bây-giờ là cả vạn-quốc kết-liên với nhau, như thế thì ta sẵn lòng nhận một phần trách-nhiệm trong cái cuộc kết-liên công-đồng ấy.

« Tôi lược-thuật cho các ông cái tình-thế trong thiên-hạ như thế, không phải là tôi có ngờ gì cái bụng của các bạn Đồng-minh ta đâu, nhưng tôi tưởng cần phải phá những lời bàn thiên-lệch của những kẻ quyền-mưu, có cái mục-đích ám-muội làm cho người ta rối trí. Cần phải bày rõ cái sự thực hiển-nhiên ra ; có thế mới so-sánh được trước sau, và biết rằng cái chí ta không bao giờ đổi.

« Tôi cũng được thỏa lòng rằng trong sự chiến-tranh này là ta vị những cái lý-tưởng. những cái mục-đích mà đến nay đã công-nhiên trình bày trong khắp thế-giới vậy. Tôi lại được vui lòng mà báo cho quốc-dân biết rằng cái mục-đích càng rõ ràng ra bao nhiêu thì cái lòng hăng-hái nhiệt-thành của ta lại càng tăng lên bấy nhiêu vậy.

---

(1) **Xung-đột,** 衝突 — Ra xô đẩy tranh dành nhau. - ENTRER EN CONFLIT, EN LUTTE.

(2) **Châm-ngôn,** 箴言 = Lời khuyên răn để mà bắt chước, theo đó mà ăn ở. — MAXIME ; CONSEIL PRATIQUE (de conduite).

« Mục-đích của sự chiến-tranh

« Hiện mấy nghìn vạn con người đương ra sức chiến-đấu cho cái mục-đích ấy thành được, vậy những người ấy càng hiểu rõ vì lẽ gì mà mình chiến đấu như thế thì cái nhuệ-khí (1) lại càng mạnh thêm lên mà trở nên vô-địch. Ấy chính cái đặc-sắc (2) của sự chiến-tranh này là trong khi các nhà chánh-trị - phận-sự mình là phải dìu-dắt cho cái tư-tưởng của quốc-dân — còn kiếm cách giải cái mục-đích thế nào, thì cái tư-tưởng của công-chúng đã phát-hiện ra rõ-ràng rồi Công-chúng đã hiểu vì lẽ gì mà mình phải chiến-tranh. Cái mục-đích riêng của từng nước không coi là quan-trọng nữa, và cái mục-đích chung của cả nhân-loại mới thật là xứng đáng hơn. Lời bàn của những người thành-thực mới thật có giá-trị hơn là lời khuyên của những kẻ nguỵ-biện, muốn làm ra mặt mình có một phần quyền-lực có thể truyền được cái cuộc cờ của thế-giới. Bởi thế nên tôi nói rằng sự chiến-tranh này là sự chiến-tranh của cả bàn dân, không phải là sự chiến tranh của những nhà chánh-trị. Các nhà chánh-trị phải theo cái tư-tưởng chung của cả bàn-dân, không thời nhà chánh-trị cũng không đứng vững được.

« Tôi thiết nghĩ rằng các đảng, các hội, các chánh-phủ của bọn thợ thường hỏi căn vặn những nhà chánh-trị đứng đầu chánh-phủ trong các nước rằng những nhà ấy theo đuổi việc chiến-tranh này là vì cái mục-đích gì, chủ sự kết-quả gì, nên nói phân-minh trọn-vẹn cho họ biết, cũng là do một lẽ đó vậy. Những nhà ấy trả lời, bọn đó chưa lấy làm bằng lòng. Bọn đó còn sợ rằng cái mình sở-nguyện không chắc có được không, sợ rằng các nhà chánh-trị nước mình lại chỉ lấy những sự nhường đất chia quyền làm cái kết-quả sự chiến-tranh, mà không nhìn rộng tới cõi hòa-bình, nơi công-lý. Theo ý họ thì trong một cuộc chiến-tranh bao gồm cả thế-giới như thế này, cái kết-quả phải thế nào cho thỏa-mãn được cái lòng hi-vọng tối-thiết của những dân những nước còn đương ở chốn nô-lệ lao-lung, thì mới đáng cái công chiến-tranh khó nhọc vậy.

« Mục-đích phải cho nhất-trí (3)

« Ta chắc rằng những quan thủ-lĩnh của các chánh-phủ đồng-minh với ta nếu có dịp nói như tôi đây, tất cũng nói một cách thành-thực rõ-ràng như tôi vậy. Thẳng-hoặc trong cách tôi giải-thích cái mục-đích sự chiến-tranh cùng dự-định cái kết-cục sau này có sai lầm, chắc các ngài cũng dùng cái quyền tự-do mà bình-phẩm được. Mục-đích phải cho nhất-trí, sự đó cũng yếu-cần cho cuộc chiến-thắng, tức như ở nơi chiến-trường hiệu-lệnh phải cho nhất-trí mới được : mục-đích có nhất-trí thì mới chắc có ngày toàn thắng được.

« Muốn cho toàn-thắng không có phương-kế nào khác đâu. Đảng Đức biết bao nhiêu lần mưu sự giảng hòa, nay ta muốn chế hoặc muốn trừ cái mưu nham-hiểm ấy, còn gì bằng chứng cho thế-giới biết rằng mỗi trận thắng của quân ta là một bước gần tới cõi hòa-bình đó, và có hòa-bình như thế thì các dân các nước mới được an toàn, mới dám chắc rằng sau này không còn bao giờ lại có cái hoạn chiến-tranh như thế nữa. Chớ như nước Đức

(1) **Nhuệ-khí,** 銳氣 = Cái khí sắc nhọn, hăng hái ; cái khí mạnh bạo của quân lính. — ENTRAIN, FOUGUE, ARDEUR ; MORAL DES TROUPES.

(2) **Đặc-sắc,** 特色 = Cái sắc riêng, cái nét lạ nó phân biệt cái này với cai khác. — PARTICULARITÉ ; CARACTÉRISTIQUE.

(3) **Nhất-trí,** 一致 = Hết thảy đều theo, đều quay về một nơi một hướng, như mọi người đều có một mục-đích, mọi người đều theo một đường. — UNITÉ (unité de but, [illegible] de travail...)

kia vẫn thường tuyên bố cho ta biết các điều khoản về sự hòa-bình theo ý riêng của nước ấy, nhưng mỗi lần tuyên bố có ai làm tai nghe đâu, là vì những điều-khoản ấy thế giới không thể nào nhận được. Thế-giới chỉ trông mong một điều : là cái bụng chân-thành, cái lòng công-nghĩa sau này tất được thắng vậy. »

*
* *

II

Có trong ba tháng

Tự tháng bảy tây tới nay, quân Đồng-minh mỗi đánh mỗi được, đã thu phục được nhiều đất ở mặt trận Pháp, chẳng bao lâu nữa mà đuổi được quân Đức ra ngoài địa-giới. Nay đọc trong báo tây (*Indépendance tonkinoise* ngày 28 tháng 10 năm 1918) có bài đề là « Có trong ba tháng », kể tường về những chiến-tích (1) hiển-hách của quân Đồng minh, nhất là quân Pháp đã thu được trong khoảng từ tháng bảy đến tháng mười tây. Có trong ba tháng mà công thành to bằng mấy năm ! Nếu trong ba tháng sau nay nữa, lại lũ-chiến lũ-thắng (2) như thế, thì cuộc chiến-tranh thật đến ngày liễu-kết (3) vậy. Sau này lược dịch bài báo tây :

« Ngày tháng 8 năm 1914, nếu có người chiêm-nghiệm trước mà nói rằng cuộc chiến-tranh này sẽ diên-mạn đến bốn năm trời, thì tất ai cũng cười mà cho là người cuồng. Mà không những các nhà võ-tướng cho là cuồng, các nhà kinh-tế cũng cho làm vậy, vì đã tính chi-li rằng cứ cái lối chiến-tranh ngày nay thì toàn-quốc phải động-binh (*mobilisation integrale*) như vậy thì các nước Âu-châu không thể nào dương được đến hơn 18 tháng. Té ra ai cũng lầm cả, vì cứ xét như một nước Pháp ta, nhờ được công-nghệ vốn thịnh-vượng, quốc-dân vốn nhẫn-nại, đã từng trải bốn năm chiến-đấu cực gớm ghê, mà vẫn chịu được, không thấy núng chút nào. Nay nhờ thêm có nước Mĩ giúp, có lẽ nước Pháp ta lại còn mạnh hơn hồi mới khai-chiến vậy.

« Còn đến cái nghị-lực, cái nhuệ-khí của quân-lính ta thì dù trong những khi quẫn-cấp, như hồi nước Nga bỏ cuộc, quân Đức nhờ đó đem cả quân mặt đông về mặt tây, thế mạnh hơn trước gấp đôi, chỉ chực thẳng tiến vào kinh-đô, đến những lúc ấy cũng không hề nhụt đi chút nào.

« Từ đó đến nay, chiến-cục đã mấy phen biến đổi ! Chỉ có trong khoảng ba tháng vì quan Thống-tướng Foch mới khởi đánh « phản-kích » (*contre offensive*) từ ngày 19 tháng 7 — mà cái tình-trạng của hai quân thật là đảo lộn cả. Từ trước tới đó, quân Đức vẫn chắc giữ quyền chủ-động về mặt trận tây, tới đó quyền ấy đã chuyển sang tay ta rồi. Ngày 1 tháng 8, Đức-Hoàng (*le Kaiser*) vẫn giữ cái thói kiêu-càng xưa nay thảo tờ dụ cho dân, tờ hịch cho quân, trong nói rằng : « Cái phần khó-nhọc nay đã xong rồi. Về « mặt đông cái quyền-lợi của quân ta « thu-hoạch được đã có điều-ước công-« nhận rồi, không còn ngại gì nữa. Về « mặt tây thì cứ cái tình-trạng hiện nay « ta có thể quyết rằng nước Đức ta xong « cuộc chiến-tranh sẽ được hùng cường « hơn xưa. Cuộc chiến-tranh này như cơn « gió bão lớn, có đánh đổ nhiều nước « yếu hèn, mà không lay chuyển được « nước Đức ta. »

---

(1) **Chiến-tích,** 戰績 = Cái công đánh trận giỏi, đánh trận được thành công. — EXPLOITS MILITAIRES ; BEAU FAIT D'ARMES.

(2) **Lũ-chiến-lũ-thắng,** 屢戰屢勝 = Đánh bao nhiêu lần là được bấy nhiêu lần, đánh trận nào được trận ấy. — AUTANT DE BATAILLES, AUTANT DE VICTOIRES (expression sino annamite).

(3) **Liễu-kết,** 結了 = Kết cục xong mọi việc. — CONCLUSION (qui met fin à une chose).

« Cũng một vua Đức đó, ba tháng trước nói những lời ngông cuồng như vậy, mà tới nay kêu van xin đình-chiến để cứu vớt lại những quân-đội đương chạy thua tán-loạn không được, phải đi trốn tránh một nơi nào để khỏi mũi dao viên đạn của kẻ thích-khách muốn trừ cho nước Đức, trừ cho thế-giới cái quái-vật (*ce monstre*) ấy, để giúp cho cuộc hòa-bình chóng thành, nhân-dân đương khao-khát.

« Ôi ! cái ngày kia là ngày nào mà Thái-tử Đức (*le Kronprinz*) sau khi đã tập-hợp quân-đội rất nhiều, theo lời của tướng LUDENDORFF — là tham-mưu-bộ tổng-trưởng (*chef d'etat-major général*), nghịch với thống-tướng HINDENBURG, — đem đổ xô cả về phía tây phía đông thành Reims, mơ mộng muốn cướp cả vùng sông Marne, Châlons, Epernay, rồi định thẳng tiến vào kinh-đô Paris ! Ngày ấy nay coi sao mà xa lắc xa lơ vậy !

« Cái chiến-cục sở-dĩ biến-dịch như vậy, chỉ là bởi một sự lầm lỗi của bộ Tham-mưu Đức. Nhưng mà cái lầm đó thiệt là « vĩ-đại » (*kolossal*) và xứng-đáng với nước Đức, xưa nay vẫn tự xưng cao hơn người (*über alles !*), có lẽ cả cái lầm lỗi cũng cao hơn người vậy ! Ta nên thuật qua đầu đuôi cho hiểu rõ cái tài ứng-biến, cái chiến-lược mầu-nhiệm của quan thống-tướng FOCH ta.

« Quân Đức hồi bấy giờ nhân vì tướng GOURAUD (người Pháp) đã thiết-kế phòng-bị khéo, không đánh được cái trận ở Champagne. Nhưng bấy giờ đáng lẽ hỏng đấy thì phải đem thật nhiều quân mà đánh lùng vào vùng rừng Argonne, rồi sẽ chuyển dần dần về đường sông Marne, hễ đi qua được sông ấy thì tiến về các địa-điểm ở giữa khoảng Château Thierry và Epernay, rồi tiến thẳng về đường sông Seine ; nhưng quân Đức không làm thế, chắc sẵn rằng cái mưu mình đúng hơn và có quân nhiều tất thế nào cũng thành được, cứ cắm đầu cắm cổ đi về phía Epernay, không có đoái đến các phần khác tự Soissons tới Reims mà biết người ta làm gì ở đó. Tướng LUDENDORFF thật đã mắc phải cái lầm cực « vĩ-đại » — như tiếng Đức thường nói cái gì của Đức cũng là vĩ-đại cả — là khờ không phá cái trở-lực của quân ta đóng ở phía đông thành Reims, và phòng-bị sẵn cho sườn bên hữu của quân mình tự Château-Thierry đến Soissons. Vẫn đã vững chắc trong bụng rằng quân Pháp không thể làm gì được về mặt ấy !

« Thái-Tử Đức chỉ chú-ý nhất đánh một miếng quyết-liệt vào giữa đường trận ta, miếng ấy là miếng trong dư luận nước Đức vẫn đã trông đợi bấy lâu nay, lại cốt để kéo quân trừ-bị của ta về phía Nam sông Marne, cho chóng tới được kinh đô Paris, — trong mưu bố con vua Đức đã định đáng lẽ phải tới Paris tự ngày 15 tháng 9 năm 1914 kia, để mãi đến nay tưởng đã khí chậm lắm rồi ! cho nên những vội-vàng hăm-hở không đoái nhìn đến cái hàng trận tự sông Marne đến sông Aisne. Bộ Tham-mưu Đức chắc mười mươi rằng cái mưu-lược của mình không thể sai được, đến nỗi trận-thế đã bày ra hiển-nhiên mà không trông rõ, không biết rằng cái hàng trận ấy trước còn đánh thế thủ (*défensive*) mà tới bây giờ đã quay ra thế công (*offensive*) rồi, quân Đồng-minh đã đánh luôn mấy trận tản ra nhiều nơi mà trận nào cũng đều được lợi cả, đáng lẽ quân địch có mắt sành thì không thể nào mà không biết được.

« Ngay tự ngày 15 tháng 7, khi tướng FOCH đã biết đích rằng cái núi thành Reims có thể giữ vững được, biết đích rằng quân Đức chỉ chủ tiến lên Châlons và Epernay mà thôi, ngài bèn hạ lệnh cho tập-hợp những quân tiên phong (*troupes de premier choc*) vào sườn bên tả cái « bị quân Đức » (*la poche allemande* = nghĩa là cái phần quân Đức đã tiến vào trong hàng trận ta, mỗi ngày một phồng lên như cái bị). Ngài giao cho quân-đoàn của tướng MANGIN đánh mặt đó. Miền ấy lắm rừng nhiều cây, dùng những xe hơi

xe lửa mà đem quân lên thì thật kín đáo, quân địch tuyệt-nhiên không biết tí nào. Quân đem tới nơi bày ra thế trận sẵn sàng. Đồng-thời, các sư-đoàn (*divisions*) quân Mĩ cũng tập-hợp ở phía sau Château-Thierry. Rồi đương đêm ngày 18 tháng 7, không hề dùng pháo-binh để bắn dọn đường trước (*sans préparation d'artillerie*), quân Pháp ta đường-đột tiến lên, công-kích giữa khoảng thành Soissons và sông Marne, đắc-lợi nhiều lắm, quân địch vô-tình không ngờ, bị xô đẩy tán-loạn, mất hàng vạn tù-binh, đồ quân-dụng vô kể.

« Bộ Tham-mưu Đức thôi không thể theo được cái chiến-đồ cũ nữa. Phải quay trở lại để đối-phó với mặt tây.

« Rồi tự ngày 19 tháng 7, quân Đồng-minh đánh luôn được mấy trận lợi ở giữa khoảng Soissons và Reims, giải-thoát được cả miền sông Marne, rồi thừa thế đánh khắp cả các nơi khác trong suốt giọc quân. Tự ba tháng nay, trừ một vài nơi nhỏ cái thế trận còn chông-chênh chưa được định, còn hết thảy các nơi khác quân Đức bị thua luôn, phải lùi dần mãi về, bỏ cả mấy đường chiến-tuyến ghê gớm là đường Hindenburg, Siegfried, Votang, đã có tiếng là kiên-cố có một. Những nơi phòng-bị rất vững-vàng như rừng Argonne, núi xung-quanh thành Reims, hầm-hố xây bằng xi-măng ở giọc sông Ailette, hang-hốc trong rừng Saint-Gobain, cùng những đồn lũy đặt theo giọc kênh Crozat, sông Escaut, sông Sensée, sông Deule, quân Đức cũng bị đánh đuổi phải bỏ đi, tổn hại cực nhiều. Tù binh quân ta bắt được tới hơn ba mươi vạn người (300.000), đồ quân-dụng ba phần vào tay ta đến hơn một phần: đạn-dược cho pháo-binh (*munitions d'artillerie*), đồ cung-cấp cho công-binh (*approvisionnements de génie*), chất thành núi cao, hoặc bị bỏ, hoặc bị tàn-phá. Bao nhiêu quân Đức giữ đất Tỉ (Belgique) phải rút về hết cả. Nay mai đây tất quân Mĩ tiến lên đánh lấy vùng Briey. Hiện bây giờ quân Đức chỉ còn đường chiến-tuyến sông Meuse, đường đó cũng đã bị quân của hai tướng GOURAUD và DEBENEY tiến lên nguy lắm rồi, với đường sông Rhin nữa mà thôi.

« Ấy cái mưu-lược tài của tướng FOCH, cái can-đảm lạ của quân ta cùng các quân Đồng-minh đã thu-hoạch được những sự kết-quả lớn lao như vậy. Mà trước sau chỉ có trong ba tháng. Thiệt đáng khen đáng phục thay ! »

* * *

III

Tướng Foch nước Pháp và tướng Ludendorff nước Đức

Kỳ trước bản-báo đã có bài bàn riêng về quan thống-tướng FOCH. Ta đã biết cái lịch-sử và cái tài-lược của ngài. Về bên Đức thì chức thống-tướng có HINDENBURG, năm trước đã được một độ lừng lẫy trong nước mà gần đây cái thanh-danh sụt đi nhiều. Hiện nay người Đức suy-tôn nhất là tướng LUDENDORFF làm chức « Tham-mưu-bộ tổng-trưởng » (*Chef d'Etat-major général*). Vậy người địch với tướng FOCH ngày nay chính là LUDENDORFF. Mới rồi nghe tin LUDENDORFF đã từ-chức, nhưng sự từ-chức ấy vị-tất đã là thật, và chẳng qua là do lẽ chánh-trị mà thôi, chớ cái mưu-lược trong quân Đức ngày nay vẫn là do một tay ấy mà ra. Nay thử đem so-sánh tướng Pháp với tướng Đức, tưởng không gì hay bằng. Nhân đọc một tập sách mới xuất-bản

(*Foch. Sa vie, sa doctrine, son œuvre*, par René Puaux. — Paris, 1918), trong có bài phẩm-bình hai tướng, xin lược-dịch như sau này :

« Cuộc chiến-tranh này chẳng qua là một cuộc quyết-đấu trong hai tay danh-tướng : bên Đức là Ludendorff, bên Pháp là Foch. Một bên là một tay số-học gớm-ghê (*un mathématicien redoutable*), một bên là một bậc đại-trí (*un grand esprit*).

« Ông De Pouvourville đã tả cái chân-tướng của Ludendorff như sau này :

« Ludendorff thật là cái mẫu một viên « tham-mưu-tướng (*officier d'Etat-major*) « khiến cuộc chiến tranh như người « đánh cờ cao khiến một cuộc cờ vậy. « Mưu-tính chi-li, không hề vội-vàng, « không hề nóng-nẩy, đã quyết miếng « nào đánh cho kỳ cùng mới nghe.

« Tôi thật ít biết người đó, mà dễ « cũng không có người nào được biết, « vì người đó không muốn cho ai biết « mình, không muốn cho ai gần mình. Tôi « còn nhớ phảng-phất cái giáng mặt « khúc-khuỷu, con mắt hóc-hách mà coi « ghê, diện-mạo nghiêm-khắc mà lạnh-« lẽo, dưới môi lại có một đám lông « ngắn, cổ thì sệ xuống từng ngấn to, « cái cổ áo cứng dựng, coi thật là vô-« duyên. Người vốn hiểm-bí, mà lại làm « thêm ra hiểm-bí nữa. Nhưng hồi bấy « giờ đi đâu cũng có một viên quan hầu « theo, tên là quan ba Von Spitz, người « đất Phổ (Prusse), quán ở thành Stettin, « thầy trò không khi nào dời nhau như « ảnh với hình vậy. Viên quan hầu « bắt chước như in cái dáng-điệu, cách « đứng cách ngồi của quan thày, chỉ « khác có cái phì-mập hơn mà thôi. Mỗi « chiều trước khi đi ngủ phải uống hai « trai rượu bia mạnh (*stut*) mới ngủ được, « rượu vào rồi hay nói chuyện lắm. Sau « chết vì bệnh điên rượu (*delirium tre-« mens*) ở Heiden (hồ Constance). Cũng « nhờ có viên quan ba Von Spitz đó tôi « mới biết được chút-đỉnh về Ludendorff « và đoán được tính-cách người đó.

« Cái quyền làm chiến làm hòa, cầm « quân khiến tướng, chuyên-chế mọi « việc thuộc về sự chiến tranh, là về « tay tướng Hindenburg. Tướng Hinden-« burg người to lớn dị-thường, thô-hùng « khác tục, tự khi đánh được trận đầm « Mazuries (bên mặt Nga), nổi tiếng trong « nước, chỉ những đi chỗ này chạy chỗ « nọ, nói nhiều làm ít, như muốn đem « cái vóc khổng-lồ mà nạt người dân Đức, « tức là một cái bình-phong lớn, sau cái « bình-phong ấy thì Ludendorff lẳng-« lặng ngồi im mà ra tay chủ-động.

« Ludendorff chỉ muốn giấu hình một « chỗ, ẩn mình một nơi, u u âm-âm, làm « việc một mình, để cho viên thống-tướng « nặng nề kia (tức là Hindenburg) châu-« tuần [1] những nơi triều-miếu, những « chôn hội-nghị, cùng đi diễu các mặt « quân ; trong lúc ấy thì một mình ngồi « trong buồng giấy tịch-mịch, cửa đóng « bốn bề, cắm cổ mà tính toán, đưa đẩy quân « cờ trên bàn cờ, để cố xoay chuyển cuộc « chiến tranh. Đó là cái mưu-thuật của « con người rất hiểm-độc ấy, đã chủ cái « mục-đích gì muốn đi thẳng cho tới nơi, « không ưa những sự hư-vịnh vô ích.

« Nhưng cái thuật đó đem thực-hành « ra việc chiến-tranh không ngoài một « cái đặc-tính như sau này : là lấy cái quỉ-« quyệt tinh-ma làm chủ. Dùng cái vô-« lực thô-bỉ mà đánh kẻ thù mình, người « đó cho là cái thuật hèn và không khó « gì, để riêng cho quan thống-tướng mình « và vua mình dùng cái thuật ấy. Mà hai « người kia chỉ biết dùng có cái thuật

---

1 **Châu-tuần**, 週循 — Nang dị dị lại lại một nơi nào để mong câu sự gì. Thường nói kẻ châu-chực những chòn danh-lợi. — *Litt.* ALLER ET VENIR, FAIRE DES TOURS ; ENTOURER QUELQU'UN. *Par ext.* FRÉQUENTER LES GRANDS DANS UN BUT INTÉRESSÉ.

« đó mà thôi, chắc trong bụng mình cũng « riêng khinh là kẻ tầm-thường. Cái kế « quan-trọng, cái kế huyền-diệu là phải làm « thế nào đánh lừa được quân địch mình, « lừa cho nó đến kỳ cùng mà nó không « ngờ, đặt những cái bẫy thật tài, thật « khéo mà khiến cho nó tự mình đâm đầu « vào đó, chết đến nơi vẫn chưa tỉnh. « Mà cái thuật đó không những dùng về « việc hành-chiến mà thôi: xét trong lịch- « sử những trận như trận Austerlitz, « trận Auerstaedt (là hai trận vua Napo- « léon đánh được quân Phổ, quân Áo) « chắc cũng là những miếng đánh lừa « quân địch giỏi, nhưng mà cái cách lừa « đó không phải là cái lừa hiểm-độc tinh- « ma, khiến cho mình đắc-chí mà buồn « cười được. LUDENDORFF cho là cách dùng « mưu như vậy chưa đủ, vì LUDENDORFF « muốn được cái thú cười được kẻ địch « mình mắc lừa mới thật là sướng. LU- « DENDORFF muốn làm một tay đánh cờ « hoàn-toàn, biết lợi dụng hết cái may « rủi của mình; đã dụng mưu trong việc « hành-chiến mà lấy sự giết người đổ « máu làm khoái-lạc, lại dụng mưu về « đường ngoại-giao mà lấy sự điên-đảo « giảo-quyệt làm thích-chí.

« Thân là nhà binh, mà mưu gì kế gì « cũng dùng được, đó cũng là một cái « đặc-sắc của con người đó. Nào là « dụng chinh-thám để dò cơ-mưu của quân « địch, nào là gây cái phong-trào (1) cách- « mệnh ở mặt Đông, nào là truyền-bá cái « chủ-nghĩa bãi-chiến ở mặt Tây, nào là « để bạc hàng triệu ở các nhà ngân- « hàng để vận-động ở nước ngoài, nào là « phát những sách những giấy xui người « phản nước, khuyên người cầu hoa, nào « là phái những kẻ rất giảo-quyệt, rất « điên-đảo làm sứ-thần ở các nước, nào « là dùng những đàn-bà đẹp làm kế liên- « hoàn, nào là xui những kẻ ám-muội để « đi dắc loạn ở các nước trung-lập; « phàm những mưu ấy những kế ấy là tự « trong buồng giấy, tự trong óc LUDEN- « DORFF phát ra cả, mà trước sau cũng « lại trở về đấy cả....»

« Ta thời ta chưa từng được gặp tướng LUDENDORFF bao giờ, nhưng ta đã từng được coi nhiều những cái ảnh của người Đức truyền ra ngoài để ngợi khen ông danh-tướng của mình.

« Tôi nhận kỹ những ảnh đó, thì có một cái lấy làm lạ là cái miệng cười kỳ cổ của con người đó. Môi trước chễ xuống, như ý khinh-bỉ vô cùng. Mặt lạnh lẽo như băng như tuyết, chỉ thấy đầy ra một cái khinh người mà thôi. Người đó thật tuyệt-nhiên không có cái ánh sáng hào-quang trên mặt, thật tuyệt-nhiên không có chút lòng nhân từ, biết thương người, biết ham mê một cái lý-tưởng gì. Hình như đối với cái gì cũng điềm-nhiên như không cả, trừ phi cái khoái-lạc được mạnh hơn kẻ khác, và có thể phá đổ được hết cả cái gì ngăn-trở mưu mình.

« Đến như tướng FOCH ta thì thật khác, không phải là cái tay chuyên-chế, không phải chỉ lo thu cả vào trong một tay mình hết thảy các cơ-quan của cái máy chiến-tranh, để ngồi trong buồng giấy bấm cái đầu giây điện mà chuyển động được toàn cục, khiến cho chỗ này chất thây người thành đống, chỗ kia xui dấy loạn tơi bời. Cái nghị-lực của tướng FOCH là chung đúc cả trong óc. Cái tài triết-lý của ngài đã ngang với những bậc đại-triết như BERTHELOT, RENAN, PASTEUR chư tiên-sinh, cái binh-học của ngài lại là tổ-thuật ngay cái binh-học của Napoléon hoàng-đế khi xưa; những khi có cái vấn-đề quan trọng

(1) Phong-trào 風潮 = Luồng gió nói về cái tư tưởng gì khơi lên mạnh như luồng gió mà cuốn cả nhiều người vào. COURANT D'IDÉES, DE PINION : MOUVEMENT D'IDÉES

phải giải-quyết thì ngài tự thu-thập tinh-thần mà trầm-tư mặc-tưởng (*entrer dans une méditation profonde*), dùng hết cái trí-lực, hết cái tâm-lực của mình mà nghiên-cứu cho kỳ cùng, để tìm cách giải-quyết thế nào cho thỏa-đáng mọi bề, cho hợp với cái lẽ chánh trong đạo làm người. Không có cái gì là quyền-mưu, là ám-muội, là bạo-động, là khinh suất, nhưng phàm quyết-định sự gì cũng giản dị như thường, người dưới phải thi-hành có thể lĩnh-hội được ngay.

« Nay ta trích mấy đoạn trong hai pho sách của ngài, một pho đề là : « Bàn về cách hành-chiến » (*De la conduite de la guerre*), một pho đề là : « Bàn về nguyên-lý sự chiến-tranh » (*Des principes de guerre*), coi đó thì đủ biết cái tâm-thuật của ngài.

« Ngài nói rằng : « Cứ thật mà nói, cầm « quân đánh trận không phải là làm ra « cách hiểm-bí, nhưng phải truyền cái tư-« tưởng của ông chủ-tướng cho những « người dưới biết mà thi-hành.

« Thử xét trong lịch-sử, vua Napoléon « oai-quyền lừng-lẫy biết bao nhiêu, trong « khi đi trận một mình mang cái trách « nặng suy-tính quyết-định cho toàn-quân, « ví muốn làm ra mặt hiểm-bí thì sao « không được. Nhưng mà không ; coi « những thư-trát của ngài thì biết rằng « ngài thường diễn-giải cho các quan « nguyên-súy đầu quân biết cái ý-kiến « của ngài và cái chương trình ngài định « làm trong mấy ngày. Thử nhớ trong « nhiều bài tuyên-cáo của ngài cho quân-« sĩ, ngài có bảo cả cho quân biết cái mưu « vận-động (*manœuvre*) thế nào. Tướng « Nga Souvarov đã từng nói : « Ngài « muốn cho mỗi tên lính biết cái mưu vận-« động của ngài ; ngài chắc rằng hễ mình « nói rõ cho quân lính hiểu, tất muốn bảo « sao được vậy, vì chúng nó biết rằng « mình cần chúng nó sự gì, tất chúng nó « vui lòng làm ngay ».

« Lại đoạn này nữa phẩm-bình về tướng Đức De Molke (tàu dịch là Mao-kỳ) hồi trận 1870, giá nói về tướng Ludendorff ngày nay cũng không phải là không hợp, vì cái phương-phép « gia-truyền » của bộ tham-mưu Đức trước sau vẫn không đổi. Ngài nói rằng :

« Molke chỉ làm có chức « tham-mưu « bộ tổng-trưởng », đó đã cố-nhiên rồi, « nhưng cũng không hề bao giờ suy-tính « ra ngoài cái giới-hạn của chức việc « mình. Như khi trù-tính một cái mưu gì « thì dụng trí-lực mà suy đi nghĩ lại, « biện-luận tính-toán, rồi xong cứ bằng « ở cái mảnh giấy, bằng ở cái tờ mệnh-« lệnh hằng ngày, lời lẽ văn-tắt sơ-lược, « mà truyền cho người dưới thi-hành. Ấy « cái quyền chỉ-huy chỉ đến đó mà thôi. « Cho nên quân Đức vẫn thiếu một bộ « « tư-lệnh » (*un commandement*) đứng « đầu làm chủ-động cho toàn quân để mà « khuyến-kích các quân-sĩ, các tướng-tá, « chỉ đường cho mà tuân theo, mà thực-« hành cái mưu mình đã nghĩ ra ; lâm-« thời lại biết ra tay cầm quân ngay nơi « trận ; có thế mới mong quyết-chiến « được. Cũng chỉ vì tướng Molke thiếu « cái tài cầm-quân như thế mà ngày 18 « tháng 8 cứ phải đánh đuổi mãi về mặt « sông Sarre là mặt đã sửa soạn từ « trước, đến sau đánh hỏng thực là không « địch quân, chính là bởi phải vì các « tướng-tá của mình làm hỏng.

« Chính vua Napoléon chẳng đã có câu « nói rằng : « Đại-đế thì bộ « Tổng-tư-« lệnh » (*le commandement en chef*) chỉ « phải định cái đường lối đại-khái mà « thôi. nghĩa là chỉ ra cái mục-đích phải « tới cho được ; còn những phương-kế « dùng để tới mục-đích ấy, thời nên để « cho các bộ thi-hành được tự-do mà « chọn, không thế thì không thể nào « thành công được ».

Ấy đọc mấy đoạn trên đó thì biết cái chiến-thuật của hai ông chủ-tướng hai bên khác nhau thế nào. Bên Đức thì trọng

phần hình-thức (1) hơn phần tinh-thần (2) ; bên Pháp thì trọng phần tinh-thần hơn phần hình-thức. Cứ xét cái chiến-cục ngày nay thì biết phần mạnh là phần tinh-thần. Lẽ đó không những một việc chiến-tranh, phàm việc gì trong thiên-hạ cũng vậy : hình-thức không đủ, phải có tinh-thần, phải cốt ở tinh-thần mới được.

PH. Q.

Mấy bài trên này soạn từ khi chưa được tin đình-chiến bên Âu-châu. Trong mấy tuần lễ gần đây cái chiến-cuộc biến đi như chớp mắt, chóng quá không có thể dự-đoán được. Nay đã sắp đến ngày kết-cục, nay đã tới ngày toàn-thắng rồi. Thế-giới đương vui mừng đã thoát khỏi cái ác-mộng bốn năm trời. Từ tây-bán-cầu đến đông-bán-cầu, từ nơi thành-thị đến chốn nhà quê, những tiếng hoan-hô của mấy ức triệu con người vậy đất vang trời, thay cho tiếng đạn nổ súng vang mấy tuần trước. Vui thay ! Mừng thay ! Thiên-hạ thái-bình từ đây ! - Song những lời bàn trên kia cũng không phải là thừa : nên đọc cho rõ cái chân-tướng cuộc chiến-tranh sắp tàn này, cho rõ cái nguyên-nhân sự chiến-thắng ngày nay. Có nguyên-nhân xa thì từ mấy năm về trước, mà cái nguyên-nhân gần thật trong mấy tháng gần đây. Không phải nhất-đán mà nước Đức thua ngay được, không phải nhất-đán mà từ trên lầu cao rơi xuống vực thẳm ngay được. Cái mầm thua ấy đã phát-hiện ra từ lâu rồi, chỉ vì quân Đức kiệt-lực duy-trì mới đứng được đến nay, nhưng tới nay sức không thể kham được nữa, thời đã đổ tất đổ chóng, đã ngã tất ngã đau, nên cái kết-cục này tuy nhiều người không ngờ được mau như thế, mà thật là trong lẽ tự-nhiên vậy. Nên xét kỹ cái nguyên-nhân, mới hiểu rõ sự kết-quả.

---

(1) **Hình-thức**, 形 式 = Cái bề ngoài, cái hình-thể cách-thức ở ngoài, đối với cái tài-trí ở trong. – LA FORME (par opposition à l'esprit) ; LE CÔTÉ EXTÉRIEUR ET MATÉRIEL DES CHOSES.

(2) **Tinh-thần**, 精 神 = Cái phần tinh-túy, sáng suốt, khôn-ngoan ở trong tâm-trí người ta, đối với cái hình-thể bề ngoài. – L'ESPRIT (par opposition à la forme) ; LE SPIRITUEL (par opposition au matériel).

Dès que l'on avance un peu dans une étude, le bruit des lieux communs se tait, et l'on se trouve dans un grand silence qui est très favorable au travail de la pensée.

DOUDAN

Khi nào đã nghiên-cứu cái gì hơi sâu-sâu thì những câu sáo thường như vắng ngắt đâu cả, mà thấy quanh mình như tịch-mịch vô cùng, thật là tiện cho sự tư-tưởng riêng.

LỜI CÔNG-LUẬN

về cái thơ ngỏ của ông Ng.-h.-V., người Nam-kỳ, đăng kỳ báo trước.

Bản-báo nhân kỳ trước đăng cái thơ ngỏ của ông Ng.-h.-V. *người Nam-kỳ có nhận được mấy bài trả lời cái thơ ấy. Xin cũng cứ y nguyên-văn mà đăng kỳ này cho các bạn đọc báo coi. Người nói đi có kẻ nói lại, càng bàn càng vỡ lẽ, miễn là đừng nói những lời quá-đáng, giữ cho cuộc nghị-luận được nghiêm-trang. Vả cái vấn-đề quốc-văn này là quan-trọng, càng được nhiều người bàn đến nói đến càng hay. Cho nên tuy trong thơ ông Ng.-h.-V. đăng kỳ trước có ý bài-bác riêng bản-báo, mà bản-báo tự đặt mình ra cái địa-vị khách-quan, không muốn nhân đó làm một dịp tranh-biện riêng. Nếu cũng lộng bút mà đáp lại ông từng câu từng chữ, để làm cái trò vui cho người ngoài, thì há có không được, há có thua gì ông ? Chắc có thua ông chỉ thua ông cái nóm-na sỗ-sàng mà thôi vậy. Nhưng mà bản-báo không muốn vậy. Bản-báo muốn nhân cái thơ của ông mà dẫn thành một mối công-luận về một cái vấn-đề rất quan-trọng trong nước ta ngày nay. Chắc các bạn đọc báo cũng hiểu cái ý của bản-báo vậy.*

Vậy bản-báo hãng tạm để các ngài nghị-luận cho hết lẽ, không can-thiệp vào vội ; bài nào các ngài gửi lại xem ra lời lẽ chánh-đáng bản-báo cũng hoan-nghênh mà đăng cả. Khi nào công-luận đã định, bấy giờ sẽ có bài kết-luận, cân nhắc các ý-kiến, lấy lẽ mà bàn, không có phẩm-bình kẻ nọ người kia. Thưởng thế mới là phải, chớ đua tranh hơn thiệt có ích chi ?

Duy trong thơ ông Ng.-h.-V. *có nói đến sự Hoàng-Thượng ta diễn-thuyết bằng chữ nho hồi Ngự-giá bắc-tuần mấy tháng trước, quan Tổng-đốc* Thân Trọng-Huề *lấy làm không phải, ngài có cho phép ông* Nguyễn Bá-Trác *là chủ-bút phần chữ nho của bản-báo biện-bạch lại cho ông V. nghe. Vì thế ông* Trác *mới phải ngỏ lại ông V. mấy lời như sau này, không phải rằng muốn tranh-biện gì với ông, mà cũng không phải rằng có định trả lời ông. Xin nói trước cho rõ ràng.*

Ph. Q.

I

Mấy lời ngỏ lại cùng ông Ng.-h.-V. Nam-kỳ

Cái thơ ông đăng báo kỳ trước, ông bàn về các lễ nên thương tiếng của nước nhà, điều ấy là rất phải, tôi thiết-tưởng chủ-bút Quốc-văn của bản-báo lâu nay cũng đã gắng công hết sức về một cái vấn-đề ấy, cách đặt-để có vừa ý người xem cùng chăng, thì phó có công-luận, không thể chiều theo ý riêng một hai người được. Còn về lối văn-chương trong cái thơ ông, dầu ai khen chê mặc lòng, nhưng tôi nghĩ rằng hoặc người Bắc-kỳ nghe không quen, mà người Nam-kỳ nghe quen, tôi là người Trung-kỳ cũng không biết đâu mà phán-đoán được. Duy trong cái thơ ấy có hai điều nói quá-đáng,

tôi muốn lấy bụng chân-thành mà phân-giải cùng ông, xin ông hãy bớt cái cơn nóng nầy mà xét đoán lại.

Một là ông nói rằng : Đức Hoàng-thượng ngự Bắc-kỳ đến viếng trường Đại-học, sao không diễn-thuyết bằng tiếng An-nam. Điều ấy thật ông chưa hiểu. Tôi xin tỏ trước cho ông biết rằng Đức Hoàng-thượng đọc diễn-thuyết bằng chữ Tàu hay là bằng tiếng An-nam, cũng phải dịch ra một bản chữ Lang-sa để cho người thông-ngôn đọc liền theo, ấy là lẽ tất-nhiên rồi. Khi ngài sắp đến trường Đại-học thì ngài đã thảo ra một bản chữ Tàu, rồi giao dịch ra chữ Lang-sa trước. Vì sao mà ngài thảo bằng chữ Tàu ? Là vì Triều-đình ta, việc điển-lễ, việc giao-tế xưa nay vẫn thường dùng chữ Tàu, thế thì vua ta đọc diễn-thuyết bằng chữ Tàu trong khi viếng trường Đại-học cũng không phải là một sự lạ thường vậy. Huống chi chiếu theo thể-lệ của quan Toàn-quyền đặt ra trường Đại-học, sau này cũng có dạy chữ Tàu, thì bài diễn-thuyết bằng chữ Tàu của Vua ta, há chẳng phải là một bài học rất quí báu cho học-trò hay sao ? Song le tôi lấy lẽ chánh mà trộm nghĩ như thế, còn về lẽ tùy-thời, thì chính ngay hôm Đức Hoàng-thượng ngự đến trường Đại-học ngài thấy học-trò toàn là người tân-học, ngài không muốn đọc bằng chữ Tàu, có gọi quan Tổng-đốc Thân-trọng-Huề mà hỏi rằng bây giờ ta muốn diễn-thuyết bằng tiếng An-nam thế nào, quan Tổng-đốc Thân tâu rằng : nếu Hoàng-thượng đã có thảo bằng chữ nho, thì nên đọc bằng chữ nho là tiện. (Những lời trên này là quan Tổng-đốc Thân đã cho phép tôi nói). Vì trong ý quan Tổng-đốc nghĩ rằng bản-thảo đã có bản dịch sẵn, thì ngài nên diễn-thuyết y theo bản thảo ấy, nếu thay một bài khác, thì trong mấy phút đồng hồ làm sao dịch cho kịp được. Xem như thế thì đủ biết Đức Hoàng-thượng vẫn sẵn lòng muốn dùng tiếng nước nhà, quan Tổng-đốc Thân có tỏ với tôi rằng phàm những thư từ của Hoàng-thượng ngài thường dùng bằng chữ Quốc-ngữ.

Huống chi một lời nói của vua là đáng quí đáng trọng, chúng ta cũng không nên luận bàn mà mất cả lòng trung-hậu. Ông Ng. h. V. ơi ! cái lẽ phải không ra khỏi ngoài vòng luân-lý được, ông muốn nói lẽ phải thì khuyên ông phải nương tựa vào luân-lý, có lẽ người ta dễ nghe hơn.

Hai là ông nói rằng ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ bây giờ từ công-hầu cho đến phủ, huyện, đều ưa cái thói rung-đùi ngâm thơ mà thôi. Ông ơi ! câu ấy là câu nói thừa, mà e đến bây giờ thì không đúng. Tôi xin tỏ cho ông biết rằng sự rung-đùi chẳng qua là cái thú riêng của nhà nho, nhưng mà tự bọn nhà nho cũng xướng lên mà bỏ đi đã lâu rồi ; còn như quan lại bây giờ thật là không ai có công nào mà rung-đùi nữa, đời bây giờ thắp đuốc mà tìm cho được bọn rung-đùi cũng khó thấy mà ông hòng phải nói làm chi. Tôi thường thấy những người nghị-luận mới mở miệng ra thì sỉ-nhục đến bọn rung-đùi, tôi xin hỏi các ông sao lúc người ta còn đương say mê trong giấc mộng ấy thời các ông không vị người ta mà thức tỉnh dậy, đến bây giờ người ta đã thức tỉnh rồi, người ta đã dành bỏ só cái nghề-nghiệp cũ đi rồi, người ta đã yên phận bất-tài mà đem những vận-mạng về sự học-vấn, về sự tri-thức mà trông cậy ở nơi các ông, các ông phải gắng làm sao cho được hơn ngày trước thì người ta mang ơn đội đức, nào có ai tranh quyền-lợi gì mà các ông phải bài bác : tôi cũng xin cảm ơn các ông, không cần các ông phải nói điều đó nữa.

Vả chăng : ở đời ai cũng có một lối tiêu-khiển, thích lối nào thì làm theo lối ấy, tôi thiết-tưởng bọn rung-đùi

cũng chẳng hại gì cho đời, rung-đùi mà còn hơn đánh tổ-tôm, sóc-dĩa, rung-đùi mà còn hơn đánh cách-tê ích-xì, rung-đùi mà còn hơn mấy đám me ở dưới ghe chài, mấy đám thiên-cầu ở dưới mấy chiếc tàu « Chệt », sao những cái tệ trước mắt thì các ông bỏ qua đi mà các ông đua nhau mà nói cái tệ của người ta đã bỏ rồi.

Ông Ng. h. V. ơi ! trong bài ông có dẫn chứng chữ Nhật-bản, chắc ông cũng đã có đi Nhật-bản, thế thì ông có biết người Nhật-bản có phải là hay ưa cái thói rung-đùi không, hay đánh ba chén rượu vào, thì người nào người nấy cũng ngất-ngơ ngất-ngưởng mà ngâm thơ vịnh phú, thế mà nước Nhật-bản vẫn mạnh có hại gì đâu. Tôi xin có mấy lời tỏ cùng ông và những nhà nghị-luận khác mà xưa nay vẫn khích-bác nhà nho rằng : bọn rung-đùi bây giờ không còn nữa, nếu còn nữa thì người ta cũng dành rung-đùi riêng trong một xó nhà mà không can hệ gì với ai, xin các ông đừng thấy một lũ thất-thời mà ăn hiếp.

NGUYỄN BÁ-TRÁC

II

Chữ « Chệt » có hại gì cho quốc-văn ?

Xem bài luận-thuyết của ông Ng.-h.-V., biết văn chịu khó kéo, nhưng đá gàn, chữ không nỗi dốt, nhưng quả nát. Đây tôi cứ lấy công-bình mà nói. *Nam-phong* không cần tôi bênh, tôi cũng chẳng riêng ghét gì ông, chỉ là có phần lo cho cái hậu-vận quốc-văn ta sau này, mà lại là thương ông, tam tha tội cho ông những lời khinh vua, mạn quan, vu oan, dựng đứng (1).

Phàm con người ta muốn phán-định một việc gì phải bỏ lòng yêu ghét, muốn tư-tưởng một đích gì phải suy lẽ trước sau. Xem ông hình như có ý riêng căm đám « Chệt », nói cho khoái một lúc. Song « Chệt », « Chệt », mặc lòng, chữ nho có hại gì cho quốc-ngữ ? Xưa nay nào ai là người nỡ oán-báng ông Sĩ-Vương ? Ông biết rằng nói tiếng nước ngoài hóa tiếng mình, thêm tiếng thời nay bỏ tiếng thiếu, là lẽ rất thường. Thế mà nệ chữ « Chệt » mà kiêng *hành-tinh* dịch là « sao đất », *định-tinh* dịch là « sao nháy » (2), thời không những là không dùng mà bao giờ cho sống làm chín, cho sượng hóa quen ! Vả nhiều chữ không thể dịch được nữa : Ngay chữ NGUYỄN 阮 tên họ ông, chính là thuộc về bộ *phụ* 阝 có chữ *nguyên* 元 bên mà thành, người ta gọi nghĩa bóng là « cháu » (3), ông ghét chữ « Chệt », thời ông lấy tiếng « mẹ đẻ » mà dịch là họ « cháu », hay ông trông hình-thù chữ 阮 mà ông gọi nó là họ « quai guốc » hay họ « liễu leo » ? ! ? ! Ông dịch đi ! ! ông ?

(1) Đoạn này là chỉ vào những câu ông nói đến Hoàng-thượng ta dùng chữ nho, và ông riếc quan-trường *vu-oan* cho người ta có lòng theo « Chệt », *dựng đứng* lên rằng ông TRƯƠNG đặt quốc-ngữ, bà DOÃN làm thơ *quà dèo ngang*.

(2) Nói *định-tinh hành-tinh* thời dễ nghe, chớ nói « sao đất » « Sao nháy » thời nghe làm sao được, bảo rằng lâu nó thành quen, thời chỉ bằng cứ *định-tinh, hành tinh* bây giờ đứa học-trò nhà quê lên bảy lên tám cũng biết rồi, cần chi bầy vẽ lại thêm tối trí người ta một đó cái tiếng « con đẻ » nữa, hử ông ?

(3) Nguyễn, 阮 — Chính chữ Tầu đọc theo quan-hoại là « *Yuan* », tên một nước ngày xưa, lại là tên họ. Tiếng tục bên Tầu gọi cháu là *Nguyễn* là nhân ngày xưa đời nhà *Tấn* 晉 có chú cháu NGUYỄN-TỊCH 阮籍 NGUYỄN-HÀM 阮咸 cùng nhau nổi danh một thời, cho nên mượn đó mà gọi cháu.

Kia như các chú « Chệt » cũng phải dùng chữ nước ngoài đó, ông đã biết rồi. Như *Ciment* dịch là *Shih-min* 士敏, *automobile* dịch là *Mê-t'o* 摩托 v. v. Tiếng Nhật cũng vậy, mười chữ thời bảy chữ là tiếng « Chệt ». Tiếng các nước nhiều tiếng tựa nhau nữa, như tiếng *pain* tiếng *char* sao không lấy trùng mà đổi ? Ông nói tiếng *pang* của Nhật theo tiếng Pháp, ông tra « origine » (nguyên-ủy) tiếng Nhật ở đâu thế ? Tiếng *pang* gần là tiếng phổ-thông các nước : Pháp gọi là *pain*, Nhật gọi là *pang* ; Chệt chẳng gọi là *Ping* 餅 mà tiếng «mẹ đẻ» ta chẳng là *bánh* à ? (chữ *Ping* 餅 của Chệt ta đọc là *Bính*). Còn chữ *char* ông nghĩ ra xem. Bởi đâu ? Hay « Chệt » cũng bắt chước tiếng Pháp ? (車) ?

Thôi, ông ơi, bọn ta là người Nam (chữ này cũng của « Chệt » đây !) nói tiếng An-nam nghe thôi, đừng giở tiếng ngoại-quốc thi-dụ lắm, ông ạ ! nạt ai ? Tiếng An-nam cách nói, cách viết khác nhau, tiếng dùng được cũng tiếng không thể dùng được. Như kêu mẹ là *cái* (南史呼父曰布呼母曰蓋, ông có hiểu mấy chữ « chệt » này không ?) Tiếng ấy thực là tiếng An-nam có đã lâu (tiếng « tổ đẻ », chớ không phải là tiếng « mẹ đẻ » nhỉ ?) Sao bây giờ chỉ gọi là *u*, là *bu*, là *để*, là *me*, là *má*, vân vân, không gọi là *cái* cho ra thực tiếng An-nam ? Cách nói còn phải lựa tiếng cho nhã, cách viết văn chẳng lựa chữ cho nhã sao ? Bảo rằng khó hiểu, hiểu với người hiểu, chớ hiểu với người không hiểu thời khó hiểu thật ! Không hiểu thời ngay như tiếng An-nam cũng khó hiểu, như câu :

Mày ra cởi chuồng gà ra,

người không hiểu bảo gà làm gì có « quần » mà cởi « chuồng » nó ra được ? À câu ví ấy dễ lầm, có ông lại đồ cho *tr* với *ch* ; thời như câu này :

Đá lát đường, đá đồ sông,

người không hiểu thời hiểu *đá* là *đấm đá*, bảo rằng : « Cha chả ! Khỏe dữ ! ! đá thế nào mà *nát được đường*, đá thế nào mà *đổ được sông* ! ! »

Song, nhưng thôi, người trong một nước thời thương nhau cùng, tôi thương ông, tôi chẳng muốn nghị-luận mãi ông, nghị-luận mãi ông tôi e tôi lại là một người gàn như ông, nát như ông. Ông ơi, tôi chỉ khuyên ông rằng :

Nếu không hiểu những chữ « chệt » trong *Nam-phong* thời hãy đọc cho thuộc những tờ tự-vựng ở dưới thời sẽ hiểu. Chớ lấy mình không hiểu, không gắng cho hiểu, lại vội chê người làm khó xem. Ai chẳng biết văn nào cũng vậy, cốt *simplicité* (nói chữ « Chệt » ta thường dùng là *bình-dị*) nhưng người chưa hiểu đủ tiếng thời làm *simple* (bình-dị) đến thế nào cho hiểu được, hở ông ? *Nôm na là cha mách quế*, ạ ! Ông ơi ; thuộc lấy làm lòng, nghĩa chua tự-vựng *Nam-phong* rõ mười.

Văn ông chưa ngửi đã phì hơi,
Hay đến văn ông khéo nức mùi.
Mới biết văn-chương tàn-cục thật,
Thương ông mà lại ngán cho đời.

Hữu-Tô PHẠM XUÂN-NỮNG

III

Trả lời cái thư ngỏ cho chủ-bút Nam-phong của thày Ng.-h.-V.

Mở *Nam-phong-tạp-chí* kỳ thứ 16, đọc cái thơ ngỏ cho chủ-bút Nam-phong là một bài dư-luận của người Nam-kỳ ta. Tôi cũng người Nam-kỳ, thấy chủ-bút *Nam-phong* có lòng rộng-rãi mà đăng cái bài phản-đối rất kỳ-củ của thày như vậy mà ngượng thay cho người Nam-kỳ ta, e rồi đây người

Huế, người Bắc họ nói đâu người Nam-kỳ ta ai cũng kiến-thức hẹp-hòi, tư-tưởng trái-ngược như thảy cả, nên phải ráng viết mấy lời đặng ngỏ cùng thảy rõ, ngỏ cùng lục-châu-quân-tử rõ, cho người Huế, người Bắc họ biết rằng người Nam-kỳ ta cũng không phải là ai cũng kiến-thức hẹp-hòi, tư-tưởng trái-ngược như thảy cả đâu.

Thảy nói tạp-chí *Nam-phong*, người Nam-kỳ ta coi khó hiểu lắm ; điều ấy đã đành vậy rồi. Quả vậy, tôi cũng chịu là coi *Nam-phong* nhiều chỗ khó hiểu. Song-le cái cớ mà coi khó hiểu là không phải tại dùng nhiều chữ nhu : *Nam-phong* là một thứ tạp-chí cao-thượng, đem những học-thuyết sâu-xa mầu-nhiệm mà diễn-dịch ra tiếng nước mình (tức thảy gọi là *tiếng mẹ đẻ*, thô tục quá ! nên tôi đổi dùng tiếng này), nên lời lẽ phải mắc, coi phải khó hiểu ; dù nói rặc bằng tiếng nước mình đi nữa thì người coi không hiểu cũng cứ không hiểu ; ngay như những tiếng « sao đất » « sao nháy » « quan đo đất » của thảy mà giá đem đặt lẫn vô trong những bài học-thuyết sâu-xa mầu-nhiệm ấy thì khó hiểu cũng vẫn hoàn khó hiểu ; bởi khó hiểu vì cái lẽ nói cao, cái lời văn hay, người có học thì coi hiểu được ngay, người không học, người ít học thì phải cố học mà hiểu lần lần vậy, có đi thì mới tới, có học thì mới hiểu. Người Huế, người Bắc không nghe ai họ kêu coi *Nam-phong* khó hiểu là vì họ siêng, họ chịu cố công cùng sức họ học, việc gì mà khó hiểu. Người Nam-kỳ ta, trừ ra một hạng người có ăn học thông-thái, theo được tánh nết người Lang-sa, còn phần nhiều mảng những ăn chơi lười biếng, làm nghề gì cũng không chịu dụng công, không thấy mấy năm nay người Bắc họ đua khôn đua khéo, học theo người Đại-Pháp mà làm đặng cháng vạng nghề hay như nón, giày, ghế, bàn, tủ, cây-viết, vải, hàng tấm v. v. không kể đồ thêu, đồ cần, đồ chạm, đồ diệt là đồ sẵn có của họ, mà người Nam-kỳ ta nhờ ơn nhà-nước Đại-Pháp qua dạy dỗ trước họ hơn hai mươi năm, không thấy làm ra câu gì cả. Tánh người lười biếng như vậy, thì nói đến vụ coi sách coi báo, họa chăng có mấy cuốn thơ *Sáu trọng* truyện *Cô ba soăn* là hiểu đặng ngay, là ưa đọc, còn ngoài ra có cái gì là thích coi, có cái gì là ráng xem cho hiểu đâu. Tạp-chí *Nam-phong* mà coi khó hiểu là vì lẽ ấy, chớ không phải vì dùng nhiều chữ nhu. Nếu biểu tại dùng nhiều chữ nhu nên coi khó hiểu thì biết mười mấy tờ nhựt-trình quốc-ngữ, biết bao nhiêu thơ truyện bán đầy trong hàng sách xứ Nam-kỳ ta, lật ra tờ nào tờ nấy, cuốn nào cuốn nấy cũng chẳng đầy ra những tiếng chữ nhu, mà sao người Nam-kỳ ta kẻ ở chợ người ở vườn, cũng không ai là coi không hiểu. Phàm những trí-tưởng hay, những học-thuật mới thì bất-kỳ giảng diễn ra bằng tiếng nào cũng phải ráng công kỉ ó mà coi mới hiểu đặng. Coi *Nam-phong* cũng phải ráng công khó vậy. Các người *Nam-phong* chủ-trương cái nghĩa ba kỳ thống-nhứt, cố đem cái giây liên-lạc mà cột cái tình thân-ái cả người ba xứ, hiệp trong Nam ngoài Bắc làm một nhà, cũng đã có ý sợ người Nam-kỳ ta coi không hiểu những bài trong *Nam-phong*, nên những chữ nào hơi khó, đã có làm tự-vị để tra mà hiểu cho đặng. Cái bụng tốt, cái công khó của các người *Nam-phong*, thiệt-tình không phải « bỏ hơn ba triệu người giàu có, khôn ngoan, lanh-lợi trong xứ Nam-kỳ ta ra ngoài vòng dạy dỗ đâu ! » Thảy là người Nam-kỳ, thảy muốn cho người Nam-kỳ ta mau đặng mở mang trí thức, mau đặng giắt nhau vô đường văn-minh tấn-bộ mà thảy lại biểu *Nam-phong* phải làm sao đặt để cho người Nam-kỳ ta xem dễ hiểu, thì tất phải như

thơ *Sáu trọng* truyện *Cô ba soăn*, phỏng như vạy thì có ích gì cho người Nam-kỳ ta không? Tôi cũng là người Nam-kỳ, tôi cũng muốn cho người Nam-kỳ ta mau đặng mở mang trí-thức, mau đặng giắt nhau vô đường văn-minh tấn-bộ như thày vậy ; nhưng theo ý ngu tôi, tôi lại trông sao trong nước có nhiều những nhựt-trình, tạp-chí coi khó hiểu như vậy, mà nài mà ép cho người Nam kỳ ta phải ráng coi, trước không hiểu rồi sau hiểu, trước hiểu ít rồi sau hiểu nhiều, thấm thía lần lần, rồi mới có thể mở mang trí-thức, mới có thể giắt nhau vô đường văn-minh tấn-bộ được.

Thày nói mình là người An-nam, phải thương An-nam, thương An-nam phải thương đến tiếng An-nam, phải mỗi người mỗi ra một chút công mà nuôi nấng lấy tiếng An-nam, gây dựng lấy tiếng An-nam ; điều ấy ai lại chẳng chịu là phải. Nhưng cái tiếng một nước mà muốn nuôi nấng, muốn gây dựng thì phải làm thể nào ? Ví như trồng cây, phải năng vun, năng xới, năng bón, năng tưới thì cây mới có thể tốt đặng. Ví như làm nhà, phải đủ cây, đủ sắt, đủ vôi, đủ gạch thì nhà mới có thể thành đặng. Nước ta trải mấy ngàn năm nay học theo chữ Tàu, trên từ vua quan, dưới đến làng xóm, cha biểu con, thày dạy trò, rặt bằng chữ Tàu cả ; lâu lần nghe quen tai, nói quen miệng, phần nhiều chữ Tàu đã thành ra tiếng nước mình rồi. Không nói đâu xa, ngay ở trong Nam-kỳ ta, những câu phương-ngôn tục-ngữ thông-hành ở trong xứ như nói : *Vạn ác dâm vi thủ*, nói : *anh-hùng bất úy tử, úy tử bất anh-hùng*, v. v. cũng lẫn có những câu chữ nhu trong ấy nhiều lắm, đến đỗi bà già con trẻ, mấy chú trai đi phát, mấy thím thông đi mua đồ mà nói ra cũng thường thường có những câu chữ nhu cả. Không thấy một cuống *Tự vị Trương-vĩnh-Ký* chính là « một người mượn xác Latin để đựng hồn Nam-Việt » (lời của thày nói) làm ra đó, mà trong đó như tiếng « hàn-lâm » (dịch chữ *académie* tây), tiếng « bác-vật » (dịch chữ *ingénieur* tây), tiếng « nhân đức » (dịch chữ *vertu* tây) v. v., rặt là chữ nhu cả. Chính thày là người ghét chữ Tàu, cự chữ Tàu mà vuột miệng nói ra, nào là « trí-hóa », là « văn-minh tấn-bộ », là « cơ-khí học », là « hóa-học », v. v. cũng tinh những chữ nhu là chữ nhu, hình như tự lúc « mẹ đẻ » ra trong óc đã có sẵn ngay những tiếng ấy rồi, cố muốn quên đi mà quên không đặng, nhè đương cơn ghét nó, cự nó mà cũng vuột miệng nói ra. Xét cho kỹ thì những chữ nhu mà đã nói quen trong nước mình như thế thì thành ra tiếng nước mình rồi, chớ không còn kêu là tiếng chữ nhu được nữa. Mà thế là may cho tiếng nước mình đó, tiếng nước mình nhờ đó mà bây giờ không đến đỗi nghèo lắm, không đến đỗi thiếu-thốn lắm, cũng tạm đủ để truyền-bá những cái học-thuật mới của nhà nước Đại-Pháp, đem tưới giắc cho rộng mãi ra, đặt để cho hay mãi ra, nghiền ngấm cho hiểu mãi ra, thì một ngày kia chữ nước ta cũng có thể đặt được thành những cuống sách hay như sách Tây, sách Tàu chớ chẳng không. Thế mới là nuôi nấng tiếng nước mình, gây dựng tiếng nước mình, nuôi nấng cho tiếng nước mình lớn đặng, gây dựng cho tiếng nước mình nên đặng, thế mới thật là thương tiếng nước mình. Nay thày biểu bỏ hết những tiếng nào có lẫn chữ nhu, thì tôi e tiếng nước mình tức thì phải ốm-o, phải mòn mỏi, « cái xát phải chết, cái hồn phải tan phải nát ». Khác gì một cái cây, mấy ngàn năm nay ông tằng ông cố mình lo những vun cùng xới, những bón cùng tưới, vừa gần tới ngày trổ lá ra bông, mà thày muốn đào hết những đất cũ đi, súc hết những màu bón đi, phỏng cái cây ấy liệu sống

nỗi chăng? Lại khác gì một cái nhà, mấy ngàn năm nay ông tằng ông cố mình lo những kiếm từng khúc cây, từng mảnh sắt, từng viên gạch, từng miếng vôi, vừa gần đến sây tường dựng cột, mà thày muốn liện hết những cây, những sắt, những gạch, những vôi ấy đi, phỏng cái nhà ấy có làm thành chăng? Tôi cũng vẫn biết thày thiệt tình thương tiếng mình quá, thiệt tình muốn nuôi nấng tiếng nước mình, muốn gây dựng tiếng nước mình quá; song le thày nghĩ gàn vậy, thày tính quẩn vậy thì tiếng nước mình có nhờ thày nuôi nấng, nhờ thày gầy dựng được nỗi gì? Chẳng những không được gì mà lại vì thày mà ốm-o, mà mòn mỏi đi nữa, vậy chẳng trái với cái lòng thương tiếng nước mình lắm ru?

Thày bì với tiếng Ăng-lê lúc trước bị người Langsa Normands cai-trị, tiếng Ăng-lê cũng lộn xộn những tiếng Langsa Normand, hai tiếng tranh đấu nhau trải ngoài mấy trăm năm, đến sau tiếng Ăng-lê thắng; nhưng thày phải biết người Ăng-lê vẫn sẵn có một thứ tiếng, bị người Langsa-Normand cai-trị mà phải chịu ép nói theo tiếng Langsa-normand, nên những người sang-trọng thì lúc ấy phải nói theo tiếng Langsa-normand, chớ người nhà-quê vẫn nói tiếng Ăng-lê giòng; như tiếng Langsa-normand kêu heo là « pork » thì tiếng Ăng-lê cũng vẫn có tiếng « pig », tiếng Langsa-normand kêu bò là « buf » thì tiếng Ăng-lê cũng vẫn có tiếng « ox »; bởi trong nước đã sẵn có một thứ tiếng như vậy, cho nên lúc đã thoát khỏi vòng cai-trị người Langsa-normand thì lại nói theo tiếng mình mà tiếng Langsa-normand phải một ngày một tiêu-diệt. Còn nước mình vốn không đủ tiếng, những tiếng mình nói theo tiếng chữ nhu mà nói quen rồi thành ra tiếng mình đó thì mình có tiếng gì khác là của mình sẵn có đâu, như tiếng « tổng », tiếng « quận », tiếng « nhơn », tiếng « ơn », là mình nói theo tiếng chữ nhu, bây giờ muốn nói theo tiếng mình tôi xin hỏi thày tiếng mình tiếng gì là tổng, là quận, là nhơn, là ơn? Hỏi sơ thày mấy tiếng cho bể lẽ, chớ còn kể hết ra thì biết bao nhiêu mà nói. Muốn bắc chước như Ăng-lê, bỏ hết tiếng chữ nhu thì còn lấy gì làm tiếng nước mình mà hòng nói thắng tiếng chữ nhu như tiếng Ăng-lê thắng tiếng Langsa-normand!

Thày nói nên đặt tiếng mới ra mà xài, không nên mượn tiếng chữ nhu mà cũng không nên mượn tiếng Tây; cái khí-khái của thày tuy có cứng thật, nhưng mà về cái cách gây tiếng nói trong một nước, dựng thành văn-tự trong một nước, thiệt tình thầy không nghĩ kỹ chút đỉnh chi hết. Phàm muốn gây tiếng nói trong một nước nào, muốn dựng thành văn-tự trong một nước nào, phải cần làm sao cho những tiếng nói ấy, những văn tự ấy thật « gọn ghẽ », thật « đủ nghĩa », mà ngoài hai điều ấy lại còn phải cầu làm sao cho điển-nhã, cho thanh-tao, có thể đem ra mà tả cảnh tả tình, vẽ được bức tranh mặt trời chiều trong núi như bài thi tám câu của bà Huyện Thanh-quang mà thày thuộc lấy làm lòng đó. Tôi thiết tưởng thày đã biết nói bất-kỳ nước nào mà có tiếng gọn ghẽ, đủ nghĩa thì mượn mà dùng thì giá thày đừng dở, đừng ngang, rửa sạch óc cũ đi mà đem ngay những câu nói của mình lại hỏi mình, thì thày cũng nghĩ ra được rằng những tiếng chữ nhu mà đã dùng quen thành tiếng nước mình thì thật là gọn ghẽ, thật là đủ nghĩa, thật là điển-nhã thanh-tao, có thể tả cảnh tả tình, vẽ được bức tranh mặt trời chiều trong núi. Ủa! mà chính thày cũng nói những chữ Hán như là chữ: Bộ, Thủy, Thuyền, Phiền, Tỏa, v. v. (tiếng « khuây » không phải chữ Hán, thày nói lầm, nên bỏ bớt đi) đều là tiếng thường dùng mỗi ngày, nó đã thành tiếng An-nam trước khi Thị-

điểm làm thi », chính thày cũng chịu bài thi làm có những tiếng ấy là hay tuyệt, vậy thì thầy biết được những tiếng ấy, thày cho những tiếng ấy là thành tiếng An-nam, thày cho những tiếng ấy là hay; thày chẳng nói đó ư? « Người An-nam ta học chữ Tây có, học chữ Tàu có, chữ Ang-lê có, mà không có ai học chữ An-nam », thày tất cũng chưa từng học chữ Annam, chưa học thì làm sao biết hết đặng, biết đâu những chữ trong *Nam-phong* dùng lại hiếm gì những chữ nhu như chữ *bộ*, chữ *thủy*, chữ *thuyền*, chữ *phiền*, chữ *tỏa* đó mà vì thày chưa biết thì thày cho là dùng chữ nhu cả chớ gì ? Phàm tiếng nói của một nước mà những tiếng gì đã có một phần người trong nước nói quen thì thành ra tiếng nước ấy cả, như tiếng *trái*, tiếng *bóng*, tiếng *rương*, tiếng *kệ*, là tiếng riêng của người Nam-kỳ ta mà sao từ khi Nam Bắc giao-thông đến giờ, người Bắc cũng nói quen, nay đã thành ra tiếng cả nước nói ; vậy thì những tiếng chữ nhu mà đã thành tiếng Annam, người Huế, người Bắc người ta nói quen rồi, lần lần mình giao-thông với người ta, rồi cũng nói quen mà thành ra tiếng cả nước nói chớ khó gì. Nay thầy ngại khó, thầy không muốn học những tiếng thầy chưa biết, dù là tiếng các nơi người ta đã nói quen rồi, thầy cũng bỏ tuốt, thầy lại đặt ra những tiếng mới, cả nước chưa nói quen bao giờ, thầy bắt người ta học theo thầy, không nói thầy đặt chưa biết đến đời nào cho bù được dủ những tiếng thầy định bỏ, dầu cả thầy, cả những nhà nhựt-trình, những nhà làm sách cũng nghĩ gần, cũng tính quẩn như thầy, cũng cố công mà làm chuyện vô ích ấy với thầy cho xong được đi nữa, thì chưa chắc đã thật gọn ghẽ, thật đủ nghĩa, thật điển-nhã thanh-tao bằng những tiếng chữ nhu mà người mình đã nhiều nơi dùng quen đó ; nói cho cùng, dù thầy cùng những người cũng nghĩ gần, tính quẩn như thầy đó mà thật có tài có trí, đặt được chữ nào cũng gọn ghẽ, cũng đủ nghĩa, cũng điển-nhã thanh-tao đi nữa thì cũng chưa biết đến đời nào mà người mình nói quen thành tiếng được. Phương-chi tiếng nước mình mà muốn đặt cho mất hết dấu vết chữ nhu đi thì khó làm sao cho gọn ghẽ được, cho đủ nghĩa được, cho điển-nhã thanh-tao được ; lấy ngay những tiếng thầy đã ráng hết trí khôn mà đặt đó mà nói thì đủ hiểu : tiếng « planète » gốc bởi tiếng grec « planètés » nghĩa là « kẻ trôi nổi » mà ra, dùng để chỉ những vì sao đi luôn chạy luôn không đứng một chỗ, dịch là *hành-tinh* thì thật là đúng ; thầy biểu còn nhiều vì sao khác như sao chổi, sao đuôi, mặt trời cũng đi, cũng chạy mà không phải là « planète », nên dịch là *hành-tinh* thì không đúng, phải dịch là « sao đất » mới đúng ; đúng gì mà đúng, đã mất hẳng cái ý là những vì sao đi luôn chạy luôn không đứng một chỗ, sái hẳng nguyên văn chữ « planète » của người ta, mà lấy nghĩa là những vì sao làm bằng đất bằng đá thì cũng còn nhiều vì sao khác như mặt trăng cùng các vì sao « satellite » khác cũng làm bằng đất bằng đá mà có phải là « planète » đâu ! Tội gì đặt mới ra cho rộn trí người ta mà không đúng như vậy ? Sao bằng lấy tiếng *hành-tinh* là tiếng người ta đã quen dùng, đã đúng được nghĩa chữ « planète » mà cũng không sợ lẫn với những vì sao khác, vì những vì sao khác tuy cũng có đi có chạy mà như mặt trời, sao chổi lại có chất phát ra khí nóng cùng yến-sáng, như mặt trăng lại phụ vô với một vì « planète » nên mỗi vì sao ấy đã có riêng tên, không kêu là *hành-tinh* được mà hòng lẫn. Tiếng « satellite » dùng để chỉ những vì sao nhỏ chạy vòng theo cái vì « planète, »

dịch là « vệ-tinh » (thày nói *tùng-tinh* không nhằm) thì thật là đúng : Vệ nghĩa là theo hầu ; những vì « satellite » theo hầu những vì «planète», «planète» đi, « satellite » cũng theo đi, chẳng phải theo hầu là gì ? Còn mặt trời đứng một chỗ, tuy có chuyển động mà không phải là đi, những vì « planète » vòng xung-quanh mặt trời mà đi, chớ không phải theo hầu mặt trời, không phải mặt trời đi những « planète » cũng theo đi, nên không gọi là tên chung với vệ-tinh được. Thày biểu kêu thế không đúng mà đặt ra tiếng mới, biểu kêu là mặt trăng tuốt thì tôi e người ta nghe hiểu lộn mất, vì mặt trăng là tên riêng của một vì « satellite », nó ở gần trái đất ta nên ta đặt ra một tên riêng để kêu nó, nước nào cũng có tiếng kêu tên riêng nó, như tiếng Tây kêu nó là *lune*. tiếng ta thì kêu nó là *mặt trăng*, nay đem dùng mà chỉ hết cả những vì « satellite » thì khác gì lấy tên riêng của một người Nam-kỳ mà nói bao nhiêu người Nam-kỳ kêu là tên ấy cả, sao được ? Đại-để có ép nồng mà dùng rặt tiếng nước mình thì có chữ gọn ghẽ lại không đủ nghĩa, có chữ đủ nghĩa lại không gọn ghẽ, có chữ gọn ghẽ đủ nghĩa lại không được điển-nhã thanh tao. Đặt ra tiếng có phải chỉ để mà nói không, chỉ để mà dùng trong chỗ hàng rau hàng cá, chỉ để mà làm vật-liệu nói chuyện cho mấy chú cu-li xe đâu ? Phải nghĩ sao có thể mà truyền-bá đặng các tư-tưởng hay, giảng-diễn đặng các học-thuyết mới, đặt để đặng thành sách thành vở, thành thi thành văn. Tôi đố ai đặt một bài thi, dịch một bài văn Tây mà làm rặt bằng những tiếng mình không lẫn tiếng chữ nhu cho thành được ? Phải đặt ra tiếng nào mà cũng gọn ghẽ, cũng đủ nghĩa, cũng điển-nhã thanh-tao mà lại không đến đỗi lạ tai người ta lắm, như tiếng « tàu bay » thày kể đó thì ai lại chẳng đặt, ai lại tội gì mà dùng tiếng chữ nhu ; thày thử lật tạp-chí *Nam-phong* số thứ hai coi tiếng *dirigeable* họ có dịch là *tự do khinh khí cầu* đâu, họ cũng dịch là tàu bay, cho biết họ không phải không khí-khái như thày, họ cũng cố muốn đặt tiếng nước mình mà xài, đều cực chẳng đã họ mới chịu dùng những tiếng chữ nhu vậy.

Thày sợ dùng nhiều tiếng chữ nhu rồi lâu lần tiếng nước ta thành ra tiếng của Tàu, không đứng riêng một cõi được ; điều ấy thày cũng lại nghĩ lầm, chính tiếng ta vì dùng được những tiếng chữ nhu, tiêu-hóa được những tiếng chữ nhu mà thành ra đứng riêng được một cõi. Ta trước học chữ Tàu, nhờ được cái âm-điệu thiên-nhiên mà học chữ của nó lại nói ra tiếng của mình ; sau dần những chữ của nó mà mình nói quen thành tiếng mình, chính người Tàu nó cũng phải chịu là tiếng riêng của mình, những đứa chưa từng học tiếng mình thì nghe cũng không hiểu là cái chi chi hết, cũng như người chưa học tiếng Tây nghe nói tiếng Tây vậy. Như vậy làm sao mà thành ra tiếng Tàu được ? Người Nhựt-bổn ngày xưa nó cũng học chữ Tàu, tiếng của nó thiếu, nó cũng mượn chữ Tàu mà đặt làm tiếng của nó, bây giờ những tiếng về các khoa-học, chính nó mượn chữ Tàu mà đặt ra chữ nó, người Tàu lại phải bắt chước theo nó mà dùng, dám nói tiếng Nhựt-bổn không đứng riêng một cõi được ru ? Cũng như tiếng Pháp phần nhiều gốc ở tiếng Latin mà tiếng Latin vẫn ra tiếng Latin, tiếng Pháp vẫn ra tiếng Pháp, bây giờ tiếng Pháp lại rộng hơn tiếng Latin, hay hơn tiếng Latin, đứng riêng hẳn một cõi, có hại gì đâu ?

Thày nói người Tàu là kẻ nghịch rất nên lợi hại với mình, mình không nên nương theo chữ nó làm tiếng mình. Tôi nghĩ mình thù người Tàu, mình ghét người Tàu thì mình phải cố làm sao tranh khôn tranh khéo, về đường

công-nghệ, về đường buôn bán, lo làm sao mà giữ lấy lợi-quyền của mình mới được, muốn thế thì lại càng cần phải mau mở mang trí-thức, nó có cái gì hay, mình càng phải nên bắt chước, nó có cái gì tiện, mình càng phải nên làm theo ; không thấy các nước Thái-Tây, hễ một nước có làm đặng cái gì hơn người thì các nước khác liền cố học ngay cho kỳ được, nào ai có kiêng cái nghề tài ấy, cái máy giỏi ấy là của người nghịch với mình mà không thèm học theo bao giờ. Ta dùng tiếng chữ nhu tiện cho ta, ích cho ta thì ta dùng, còn thù nó, ghét nó, cố làm sao cho hơn nó thì ta cứ thù, cứ ghét, cứ cố, chớ sự thù ghét cùng không thù ghét có quan-hệ gì đến dùng tiếng chữ nhu cùng không dùng tiếng chữ nhu. Không thấy ngoài Bắc họ học chữ Tàu nhiều mà sao về đường công-nghệ, về đường buôn bán, họ tranh được lợi-quyền với người Tàu nhiều, còn Nam-kỳ ta lúc trước cũng ít học chữ Tàu, bây giờ thì không học chữ Tàu nữa mà người Tàu nó vẫn cứ nhè ta mà nó rút máu tốt thịt tươi được. Thầy viện chứng người Nga-ta-tư thù ghét quân Đức, vì tiếng *St Pétersbourg* là tiếng Đức, lúc mới khởi sự đánh nhau liền đổi tên kinh-thành là *Pétrograd*, không kêu là *St Pétersbourg* nữa ; còn quân Đức nó thù ghét nước Pháp ta, nó cũng thù ghét luôn tới tiếng của nó đã mượn của tiếng Pháp như tiếng *coiffeur*, *bureau*, mà dùng tiếng của nước nó ; phải ! ghét người ghét cả tiếng nói, cái tình thường người ta có thế thật ; nhưng mà trong cả và tiếng nước mình chỉ lẫn có năm ba tiếng của cái nước nghịch cùng mình thì mới có thể bỏ được, chớ như tiếng chữ nhu nó lẫn ở trong tiếng ta nhiều quá, ta đã dùng quen thành ra tiếng ta thì bỏ làm sao được, biết bao nhiêu tiếng chữ nhu bây giờ đã thành hẳn ra tiếng mình rồi : như tiếng *đầu* bởi chữ 頭, tiếng *hàm* bởi chữ 頷, tiếng *áo* bởi chữ 襖, tiếng *quần* bởi chữ 裙, tiếng *tỉnh* bởi chữ 省, tiếng *huyện* bởi chữ 縣, tiếng *miếu* bởi chữ 廟, tiếng *đình* bởi chữ 亭, tiếng *súng* bởi cccữ 銃, tiếng *điện* bởi chữ 電, v. v. mà ra, cứ xét cho kỹ thì phần nhiều tiếng ta là bởi nói tiếng chữ nhu mà thành hẳn ra tiếng ta rồi cả, vậy bây giờ nhơn thù ghét Chệt mà thù ghét luôn tới tiếng chữ nhu, kiếm nội những tiếng nào hơi có dấu vết chữ Chệt thì bỏ đi hết hay sao ?

Thầy nói tiếng nào đặt được thì đặt, cùng chẳng dã phải mượn tiếng nước khác thì tiếng nước nào mà gọn ghẽ đủ nghĩa cũng nên mượn, không cứ là mượn chữ Tàu hay là mượn chữ Tây. Thầy biết vậy, tôi cũng biết vậy, chính các người *Nam-phong* cùng khởi xướng cho mình vậy. Coi trong *Nam-phong* những tiếng mà đặt thành tiếng mình được như tiếng *máy bay*, *tàu bay*, *tàu lặn*, *tàu ngầm*, v. v., họ cũng cố họ đặt ra tiếng mình, còn những tiếng Lang-sa mà đã có một phần người mình dùng quen như tiếng *sà-phòng* (savon), *ki-lô-mét* (kilomètre), nhà *ga* (gare) thì họ cũng dùng theo tiếng Lang-sa, đều trong khi mượn tiếng nước khác thì mượn tiếng chữ nhu nhiều hơn là vì tiếng chữ nhu đã nói quen thành tiếng mình nhiều, cũng tức như dùng tiếng mình vậy ; cũng như người Nhựt-bổn nó cũng có mượn tiếng các nước khác mà tiếng chữ nhu nó vẫn dùng nhiều hơn, người Lang-sa, người Ăng-lê cũng có mượn tiếng các nước khác mà tiếng Latin vẫn dùng nhiều hơn. Chớ có phải các người *Nam-phong* cố khoe mình biết nhiều chữ Hán mà dùng nhiều chữ Hán đâu. Thầy thấy người ta dùng nhiều chữ Hán, thầy biểu người ta cố khoe rằng biết nhiều chữ Hán, vậy thế những bài trong *Nam-phong* họ dịch những sách Tây, những văn Tây thâm-thúy cao xa như vậy, dễ thường thầy

cũng biểu họ cố khoe rằng biết nhiều chữ Tây đó sao ; thày nông-nổi quá ! Thày tưởng người ta cũng nông-nổi như thày ư ?

Thày lại vu cho người ta thấy vua KHẢI-ĐỊNH ưa chữ nhu, đến đổi những bài diễn-thuyết trong các trường học cũng đặt bằng chữ nhu và thấy những bọn công-hầu quan-lại một ngày tới tối chỉ rung đùi rung vế ngâm ba câu thơ Hán-văn, cho nên đem chữ Hán vô mà thế tiếng nước mình đặng có ý bợ đỡ vua quan ; thày nói câu đó thì « cực bậy ». Xưa nay có ai lại có cái cách bợ đỡ kỳ-cục thế bao giờ ; phương-chi vua KHẢI-ĐỊNH cũng không phải là ưa chữ nhu hơn tiếng nước mình, tôi nghe ngài viết thơ từ cho các quan Tây cùng các quan An-nam cũng dùng chữ quốc-ngữ ta cả ; thày cứ một cái diễn-thuyết ở các trường học bằng chữ nhu mà thày dám nói liều vậy, thày là người An-nam, thày phải biết thể-lệ cũ của An-nam ta thủa nay phàm những chiếu, dụ, sắc, lạnh, dùng để cai-trị dân là bằng chữ nhu cả, bây giờ đương lúc quốc-văn mình chưa thành-lập, chưa có thể dùng mà thay chữ nhu, bỏ hẳn thể-lệ mấy ngàn năm trước được ; trong khi ngài ra chơi Hà-nội tới thăm các trường học là một lễ trọng-thể, phải giữ theo điển-lệ đời trước, diễn-thuyết bằng chữ nhu mà đã có bản dịch ra quốc-ngữ cho mọi người đều hiểu ; cũng như Nhà-nước Đại-Pháp qua cai-trị ta mà những giấy mền-đay (médaille), những tờ tưởng-lục cũng phải dùng có chữ nhu cả, là để tôn-trọng cái điển-lệ người An-nam, điển-lệ người An-nam xưa nay lấy những chiếu, dụ, sắc, lạnh bằng chữ nhu mới là trọng, có thế thì cái lời nói trong đó mới có oai-vệ, mới khiến cho lòng người cảm-phục ; chớ sao được lấy cái đó mà nói vua KHẢI-ĐỊNH chỉ ưa chữ Hán thôi. Còn như công-hầu quan-lại An-nam, thày đã biết người ta thế nào mà thày dám nói người ta một ngày tới tối chỉ rung đùi rung vế ngâm ba câu thơ Hán-văn, thày có biết bầy tám năm trước những người khởi-xướng ra nói với Nhà-nước Bảo-hộ xin cải-lương phép học phép thi, lấy chữ quốc-ngữ dạy phổ-thông trong nước đó là ai không ? Chính là những người thày nói một ngày tới tối chỉ rung đùi rung vế ngâm ba câu thơ Hán-văn đấy ! Thày tự-xưng thày là người Annam, thày thương nước Annam mà thày nỡ khinh-miệt tới lễ-tục của ông cha để lại, nhắm mắt nói hoang, hỗn tới vua quan nước nhà, muốn đạp đổ hết cương-thường, luân-lý, phong-tục, tập-quán của nước nhà, thế là người An-nam ư ? thế là có lòng thương nước Annam ư ? Ông SOCRATE là một vị đại-triết học Grèce bị tội oan phải xử-tử, người-ta khuyên ông trốn, ông nói : « Làm trai trong nước phải theo phép luật trong nước, dù phép luật ấy không công-bằng cũng mặc lòng », đành chịu chết mà không dám cưỡng phép nước. Ông DESCARTES cũng là một vị đại triết-học nước Đại-Pháp, trong cuốn *Phương pháp luận* (*Discours sur la Méthode*) của ông nói những luân-lý, tập quán xưa nay không chắc đã là phải, nhưng mà mình ở đời này cũng cứ phải theo những thói quen đời này mà ăn ở. Các ông ấy học đến thế, biết đến thế mà chưa dám khinh-miệt phép-luật luân-lý cũ, nữa là thày.

Thôi không cần biện-luận với thày cho mệt ; tôi biện-luận với thày là tôi biết chắc thày là người thương tiếng nước mình thật, vì thày nghĩ gàn tính quẩn mà e trong hội học tiếng Annam mất một người tốt, lại e người Nam-kỳ ta ít học chữ nhu, tiếng chữ nhu ở trong Nam-kỳ ta ít nói quen, hoặc có người nhơn thày nói mà hiểu lầm cái cách đặt tiếng nước mình, nên nói hết các lẽ cho người Nam-kỳ ta khỏi lầm, cho thày tỉnh lại mà

mở rộng con mắt ra, rửa sạch óc cũ đi, đặng có cùng nhau mỗi người mỗi ra một chút công, mong cho quốc-văn ta chóng thành-lập. Nay ta bàn với nhau cái cách làm cho quốc-văn ta chóng thành-lập : cứ lẽ công mà nói, thì tiếng nào có thể đặt hẳn tiếng ta được như tiếng *tàu khói*, *xe lửa* v.v. thì ta đặt ra mà xài ; tiếng chữ nhu mà đã có nhiều người dùng quen như những tiếng trong *Nam-phong* dùng thì dù có một đôi chỗ chưa dùng quen, ta cũng cố nghiền ngấm mà hiểu cho đặng, mà dùng cho quen ; tiếng Tây thì từ rày sấp sau ta học nhiều, chắc rồi cũng có nhiều tiếng nói quen như *sà-phòng* (savon), *ki-lo-mét* (kilomètre) thì ta cũng dùng ; những tiếng tên người, tên đất như tiếng : Nga, Đức, Hoa-thịnh-đốn, Nã-phá-luân, v. v., ta nói theo chữ nhu mà nay đã quen thành ra tiếng của ta rồi thì ta cũng chẳng nên bỏ mà dùng tiếng khác cho lạ tai người ta nghe, rộn trí người ta học ngoài ra các tiếng khác mà ta chưa có tiếng nói quen thì từ giờ sấp sau ta cứ nói theo tiếng tây mà viết ra vần quốc-ngữ mình, chua chữ tây một bên cho tiện bề khảo-cứu ; còn trong ba xứ mỗi xứ cũng có ít nhiều cái tiếng riêng như tiếng xoài trong Nam-kỳ ta (ngoài Bắc nói muỗm), tiếng cha trong ta (ngoài Bắc nói bố), tiếng nghỉ trong ta (ngoài Huế nói ngơi) ; thì ta nên góp cả lại mà dùng hết, càng rộng tiếng nói càng hay ; lại còn có nhiều tiếng mỗi xứ nói trại đi mỗi khác như trong Nam-kỳ ta nói *trời*, ngoài Bắc nói *giời*, thì ta nên định hẳn lấy một tiếng, xứ nào cũng xài theo tiếng ấy, cũng viết đúng như nhau, thế là được, thế là không bao lâu mà quốc-văn ta phát-đạt dư dã, không sút gì chữ các nước đâu. Mà muốn thế thì cả thảy, cả tôi, cả người ba xứ nước ta nên cùng giốc một niềm lấy tạp-chí *Nam-phong* làm một cái cơ-quan hội học tiếng Annam, thôi-thúc các người *Nam-phong* mau mau xướng-lập nên cái hội học ấy, ai nấy có anh em, có chúng bạn, mau mau khuyên nhủ nhau vô cái hội học ấy. Cái chương-trình của thảy thảo đó cũng có chỗ được, cũng có chỗ còn phải sửa, nên gia nên giảm, để các người *Nam-phong* khởi-thảo ra trước, rồi người ba xứ ta cùng đính-chính lại mà làm cho chóng thành-hiệu. May lắm ! trông lắm !

Một người Nam-kỳ
Tr. v. Đ.

Nous héritons non seulement de ce que nos pères ont fait, mais de ce qu'ils n'ont pu faire, de leur œuvre inachevée, de leur effort en apparence inutile : nous frémissons encore des dévouements et des sacrifices de nos ancêtres, des courages dépensés même en vain, comme nous sentons au printemps passer sur nos cœurs le souffle des printemps antédiluviens et les amours de l'âge ternaire.

J. M. Guyau

Ta kế-thừa ông cha ta không những là kế-thừa những việc ông cha ta đã làm nên, mà kế-thừa cả những việc chưa làm nên, cả cái sự-nghiệp chưa thành, cả cái công-phu uổng-phí của người : ngày nay nghĩ đến những việc hiếu-nghĩa của tổ-tiên, nghĩ đến cái công người khó nhọc mà lắm khi không thành, trong lòng ta còn cảm-động, tức như mùa xuân đến, khi trời ấm-áp ta còn phảng-phất tưởng như hô-hấp cái khí xuân tự trước đời hồng-thủy, rung động cái xuân-tình tự đời trái-đất mới đến kỳ thứ ba (1) vậy.

(1) Địa-chất-học (*la géologie*) dạy rằng trái-đất phải qua bốn kỳ mới thành như bây giờ. cuối kỳ thứ tư mới có người xuất-hiện. Trong kỳ thứ ba chỉ có những giống vật cực lớn như kềnh-nghề, rồng rắn...

MỘT THÁNG Ở NAM-KỲ

Làm trai đã đáng nền trai,
Phú-xuân đã trải, Đồng-nai cũng từng.

Cứ theo lời ca-dao đó thì tôi đây có lẽ cũng đã đủ tư-cách làm một « nền trai » đất Nam-Việt vậy. Mùa xuân năm nay đã trải qua mười ngày ở Huế, mùa thu này lại từng ở một tháng Nam-kỳ,... không kể trong ngoại hai mươi năm trời đã sinh-trưởng ở chốn Thăng-long đô cũ, trong khoảng sông Nhị núi Nùng ; nếu có thế mà đủ làm trai Nam-Việt, thì tôi đây thật đã thập-phần xứng-đáng rồi. Nhưng mà đoái nghĩ : nghề làm trai ở đời, nhất là làm trai nước Nam này, há phải dung-dị lắm ? Lời ca-dao kia há có thiển-nghĩa thế ? Ôi ! đương buổi Quốc-Triều gây dựng cơ-đồ, đánh nam dẹp bắc, thiếu gì những kẻ tang-bồng hồ-thỉ, chí-khí nam-nhi, nay tòng-quân ở Thuận-hóa, mai viễn-thú đất Đồng-nai, vào sinh ra tử chốn sa-trường, mong lập công-danh cùng xã-tắc : lời ca-dao kia là tả cái chí của những bậc vô-danh-anh-hùng đó, chớ có đâu lại hợp với cái cảnh một kẻ thư-sinh nhỏ mọn như bỉ-nhân đây, thừa lúc trong nước còn hiếm người mới ra lạm một phần ngôn-luận với quốc-dân, nghĩ mình lắm lúc đã thẹn thay, có đâu lại mê cuồng đến đem lời khen của cổ-nhân mà tự gán cho mình ! . . .

Song

Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ đến ngày nào khôn,

ca-dao cũng lại có câu như thế, thì tuy ở Huế mười ngày, Nam-kỳ một tháng, chưa đủ làm được « nền trai » Nam-Việt, mà cũng đủ học « khôn » được ít nhiều. Huống tuy khác xứ mà cũng đất nước nhà, tuy người lạ mà cùng là anh em, thời càng quen biết lại càng đậm-đà cái tình máu-mủ, càng đằm-thắm cái nghĩa quê-hương ; như thế thì mấy phen du-lịch cũng là mấy lần đi học cho biết cái nghề làm trai nước nhà vậy.

Lần trước đã từng thuật những sự tư-tưởng cảm-giác ở Trường-an, lần này lại xin kể những sự kinh-lịch kiến-văn ở Lục-tỉnh ; không phải là muốn khoe với ai cái văn-chương sốc-nổi, chỉ muốn đem lời thành-thực mà giãi-bày bàn-bạc cùng quốc-dân, hoặc lòng nhiệt-thành có người cảm, lời bàn ngay có kẻ nghe, ấy là mãn-nguyện vậy.

Nhưng trước khi kể chuyện Nam-kỳ, tưởng nên giải qua cái tình-cách hai cuộc du-lịch trước sau khác nhau thế nào. Lần trước là đi vẫn cảnh một nơi đất cũ, còn đầy những dấu-tích đời xưa, mỗi bước như động đến tấm lòng hoài-cổ, chạnh những nông-nỗi cố-hương ; nghe tiếng chim kêu trên bãi cát mà nỗi thương nước nhớ nhà không thể cầm được, ngắm bức phong-cảnh chốn tôn-lăng mà lòng cảm-hoài về lịch-sử như chan như chứa ; bao nhiêu những giọng ngậm-ngùi ai-oán thủa bình-sinh không ngờ mà lâm-li trên tờ giấy, khiến người đọc cũng phải lạnh-lẽo trong lòng. Đương buổi thế-giới cấp-tiến, người đời xô đuổi nhau vào con đường tương-lai vô-hạn, quay đầu lại nhìn về đời trước, còn gì buồn bằng ! Lần này thì thật khác : cái khí-vị lạnh-lẽo kia đã đổi ra cái khí-vị nồng-nàn rồi. Nam-kỳ là một nơi đất mới, mới đủ đường : địa-chất, lịch-sử, văn-hóa đều là mới cả ; người ta đương hăm-hở về đường tiến-thủ, muốn bước cho chóng, lên cho mau, chưa từng bận lòng đến những nỗi thương cũ tiếc xưa, phiền xa buồn

muộn. Đất cũng không từng có những dấu vết cũ, như tòa thành cổ, góc miếu xưa, đủ nhắc cho người ta tấm lòng nhớ cũ, mà chỉ mênh-mang những đồng rộng không cùng, sức người mở mang không xuể. Lại thêm Tạo-vật đãi người quá hậu, cho cái đất kia phì-nhiêu có một, cách làm ăn không khó-nhọc mà đường sinh-hoạt được thảnh-thơi ; tiền bạc đã nhiều, tiêu dùng càng lắm, đòi người như lấy sự khoái-lạc làm cái mục-đích không hai. Khoái-lạc lại khoái-lạc mà suốt năm như bữa tiệc một ngày ! Cho nên cái cảm-giác của người mới bước chân tới đây là cái cảm-giác vui, vui mà tin cậy ở cái tương-lai, chớ không phải buồn mà thương tiếc cho sự ký-vãng.

Ấy hai cuộc du-lịch khác nhau như thế, lời kỷ-thuật tất cũng không in một giọng. Đó là một lẽ tự-nhiên, không lấy gì làm lạ. Song sự vui sự buồn tuy gốc tự lòng người mà thực bởi cảnh-vật khiến nên. Hoặc-giả có kẻ nói có biết nghĩ mới biết buồn, muốn vui ắt phải vô-tâm, thì lỗi ấy tác-giả cũng xin nhận một phần, mà cảnh-vật xứ Nam-kỳ mới thật là đáng quá nửa vậy.

Từ Hà-nội vào Sài-gòn muốn đi đường thủy hay đường bộ cũng được. Nhưng đường bộ đi bằng xe hơi mới giao-thông được ít lâu nay, vừa khó nhọc và vừa có khi nguy-hiểm nữa. Vì con đường quan-lộ về địa-phận Trung-kỳ, nhất là từ Huế trở vào, còn xấu lắm, lại lắm chỗ cách sông cách núi, thật là chưa tiện cho xe đi lại. Hoặc có những người hiếu-kỳ mới đi bằng xe hơi tự Hà-nội về Sài-gòn như thế, là muốn cho mới lạ, chớ thực chưa phải là một cách tiện-lợi cho hành-khách Bắc Nam. Hiện bây giờ xe hơi dùng chở thơ nhiều hơn là chở khách. Sau này bao giờ đường xe lửa chạy suốt Đông-dương làm xong thì bấy giờ sự giao-thông xứ Bắc với xứ Nam bằng đường bộ mới thật là tiện-lợi. Hiện nay vẫn chỉ có đường bể là hơn. Chỉ ngặt từ khi có chiến-tranh, phần nhiều các tàu bể bị Nhà-nước thu dể dùng về việc quốc-phòng bên Âu-châu, ở đây thường thiếu tàu đi lại, sự giao-thông có chậm-trễ hơn xưa. Vài tháng mới có một chuyến tàu lớn ở Tây đáp sang, còn chạy thường chỉ có vài chiếc nhỏ, khi xuống Tân-gia-ba, khi lên Hương-cảng, đi lại không kỳ, hành-khách thường phải chờ đợi đầy tuần. Bắc-kỳ ta có công-ti Bạch Thái-Bưởi có tàu đi bể được, nếu đủ sức mà đặt được một đường Hải-phòng — Sài-gòn thì đương buổi hiếm tàu này chắc là chóng phát-đạt lắm. Các nhà buôn ta trong Nam ngoài Bắc đều ước-ao như thế cả.

Hồi sửa-soạn đi Nam-kỳ vừa gặp có chuyến tàu lớn ở Nhật-bản về. Tàu hiệu *Porthos* của công-ti Hãng-hải Á-đông (*Cie des Messageries maritimes*), vừa to, vừa mau, các chiếc khác đi Hải-phòng — Sài-gòn phải năm ngày năm đêm, chiếc này đi chỉ đầy ba đêm hai ngày.

Được tin có tàu, vội-vàng đi xe lửa xuống Hải-phòng. Bữa ấy là ngày 21 tháng tám tây, tức là rằm tháng bảy ta. Sông Nhị-hà đương lên, tin báo lụt đã thấy truyền lại nhiều nơi. Ngồi trong xe lửa trông ra có chỗ mênh-mang những nước. Thôi, cái nạn lớn hằng năm năm nay cũng lại không tha cho dân xứ Bắc ! Trước khi tạm-biệt đất Bắc-kỳ, nhìn lại cái cảnh nước bùn trời nặng kia mà thương thay cho bọn nông-dân xứ Bắc mình, thật là cất đầu không nổi với ông Thủy-vương cay-nghiệt ! Khi tới Nam-kỳ thấy đồng-bào ta trong Lục-tỉnh cách làm ăn dễ-dãi như thế, nghĩ đến đường sinh-nhai eo-hẹp của người mình, cái lòng thương anh em nơi cố-quận lại càng thiết-tha lắm nữa.

Tới Hải-phòng được tin đích rằng 3 giờ trưa ngày mai là ngày 22 tàu mới cất neo ra bến. Vạy còn phải đợi

một ngày nữa, muốn nhân dịp sang chơi qua bên Kiến-an. Đi xe tay mất hơn một giờ, phải qua một cái đò ngang. Kiến-an là một tỉnh mới, trước thuộc Hải-dương, nay gồm mấy phủ huyện quanh thành-phố Hải-phòng. Tuy Kiến-an đối với Hải-phòng cũng như Hà-đông đối với Hà-nội, mà tỉnh-lỵ sơ-sài, phố-phường vắng-vẻ, không có cái cơ phát-đạt như Hà-đông. Lệ xưa nay, một tỉnh nhỏ ở cạnh nơi đô-hội lớn thì cái sức sinh-hoạt hình như bị thu rút cả vào nơi đô-hội ấy: Kiến-an đối với Hải-phòng cũng tức như vậy. Ha-đông có khác là vì Hà-đông ở chốn trung-ương, tuy cũng bị Hà-nội át về đường buôn-bán mà vẫn là nơi trung-tâm của một miền quê giàu có đông-đủ đệ-nhất ở Bắc-kỳ. Cả Kiến-an hình như núp ở dưới nhà Thiên-văn-đài Phù-liễn, xây trên cái đồi cao, nhìn xa như một cái thành lớn hám-chế một địa-phương. Khi sắp tới đã thấy đột-ngột trước mắt, khi quay về còn thấy sừng-sững sau lưng, mà tiếc trời đã về chiều, giờ đã có hẹn, không thể lên xem tận nơi được, khiến cho đến nay cái hình-ảnh nhà Thiên-văn-đài Kiến-an vẫn còn phảng-phất trong tưởng-tượng vậy.

Buổi tối đi dạo chơi trong thành-phố. Hải-phòng thật là đáng làm nơi đô-hội thứ nhì xứ Bắc-kỳ. Về đường buôn-bán hơn Hà-nội đã cố-nhiên rồi, mà cái tương-lai xem ra còn có thế bành-trướng hơn chốn cổ-đô mình nhiều. Hà-nội đã già quá, cũ quá rồi, cái sức phát-đạt hình như có hạn, không thể ra ngoài được nữa. Chắc cái phong-thể riêng không bao giờ mất hết được. cái nền-nếp cũ rồi cũng vẫn còn, về đường học-thức, về đường mĩ-nghệ, về cách đàn-điếm phong-lưu, bao giờ cũng vẫn giữ được bậc nhất mà không đến nỗi phụ cái thanh-danh cũ, cũng tức như cô con gái thế-gia dù vào cảnh-ngộ nào vẫn ra con người nền-nếp. Nhưng về đường buôn-bán, đường công-nghệ, về cách làm ăn kiếm tiền, thì không sao tranh nổi với Hải-phòng được. Hải-phòng còn đương vào cái thời-kỳ trai-trẻ, chưa biết lớn đến đâu, thịnh đến đâu là cùng. Vả bởi cái địa-thế làm nơi cửa bể chung cho cả Bắc-kỳ, hành-khách đồ hàng đâu đâu cũng tất phải qua đấy, thì Hải-phòng lại hình như gồm được cả sự sinh-hoạt của xứ Bắc-kỳ về đường kinh-tế nữa. Cho nên cái tương-lai của Hải-phòng thật không thể lượng được vậy.

Mà đoái nghĩ cái thành-phố lớn ấy, cái cửa bể to ấy, thành-lập chưa đầy năm mươi năm trời. Trước kia chẳng qua là một xóm nhỏ ở gần bể, khi nước ta bắt đầu giao-thông với Đại-Pháp, Triều-đình mới đặt một tòa Thương-chánh để kiểm-tra tàu bè cùng hàng-hóa xuất-nhập. Kế sau Đại-Pháp sang bảo hộ, nhân đấy đặt nên cơ-sở một nơi đô-hội lớn, từ đó cứ mỗi ngày một phát-đạt mãi lên, thực là bởi công Nhà nước Bảo-hộ sáng-tạo ra vậy. Có người làm sách đã nói : « Cửa bể Hải-phòng là tay người Đại-Pháp tự không mà gây dựng nên, trên đống bùn lấy sông Cửa-cấm », thực không phải là nói ngoa vậy.

Đường phố Hải-phòng phần nhiều rộng-rãi hơn Hà-nội, nhà cửa đều-đặn hơn, và thường làm theo một kiểu, không có cái cao cái thấp, cái ra cái vào như nhiều phố cũ ở tỉnh ta. Là bởi những đường phố nhà cửa ấy mới đặt mới làm cả, nên có thể nhất-luật theo cách mới, coi rộng-rãi thảnh-thơi hơn. Buổi chiều, vào sáu giờ, nhất là ở đường Cầu-Đất là đường đi thẳng ra Đồ-sơn, xe ngựa xe hơi chạy lũ lượt không dứt, coi như cảnh-tượng ngày hội : đó là xe của những nhà buôn to bán lớn trong thành-phố, cả ngày làm việc nhọc mệt, kế lợi thương công, chiều đến ra hóng mát bờ bể. Các chú ở phố khách thì chiều đến cũng xô

nhau vào ăn uống om sòm trong các nhà cao-lâu : đó tức là cách giải-trí của các chú. Mà người mình lắm người cả ngày không nhọc trí chút nào, tối đến cũng đua nhau mà giải-trí như người ! Bữa đó là tối ngày rằm tháng bảy, phố khách nhà nào nhà nấy đốt đèn nến, bày vàng mã ngay ngoài hè, khói hương nghi-ngút, tàn lửa tơi-bời, kẻ đi người lại tấp-nập, tiếng hò tiếng hét om-sòm. Sau này tới Nam-kỳ mỗi lần đi chơi phố phường Chợ-lớn hay là dạo qua đường Chợ-cũ Chợ-mới Sài-gòn, lại sực nhớ đến cái cảnh-tượng mấy phố khách ở Hải-phòng chiều hôm ấy. Nhưng cái « Chi-na-họa » (*le péril chinois*) ở xứ Bắc mình tuy đã thâm lắm mà tỉ với Nam-kỳ còn chưa thấm vào đâu: Hải-phòng tức là Chợ-lớn Bắc-kỳ có 8.991 người Khách, mà Chợ-lớn Nam-kỳ có những 75.000 Khách với 4.873 người Minh-hương ! Hà-nội có 3.377 người Khách với 825 người Minh-hương, mà Sài-gòn có những 22.079 người Khách với 677 người Minh-hương! Coi đó thì biết cái nguy cho xứ Nam-kỳ to là dường nào. Nhưng chưa tới Nam-kỳ đã nói chuyện Khách Nam-kỳ, thật là kỷ-thuật không có thứ-tự. Vậy xin để sau này sẽ nói tường hơn. Nay nhân nói về Khách Hải-phòng, chỉ muốn so-sánh qua cái số người Tàu trong Nam ngoài Bắc, cho biết cái vạ Chi-na ở hai xứ hơn kém nhau thế nào. Song dù hơn, dù kém, dù ít, dù nhiều, cũng vẫn là một cái vạ lớn cho nước Nam mình, quốc-dân ta nên sớm tỉnh-ngộ mà mưu trừ đi, mới mong có ngày thu-phục được mối thương-quyền mà ra tranh-đua trên thị-trường thế-giới.

Hai giờ trưa ngày 22 dọn đồ xuống tàu. Tàu to lớn thay ! Thật như một cái thành thả trên mặt nước vậy. Bề dài ước một trăm rưỡi thước tây, bề rộng ở giữa đến 25, 30 thước. Vào trong không quen như mê-li, chẳng biết đường nào vào đường nào, phải có người dẫn mới tìm thấy buồng. Sau đi dạo qua một lượt các hạng các từng mới biết cách sắp-đặt thật là khéo, thật là chỉnh-tề, thật là có ngăn-nắp mà rõ ra đâu vào đấy, nghĩ người nào vẽ ra cái qui-mô ấy thật cũng tài thay. Có ba hạng, hạng tư là đi trên «boong». Hạng nhất, nhì, ba đều có buồng ăn buồng ngủ, chỗ ngồi chơi chỉnh-đốn lắm, mà hạng nhất thì thật là lịch-sự : các buồng trang-sức cực đẹp, đồ gỗ bóng lộn, pha-lê trong suốt, mặt gương lấp-loáng, màn đệm trắng bong, bồi khách ăn-bận sạch-sẽ, nhất-loạt dầu trọc, áo trắng, quần táo-tầu, hầu-hạ rất có phép-tắc, thật là nghiễm-nhiên như một nhà khách-sạn thượng-hạng ở Hà-nội hay Sài-gòn vậy. Nghe nói chiếc *Porthos* này là vào hạng tàu lớn nhất đẹp nhất của công-ti Hỏng-hải Á-đông, cũng ngang với chiếc *Athos* bị trúng thủy-lôi ở Địa-trung-hải năm trước. Nghĩ một chiếc tàu thôi-ngôi vĩ-đại như thế này mà không may phải đánh đắm thì thiệt-hại biết bao nhiêu, bao nhiêu công mà bao nhiêu của ! Từ ngày quân Đức khởi ra cái cách chiến-tranh tối dã-man, là dùng tàu ngầm mà đánh đắm những tàu buôn của địch-quốc, các công-ti hỏng-hải tổn-hại cũng đã nhiều, mà bể Địa-trung-hải (*Méditerranée*) đã thành cái vực sâu nuốt mất bao nhiêu những con kềnh-nghê bằng sắt bằng gỗ như chiếc *Porthos* này, lại thành cái mồ chung của mấy nghìn vạn kẻ vô-cô chết vì tay oan-nghiệt giống dã-man. Cho nên đã lâu nay các tàu lớn về Tây chỉ đi đến Hồng-hải (*Mer Rouge*) mà thôi, tới đấy đã có tàu riêng nhận lấy đồ hàng lấy khách, rồi kèm thêm những tàu chiến, như khu-trục-hạm (*croiseurs de chasse*), ngư-lô.-đĩnh (*torpillenrs*) mới dám đi vào Đại-trung-hải. Hoặc có tàu ngầm Đức thì những tàu chiến đi kèm ấy phải ra đuổi đánh. Nghe những người

đi Tây thuật lại, thật cũng nguy-hiểm thay. Nhưng mới rồi được tin chiếc *Porthos* đã đi tới Marseille trót-lọt, không phải đậu ở cửa Hồng-hải, như thế thì biết gần đây cái hoạn tàu ngầm đã bớt đi nhiều và sự giao-thông đã được dễ hơn mấy tháng trước. Nhưng cũng là cái triệu-chứng rằng quân Đức đã kiệt-lực, sắp đến ngày không còn sức đâu mà phạm ác với nhân-loại được nữa.

Chuyến ấy có chở hơn hai nghìn lính mộ vẫn ở « Bãi-cháy » (*Ile de la Table*) chờ tàu về Tây đã mấy tháng nay. Tự sáng sớm đến quá trưa quân-quan kiểm-điểm cho lính xuống tàu, gần nơi bến tàu canh giữ nghiêm lắm. Đứng xa trông nhan-nhản những người ăn-bận đồ vàng, vai đeo chăn áo, tay sách nồi niêu, lũ lượt kéo đến dưới chân tàu, mà cái thang chỉ đi được người một, nối gót nhau chèo lên, coi xa như một cái chão lớn buộc tàu mà có người đứng trên từ-từ kéo vậy. Mà cứ thế trong mấy giờ đồng hồ, nhìn cũng vui mắt thật. Ấy có vài ba nghìn người mà thế, những khi tàu chở đến một quân-đoàn mấy vạn người thì còn oai-nghiêm đến thế nào ! Khá khen thay là sức cái tàu kia, mạnh đến bao nhiêu mà coi vững như Thái-sơn, có bấy nhiêu người chở giá tưởng cả bao nhiêu người trong phố phường này chút xuống cũng có thể dung được.

Đúng 3 giờ, tàu thổi hiệu cất cầu. Kẻ trên người dưới xôn-xao : những bà con anh em xuống tiễn nhau, ai nấy tất tả chạy lên cho kịp, mà vừa đi vừa ngoảnh lại, nhìn mặt bắt tay một lần nữa. Những người đi gần, mươi lăm hôm, một vài tháng lại về, thì kẻ mừng nhau đi cho bình-yên, người chúc nhau ở lại mạnh khỏe. Đến như những người biệt nhau mà chưa biết bao giờ lại gặp, nghĩ đến nông nỗi xa-xôi, đường đi nguy-hiểm, thì cái cảm-tình lúc sau cùng ấy lời mừng lời chúc nào mà nói cho xiết được. Có kẻ nhịn khóc, có kẻ gượng cười, mà tưởng bấy giờ lắm người tấm lòng thổn-thức khôn cầm. Lại doái nghĩ đến mấy nghìn con người quê-mùa mộc-mạc kia, vì nghĩa quyên thân mà bỏ cửa bỏ nhà đi xa lần này là thứ nhất, tuy lúc bấy giờ vợ con xa, anh em vắng, không có kẻ đưa người tiễn như ai, mà trong lòng chắc cũng nao-nao, cũng ngậm-ngùi thương nhớ chốn quê-hương.

Rồi mà phu tàu cất thang, trong tàu mở máy, kẻ ở người đi mới thật cách nhau từ đấy. Nay mới cách nhau có vài thước, mà rồi nữa cách nhau mấy nghìn mấy muôn dặm có khác gì. Cũng là không được gần nhau rồi, và chỉ trong mấy phút đây là không nhìn thấy mặt nhau nữa. Não-nùng thay lúc phân-kỳ ! Nhân-sinh thật không có cái lúc nào nặng tình bằng lúc ấy, mà dễ cũng không có lúc nào đáng nên thơ bằng.

Tàu từ từ quay mũi, rồi cứ xa dần mãi ra. Bấy giờ mới đến cái lúc phất khăn mặt là đoạn tương-biệt sau cùng. Trên tàu dưới bến phấp-phới những mảnh vải mảnh lụa, cái xanh, cái trắng, cái hồng, như đàn bươm-bướm bay. Bay mà không tiến được thước nào, bay mà không tới được gần nhau, càng bay lại càng xa, cho đến lúc không trông rõ người nữa.

Tàu đã ra ngoài cửa Cấm, đến chỗ nước xanh nước đỏ giao nhau. Tới ngang bãi Đồ-sơn thì trời vừa tối. Gió chiều thổi lộng bốn bề, giải cơn phiền-nhiệt lúc ban ngày, mà mát-mẻ tấm lòng người viễn-khách. Ai nấy sửa-soạn buồng-the, kiểm-điểm hành-lí, đành lòng rằng đã gửi thân vào chiếc bách vững-vàng, trong mấy ngày mấy đêm phó mặc cho bể khơi sóng biếc. Chợt nghe tiếng chuông, là hiệu ăn bữa tối. Các hành-khách đều ra buồng ăn, đèn điện thắp sáng choang, đĩa cốc bày la-liệt. Ăn cơm xong, ai nấy đóng cửa

phòng, lên trên boong hóng mát. Bấy giờ trăng vừa mọc, -- bữa đó là ngày 16 tháng 7 ta, — trước còn ngậm nửa vành dưới nước, ánh chiếu một góc trời, sau từ-từ cao dần lên, tuy không được sáng tỏ lắm mà cũng không mờ, đủ biến mặt bể thành một ảng thủy-tinh lấp-loáng. Tàu thật là rẽ sóng mà đi : nước bị gạt ra hai bên xa ước vài mươi thước, rồi gặp sóng xô, lại cuốn trở lại, bắn bọt lên trắng xóa. Cứ đẩy ra xô vào như thế đều-đặn, tưởng không sai một li một tấc nào, tưởng như cái bọt mỗi lần bắn lên dơi xuống ấy lần nào cũng đúng bấy nhiêu giọt vậy. Ấy là lúc trời bể bình-tĩnh, trên trăng sáng dưới sóng êm, mới được thế, chớ những khi phong-ba bão-táp, trời tối nước đen, thì cái cảnh-tượng lại khác nhiều.

Chuyến đi này thật là sóng gió êm-đềm, ngồi trong tàu không biết rằng tàu có chuyển-động, cũng là một sự may vậy. Chẳng bù với chuyến về, phải một ngày một đêm lắc-lư diên-đảo, đầu lao-đao, ruột xôn-xao, thật cũng khổ thay ! Là vì trong tuần tháng bảy, bể còn yên lặng, từ tháng chín tháng mười trở đi mới bắt đầu có sóng gió.

Đêm đã khuya, trăng đã tà, gió đã lạnh, mới xuống phòng nằm nghỉ. Trong tàu bấy giờ đã vắng kẻ đi người lại, lắng tai nghe như có tiếng rền-rĩ âm-thầm tự đâu dưới đáy bể đưa lên, lại có lúc như tiếng diều sáo kêu tự đâu trên mấy từng mây vẳng xuống : vo-vo ve-ve, hu-hu hi-hi, văng-vẳng xa nghe như não như nùng, như ai như oán, như mấy muôn vàn cái oan-hồn vừa than vừa khóc trong khoảng trời nước mênh-mông. Đêm khuya thanh vắng, nghĩ mà rùng mình, tưởng-tượng như đó là oan-hồn của những kẻ tử-trận bên Âu-Châu, thừa lúc đêm đã gần tàn, trời sắp sang sáng, thoát-li chốn chiến-trường hôi-hám mà bay bổng trong khoảng rộng thanh-cao, thân-ngâm nỗi biệt-li sinh-tử mà kinh-hoàng giấc mộng tàn của lũ người đời say tỉnh... Nhưng nghe kỹ mới biết rằng đêm đã khuya, nằm chưa ngủ, tinh-thần mệt-nhọc mà cuồng-tư loạn-tưởng đó mà thôi : cái tiếng vo-vo ve-ve, hu-hu hi-hi kia chẳng qua là tiếng gió thổi qua những ống thông hơi thông gió ở xung-quanh tàu, ban ngày tiếng người xôn-xao nghe không rõ, đêm khuya thanh-vắng mới như văng-vẳng bên tai. Cho hay không gì vô-bằng bằng cái tư-tưởng của người ta ! Mà cũng không gì huyền-diệu bằng !...

Mấy bữa sau trời vẫn bình-tĩnh như vậy, ngày tuy có nóng mà gió bể làm ra ấm-áp, đêm thì gió mát trăng thanh. Trừ buổi ngủ buổi ăn, còn các giờ khác ở luôn trên boong, hoặc đi bách-bộ, hoặc bắc cái ghế dài ngồi đọc sách, hoặc đứng giờ lâu nhìn mặt trăng soi làn sóng, trước mặt là bể khơi vô-hạn, sau lưng là dãy núi Trung-kỳ. Có lúc chợt quay lại, thấy một đám đèn lửa xa-xa, lốm-đốm như sao sa : tàu bấy giờ vừa đi ngang tỉnh Quảng-ngãi. Nghe người ta nói nếu đi ban ngày mà đi gần bờ thì thấy cái nhà mát của quan cố-quận-công Nguyễn Thân, xây ngay trên núi, nhìn ra ngoài bể. Nhưng bữa đi vào đêm mà lại xa bờ, đến hồi về thì tới ngang Bình-định trời trở gió, tàu lắc-lư, người lảo-đảo, nằm rí trong buồng, không cất đầu nổi, còn ra ngắm phong-cảnh sao được ! Mới biết sự đời không cái gì là chắc, tổng-thị là một mớ ngẫu-nhiên : ngẫu-nhiên mà biết cảnh này, ngẫu-nhiên mà gặp người kia, chớ có rắp mà không được, đừng có hẹn mà sai nhau, tấm thân trong trời đất đã như chiếc bách ở giữa dòng, thời trôi rạt vào đâu là hay đó, đừng có nói tiền-định, đừng có nói thiên-duyên, đừng có cậy ở câu *nhân-định thắng thiên* mà làm. Rằn thay những kẻ cơ-quyền....

Tàu đi cả thảy hai ngày rưỡi ba đêm, đường đi tới hơn một ngàn rưỡi cây-lô-mét. Tang-tảng sáng ngày thứ tư đã vào tới cửa Sài-gòn. Đi qua « Vũng Tàu » (Cap Saint-Jacques) vào hồi quá nửa đêm, nên không được trông rõ phong-cảnh một nơi hiểm-yếu có tiếng của Đông-dương ta. Đến khi trở về sẽ được hết sức ngắm kỹ. Nay thế là đã tới đất Nam-kỳ rồi. Sài-gòn cách bể những 60 cây-lô-mét, nên tự cửa Cần-giờ vào, đi ngược con sông Sài-gòn, còn phải mất mấy giờ đồng-dồ. 7 giờ sáng thì tàu vừa ghé bến. Trông dưới bến đã thấy nhan-nhản những người ra đón anh em bà con sắp ở tàu xuống. Quan cảnh-sát lên kiểm giấy thông-hành, ước một khắc đồng-hồ thì cu-li mỗi đứa cái thẻ đồng ở tay ồ vào tranh nhau khiêng đồ hành-lí. Tuy vậy coi còn nghiêm hơn cu-li Hải-phòng, vì bọn đó chừng có pháp-luật riêng phải theo, không dám làm nhũng.

Bước xuống đất, ngoảnh lại chào cái tàu lớn kia đã chở mình tới đây được an-toàn trót-lọt. Càng nhìn càng thấy to lớn thay ! Ôi ! ta từ-biệt ngươi từ đây, mong rằng có ngày lại được gặp ngươi lần nữa. Người đời đi chuyến đò còn nên nghĩa, huống chi là ngươi với ta, trong mấy đêm ngày đã cùng nhau bềnh-bồng trên mặt sóng !.. Ta từ-biệt ngươi, ngươi có biết không, hỡi kềnh-nghê bằng gỗ sắt ?...

Khi đã ngồi trên xe kéo, chạy qua cầu Khánh-hội, hô-hấp cái không-khí mát buổi sáng, mới bắt đầu tiếp-xúc cái cảnh-sắc, cái khí-vị đất Sài-gòn từ đấy. Ngay lúc mới đầu ấy đã biết ngay cái cảnh-sắc ấy là cảnh-sắc một nơi thành-phố tây, cái khí-vị ấy là khí-vị một chốn đô-hội lớn. Tạm để đồ hành-lí ở nhà khách-sạn, rồi đi thăm các người quen thuộc, phần nhiều là quen tên thuộc tiếng mà chưa từng tiếp mặt bao giờ. Nhân thể đi dạo chơi trong mấy đường phố lớn. Đường có tiếng nhất ở Sài-gòn là đường Catinat. Catinat nguyên là tên một quan nguyên-soái nước Pháp về đời vua Louis thứ 14, sau là tên chiếc chiến-thuyền sang đánh cửa Sài-gòn trước tiên cả. Nay đặt tên cho một đường lớn ở Sài-gòn là có ý muốn lưu một mối kỷ-niệm cho người sau vậy. Kể to lớn thì đường Catinat chưa phải là to lớn nhất ở Sài-gòn. Nhưng cũng tức như đường Paul Bert ở Hà-nội là nơi người Tây đến lập phố trước nhất, rồi sau mỗi ngày một hành-trướng mãi ra, thành nơi trung-tâm, đâu đâu cũng đồ xô về đấy, các đường mở sau đều tiếp-phụ xung-quanh. Đông-đúc phồn-thịnh đến nỗi đã phải mở một con đường chạy giọc theo, to-lớn rộng-rãi hơn nhiều, gọi là đường Charner — tức là tên quan thủy-quân-phó-nguyên-súy coi chiếc tàu Catinat vào đánh Sài-gòn — để rút bớt cái sức bành-trướng đi ít nhiều, mà vẫn hằng ngày hằng phát-đạt, không giảm đi chút nào. Các cửa hàng lớn, hàng tây, hàng ta (phần nhiều người Bắc-kỳ), hàng Chà (phần nhiều người Bombay bên Ấn-độ), hàng khách, chen nhau xin-xít. Lại thêm có mấy nhà khách-sạn lớn, nhà chớp bóng, nhà hát tây, nên chiều chiều cứ tự năm giờ trở đi kẻ đi người lại như nước chảy. Người sang-trọng, kẻ thượng-lưu, tất mỗi buổi phải dạo qua đường Catinat một lượt mới là nền. Những trai thanh gái lịch đất Sài-gòn lấy đấy làm chốn cực-phẩm phong-lưu. Trên đường thì xe hơi không biết mấy trăm mấy chục mà kể, tiến lên êm như ru, như vô-số những làn sóng tự ngoài xa đưa lại, rạt cả bên bờ nhà « Đại-lục khách-sạn » (*Hôtel Continental*). Nhất là ngày chúa nhật, sau khi tan lễ nhà Thờ Chánh, không cảnh-tượng gì đẹp bằng đường Catinat chừng hồi chín mười giờ. Đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, người Tây, người Nam, ăn-bận rất lịch-sự, ở nhà thờ ra,

đi dạo qua các cửa hàng, lũ-lượt như ngày hội. Thật là nghiễm-nhiên ra cái cảnh-tượng một nơi đại đô-hội, đương buổi quốc-dân phong-phú, thiên-hạ thái-bình. Coi đó không ngờ rằng trong thế-giới hiện còn mấy nghìn vạn con người đương lầm-than trong vòng máu lửa !

Người ta thường gọi Sài-gòn là cái « hạt báu của Á-đông » (*la perle de l'Extrême-Orient*). Tôi chưa từng được biết những nơi đô-hội lớn ở Á-đông, như Hương-cảng (Hongkong), Thượng-hải (Changhai), Tân-gia-ba (Singapoge), nhưng chắc rằng những nơi ấy tuy có lớn, có đông, có xầm-uất phồn-thịnh hơn, mà về cách sửa-sang sắp-đặt, về cái qui-mô các đường-phố, các lâu-đài, về cái vẻ chỉnh-đốn sạch-sẽ, mĩ-miều khả-ái, chơn-chu mà sán-lạn như hạt châu mới rũa, thì còn kém Sài-gòn nhiều. Đường phố như vẽ bằng tay, kẻ bằng thước, đều-đặn, thẳng-thắn, rộng-rãi khang-trang, nhiều đường ở giữa lại để những khoảng rộng trồng cỏ, đặt những tượng đồng kỷ-niệm, chiều đến hàng trăm cái đèn điện lớn chiếu sáng như một giẩy dài những quả ba-lông lấp-loáng thả phấp-phới ngay trên giữa đường phố, coi rất là ngoạn-mục. Đẹp nhất, coi trang-nghiêm nhất là con đường đi thẳng vào phủ Toàn-quyền (người Sài-gòn thường gọi là tòa Chánh-soái). Hai bên có hai khu vườn trồng những cây lớn, tối trông như hai đám rừng nhỏ, ở giữa một con đường rộng chạy thẳng băng tự đầu tỉnh đẳng kia cho tới ngang cửa phủ. Coi thật là có bề-thế, có vẻ tôn-nghiêm, xứng-đáng với một nơi tướng-phủ. Mà phủ Toàn-quyền ở đây, qui-mô cũng đẹp hơn ở Hà-nội. Phủ Toàn-quyền Hà-nội tựa-hồ như một đống gạch xếp vuông, trông có vững-vàng bền-chặt mà nặng-nề biết bao nhiêu ! Ở Sài-gòn thì như hình chữ *đinh* 丁, nét ngang trên là chánh dinh, nét sổ dưới là các tơ-tào. Mặt trước ở gian giữa có bậc lên, hai bên hai con đường giốc quanh lại như hình bán-nguyệt, trông ra cái vườn rộng thênh-thang, giữa có bãi cỏ phẳng-lì như một tấm thảm xanh, trên chỉ trồng hai khóm trúc ỉn nhau như hệt. Còn xung quanh thì vườn trại mênh-mông, cây cối rậm-rạp. Những khi quan Toàn-quyền ở Sài-gòn, tối đến trong dinh đèn điện thắp sáng choang, trông xa tưởng-tượng như một tòa lâu-đài bằng ngọc có trăng chiếu, chon-von ở giữa khoảng rừng rậm tịch-mịch u-sầm, khác nào như trong truyện thần-tiên vậy. Khen cho ông quan tạo-tác nào kinh-doanh cái phủ Toàn-quyền đó cũng khéo thay.

Sài-gòn còn nhiều những dinh-thự cùng các nhà công-sở đẹp lắm, như nhà giây-thép, tòa-án, dinh quan Thống-đốc Nam-kỳ (tức trong ấy gọi là dinh Phó-soái), nhà hát tây, v. v. Nhưng đẹp nhất là nhà Thị-sảnh Sài-gòn (*Hôtel de ville*, trong ấy gọi là nhà « xã-tây », vì ông đốc-lý thành-phố tục kêu là ông xã-tây). Kiểu đại-khái cũng giống như các nhà thị-sảnh bên Tây, trên có cái trời vuông mấy từng cao trót-vót. Mặt trước trông thẳng ra đường Charner vừa dài vừa rộng, đi đẳng xa lại, coi cũng có cái vẻ trang-nghiêm, xứng-đáng làm nơi công-sở của một chốn đô-hội lớn như Sài-gòn. Chẳng bì với nhà Đốc-lý Hà-nội ta, thật so-sánh mà thẹn thay. Mà Hà-nội lại là nơi thủ-đô của Đông-dương ! Hà-nội có cái nhà hát to quá không biết dùng để làm gì, suốt cả năm bỏ vắng ngắt như chùa bà Đanh, mà đến cái nơi công-sở để hằng ngày lo công tinh việc cho ngót mười vạn con người, để phòng khi có quan sang khách quí ở nước ngoài qua lại đón tiếp cho xứng đáng, thì coi như cái nhà bầm, bốn bề kín mít, khí trời ánh sáng không lọt tới bao giờ ! Xin các ông hội-viên phải lưu-tâm đến sự đó, thật là có quan-hệ cho danh-

dự Hà-thành ta. — Nhà thờ Sài-gòn tuy không có cái nền đá cao như nhà thờ Hà-nội, mà có hai cái tháp nhọn cao ngất trời, những khi trời sáng-xủa đi tự ngoài Vũng-Tàu(*Cap Saint Jacques*) cũng trông rõ. Lại nhà giây thép, trong giàn giữa có cái tượng đồng người đàn bà ngồi trên quả địa-cầu, để biểu-hiệu cái tin-tức của người ta nhờ giây thép mà truyền được đi khắp thế-giới, coi cũng mạnh-mẽ và có ý-tứ lắm. Chỉ hiềm chỗ đặt khi tối, giá người nào bước vào vô-ý không ngửng mặt lên thì không biết! Còn Chợ-mới Sài-gòn cũng có cái nhà-tròi ở cửa giữa thật là vĩ-đại, vừa cao vừa vững-vàng lực-lưỡng, coi như một cái pháo-đài vậy. Mà trong chợ thì rộng mênh-mông, chợ Đồng-Xuân Hà-nội chẳng thấm vào đâu.

Nói tóm lại, cái hình-thức của thành-phố Sài-gòn sánh với thành-phố Hà-nội còn hơn nhiều. Từ cách đặt đường phố cho đến cách dựng cửa nhà, từ cách thắp đèn điện cho đến cách đặt máy nước ở các nhà, cho đến cách tuần-phòng vệ-sinh trong phố-xá, nhất-nhất đều có tiến-bộ hơn Hà-thành ta cả. Ở Sài-gòn thật là có cái cảm-giác một nơi đô-hội mới, nghĩa là một nơi đô-hội theo lối tây. Vào đến Chợ-lớn thì lại ra cái cảm-giác một nơi đô-hội theo lối tàu. Còn các châu-thành khác ở Lục-tỉnh, thì những nơi quan-sở là tây mà chốn phố-phường là tàu, phần An-nam thật ít lắm. Xét về phương-diện đó thì những đô-hội Bắc-kỳ tuy coi cũ-kỹ mà còn có cái vẻ An-nam hơn. Người khách ngoại-quốc nào sang du-lịch đây, nếu không có cái chủ-ý quan-sát phong-tục người dân thì ở Sài-gòn sướng-tiện hơn, nếu muốn biết cái chân-tướng sự sinh-hoạt dân An-nam thì cứ đi chơi qua phố-phường Hà-nội cũng đủ làm một cái kho khảo-cứu không cùng. Tuy vậy, các tỉnh-thành khác không nói làm gì, mà Hà-nội đã là nơi thủ-đô của Đông-dương thì về phần hình-thức mới cũng không nên kém Sài-gòn mới là phải. Nếu cái hình-thức mới cũng đủ mà cái đặc-sắc cũ vẫn còn thì mới thật là xứng-đáng vậy.

Ngay chiều bữa tới Sài-gòn, gặp ông chủ-bút « Nam-kỳ tân-báo » (*La Tribune indigène*) là một tờ báo bằng chữ Pháp của mấy ông danh-giá trong Lục-châu lập ra, và rất có thế-lực trong các hạng tân-học ta. Thường đọc báo đó, biết tiếng các ông, phục cái tài của các ông viết văn Pháp như người Pháp, khen cái chủ-nghĩa của các ông muốn bênh-vực cho quyền-lợi dân An-nam, vẫn ước-ao được tiếp mặt. Nay được gặp lấy làm mừng lắm. Chủ-nhiệm « Nam-kỳ tân-báo » có hai ông Bùi-Quang-Chiêu và Nguyễn-Phú-Khai, nhưng đứng lên quản-lý chỉ có ông Nguyễn mà thôi. « Quan bác-vật Bùi » thì trong Nam ngoài Bắc ai ai cũng đã biết tiếng. Nguyên ngài có chức « nông-nghiệp kỹ-sư », sung giám-đốc các sở canh-nông Nhà-nước, trong Nam kêu vắn-tắt là quan « bác-vật ». Ngài năm nay đã đứng tuổi, đã từng ở Bắc lâu, ở Kinh cũng nhiều, cái học-vấn đã sâu, sự kiến-văn lại rộng, thật là xứng-đáng làm một tay lĩnh-tụ (*leader*) cho dư-luận xứ Nam-kỳ. Lại thêm người ôn-nhã, điềm-đạm, lễ-độ, tiếp chuyện thật là vui. Ông Nguyễn-Phú-Khai thì người còn trai trẻ lắm, cũng đã từng đi học bên Tây và có văn-bằng « Kỹ-sư » (*ingénieur*). Người lanh-lợi thông-minh, cũng là một tay lỗi-lạc trong bọn tân-học nước ta. Ngay khi mới gặp, hai ông có cho biết bữa đó chính là ngày kỷ-niệm « Nam-kỳ-tân-báo » đã đầy năm và mời đến dự tiệc chiều hôm ấy. Tôi lấy làm vui mừng mà nhận lời ngay, thật cũng là một sự may mới tới Nam-kỳ đã được cái dịp tốt để biểu chút cảm-tình với bạn đồng-nghiệp. Tiệc dọn tại nhà cao-lâu khách ở Chợ-lớn. Vậy 7 giờ chiều cùng ông Bùi và

mấy người bạn nữa đi xe ngựa về Chợ-lớn. Nhân thể được ngó qua cái cảnh-tượng Chợ-lớn buổi tối, thật ngày thường như ngày hội, các phố khách Hà-nội Hải-phòng chửa thấm vào đâu. Nhưng bữa đó mới đi lượt qua mà thôi, khi tiệc tan rồi thì đã khuya, không thể dạo chơi các phố-phường được, định bữa khác sẽ coi kỹ hơn. Tiệc đông lắm, ước đến bốn năm chục người, phần nhiều là những bậc tai mắt ở Sài-gòn và Chợ-lớn. Cũng lại là một dịp may được gặp mặt các ông ấy để nối cái giây thân-ái kẻ Bắc người Nam. Bữa tiệc thật vui, có cái vẻ đậm-đà thân-mật, không có những lối kiểu-cách như ngoài ta. Nói chuyện toàn bằng tiếng tây, ông nào cũng nói giỏi, không những nói giỏi mà đến cái giọng nói, cái cách cử-động cũng hệt như tây vậy. Trong các ông dự tiệc đấy, có nhiều ông đã vào dân tây. Coi đó thì biết các bậc thượng-lưu trong Nam-kỳ tây-hóa đã sâu lắm, hầu như không còn chút gì là cái phong-thể An-nam nữa. Về đường đó thì ngoài Bắc-kỳ Trung-kỳ còn kém Nam-kỳ nhiều. Đến cách nghị-luận cũng dường-đột mãnh-liệt, trực mà không có những lối khép-mở xa-xôi như các nhà cựu-học ngoài ta. Hai cái tâm-lý khác nhau biết dường nào ! Cái nào là hơn ? Khó mà quyết được. Song thiết-tưởng nếu điều-hòa được cả hai thì hơn nhất. Nhưng sự điều-hòa ấy co thể thành được không ? Đó là cái vấn-đề rất quan-trọng cho cuộc tiến-hóa dân ta sau này vậy.

Khi trở về Sài-gòn, vừa ngồi xe vừa nghĩ lan-man về cái tương-lai nước nhà, thật có lắm sự hi-vọng đáng vui mà cũng nhiều cái hiểm-tượng đáng buồn. Nhưng mà cái tương-lai là cái tương-lai, ai là người dự-đoán được bao giờ ? Vả con đường tiến-hóa của mỗi dân mỗi nước là bởi lịch-sử, bởi thời-thế khiến nên ; người ta dẫu hết sức tư-tưởng nghĩ ra đường này là hơn hay là đường kia là phải, cũng không thể nào đổi được lịch-sử, chuyển được thời-thế mà mong khuynh-hướng cái cuộc tiến-hóa kia về đường mình. Cho nên nghĩ xa-xôi lắm mà làm chi ?...

Mấy hữa sau đi thăm các bạn « đồng-nghiệp », tức là các anh em làm báo ở Sài-gòn. Gặp ông nào cũng được chuyện trò vui vẻ lắm, mới biết kẻ Nam người Bắc tuy ít dịp gần nhau thân nhau, mà mỗi lần biết nhau, thật là dễ nên cái tình thân-ái vậy. Cho hay người một nước một nhà, dẫu xa-cách mà cũng là anh em, miễn là đối với nhau lấy lòng thành-thực, đừng có cái thói ghẻ-lạnh người thường, thì khó gì mà chẳng nên thân-mật được ? Huống bọn mình lại cùng theo đuổi một nghề, tức là cái nghề khua chuông gõ mõ trong quốc-dân, đem những lời hay lẽ phải mà bảo-bạc với bạn đồng-bào, mong gây lấy một mối tư-tưởng cảm-tình chung, mưu cho nước nhà giống nhà sau này được cường-mạnh vẻ-vang, có ngày được mở mặt mở mày với thế-giới, thì cái mục-đích cao-xa ấy há lại không đủ khiến cho ta đồng-tâm hiệp-lực mà cùng nhau đạt cho tới rư ?

Ôi ! nếu hết thảy các nhà làm báo ai cũng hiểu cái nghĩa-vụ của nghề làm báo thì còn nghề gì đẹp bằng, hay bằng, cao-thượng bằng, đủ khiến cho người ta tận-tụy một đời mà theo đuổi cho cùng ? Đương buổi mới cũ giao nhau, cái tư-tưởng quốc-dân chưa biết lấy gì làm chuẩn-đích, bọn mình nên dẻ-xướng những chủ-nghĩa hay để dìu-dắt quốc-dân vào con đường chánh-đáng, đừng để cho xa lạc vào những ngõ ngách hiểm-nghèo. Về đường giáo-dục, về đường xã-hội, về đường chánh-trị, về đường phong-tục, về đường văn-chương, về đường đạo-đức, cái thế-lực của bọn ta có

thể bao gồm hết thảy. Một lời công-luận của ta có thể làm cho người ta bỏ đường tà mà theo đường chánh, hay là bỏ đường chánh mà theo đường tà được. Vậy cái lời công-luận đó ta chẳng nên quí-báu lắm rư? Ta chẳng nên cẩn-thận lắm rư? Ta há lại nên phản cái mục-đích của ta mà dùng lời công-luận đó làm cái khí-giới để công-kích lẫn nhau, bày ra một cái gương xấu cho quốc-dân rư? Dám chắc rằng các anh em trong báo-giới ta không có ai hiểu lầm cái nghĩa-vụ đến vậy. Nếu quả được như vậy thì may cho nước nhà lắm lắm. Bây giờ cần nhất cho dân ta chỉ có sự học, nhất-thiết cái gì cũng phải học cả, như đứa con nít mới đến tuổi vào trường vậy. Bọn ta phải hết sức giúp một phần vào sự học ấy, cho cái trình-độ quốc-dân mỗi ngày một cao thêm lên, cho cái tư-tưởng quốc-dân mỗi ngày một rộng thêm ra, để có ngày đủ khôn đủ lớn mà ra tranh đua với dời được. Chắc cái trách dạy dân không phải ở đâu bọn mình, mà thực thuộc quyền Nhà-nước. Nhưng mình có thể giúp vào đó một phần to : Nhà-nước là ông thày dạy dân, thì mình cũng có thể đương được một chân trợ-giáo. Có lẽ nhiều điều mật-thiết trong dân-gian, Nhà-nước không xét tới mà mình tường hơn, cái công giáo-dục của mình có khi ích-lợi hơn Nhà-nước nhiều. Thiết-tưởng hiện nay cái nghĩa-vụ nhà báo phải như vậy mới là chánh-đáng, chớ những kẻ coi báo-giới như một nơi tranh ăn nói, dành lợi danh, hay là một chốn hí-trường để đem những lời nghiêng-ngửa, truyện dâm-bôn mà mơn-man, mà khêu-gợi cái dục-tình sẳng của công-chúng, thì thật là làm mất giá một cái nghề rất hay, rất cần, rất có ích-lợi cho nước nhà đương buổi bây giờ.

Báo-giới trong Nam-kỳ thạnh lắm, phát-đạt hơn ngoài Bắc nhiều. Hiện nay có đến mười tờ báo bằng quốc-ngữ. Không kể «Nam-kỳ-tân-báo» (*La Tribune indigène*) viết bằng chữ Pháp, — gần đây báo ấy cũng mới xuất-bản thêm một tập phụ-trương bằng quốc-ngữ, mỗi tuần lễ một kỳ, đề là *Quốc-dân-diễn-đàn*, — còn các báo khác thì có những tờ như sau này : *Nông-cổ mín-đàm*, chuyên chủ về nông-nghiệp, thương-nghiệp, mở ra đã lâu, là tờ báo có tuổi nhất ở Nam-kỳ, hiện ông Nguyễn-chánh-Sắt làm quản-lý và chủ-bút, ông cũng là một nhà trước-thuật có tiếng ở Nam-kỳ ; — *Nam-trung-nhựt-báo*, chủ-nhân là quan huyện Nguyễn-văn-Của chủ nhà in *Union*, là một bậc thân-hào danh-giá ở Sài-gòn, sinh ra quan hai Nguyễn-văn-Xuân hiện tùng-chinh bên Đại-Pháp ; chủ-bút là ông Nguyễn-tử-Thực, có ông Nguyễn-viên-Kiều giúp ; — *Công-luận-báo*, quản-lý ông Nguyễn-kim-Đính, chủ-bút ông Lê-hoằng-Mưu ; — *Lục-tỉnh-tân-văn*, của ông chủ nhà in Schneider, ông phủ Gilbert Trần-chánh-Chiếu làm chủ-bút ; — *Nữ-giới-chung* (Femina annamite) là tờ báo riêng cho các bậc nữ-lưu, chủ-nhiệm là ông Trần-văn-Chim và ông Lê-Đức ; — *Nam-Việt-tể-gia nhựt-báo* (Journal de la famille annamite), của một bà đầm làm báo ở Sài-gòn mở ra để riêng cho đàn bà con gái An-nam coi ; — *Nhựt-báo tỉnh* (Moniteur des provinces), là một tờ công-báo, dịch những nghị-định công-văn của Nhà-nước, đăng những tin thuyên-chuyển trong quan-lại ; — *Nam-kỳ-địa-phận*, là một tờ báo của nhà Trung . — Lại gần đây nghe nói mới xuất-bản một tờ *Thời-báo*, một tờ đặt tên nôm là *Đèn nhà Nam*. Đèn nhà Nam, cái tên sáng sủa thay ! Ước gì đèn được sáng tỏ mà chiếu khắp chốn kẻ chợ nhà quê, nơi hang cùng ngõ hẻm, phá được cái thành hôn-mê mà soi tỏ con đường tiến-bộ. Đó là cái mục-đích chung của cả báo-giới ta vậy. — Mấy tờ báo trên đó là xuất-bản ở Sài-gòn. Còn ở Long-xuyên có *Đại-Việt-tập-chí*, thể tạp-chí, mỗi tháng một kỳ, của hội

Khuyến-học Long-xuyên, cái chủ-nghĩa, cái tôn-chỉ cũng giống như *Nam-phong* vậy. Lại ở Cần-thơ, có tờ *An-hà-nhựt-báo*, ông huyện Võ-văn-Thơm làm quản-lý, có một phần chữ tây, một phần quốc-ngữ, chuyên về nông-nghiệp thương-nghiệp.

Một địa-hạt Nam-kỳ mà bấy nhiêu tờ báo kể cũng đã nhiều lắm vậy. Cứ lấy cái « lượng » (*quantité*) mà xét thì thật đủ khiến cho Bắc-kỳ Trung-kỳ phải thẹn với Nam-kỳ rằng về đường ngôn-luận còn chậm kém xa quá. Nhưng cái « phẩm » (*qualité*) có được xứng-đáng với cái « lượng » không? Điều đó thì chưa đảm chắc vậy. Xưa nay phàm cái gì muốn cho nhiều tất giả phải kém, không thể vừa nhiều vừa tốt cả được. Muốn giữ cho cái « phẩm » cao, tất phải hạn cái « lượng » lại mới được. Ấy công-lệ từ xưa vẫn thế : nghề làm báo, nghề làm sách, có thể ra ngoài được cái công-lệ ấy không? Thiết-tưởng rằng không. Cho nên xét ra các đồng-bào ta trong Lục-tỉnh hình như có ý trọng cái « lượng » hơn cái « phẩm » vậy. Đó cũng là một điều khuyết-điểm trong học-giới báo-giới xứ Nam-kỳ.

Ta vừa nói nghề làm sách : nghề làm sách ở Nam-kỳ cũng thịnh lắm, có phần lại thịnh hơn nghề làm báo nhiều. Tuy vài năm gần đây đã bớt đi nhiều, mà trong khoảng năm năm mười năm về trước, cái số những sách quốc-ngữ xuất-bản ở Sài-gòn không biết bao nhiêu mà kể. Thứ nhất là những bản dịch các tiểu-thuyết tàu cũ, như *Tam-quốc*, *Thủy-hử*, *Chinh Đông*, *Chinh Tây*, *Phản Đường*, *Tùy Đường*, *Đông-Châu*, *Phong-thần*, *Đại Hồng-bào*, *Tiểu Hồng-bào*, v. v., nếu sưu-tập cả lại thì làm được một cái thư-viện nhỏ! Những tiểu-thuyết tàu tự tám mươi đời triều ấy văn-chương đã chẳng ra gì mà truyện thì toàn những truyện huyễn-hoặc quái-đản, của mấy bác cuồng-nho bên tàu đời xưa ngồi không bịa đặt ra để khoái-trá những bọn hạ-lưu vô-học. Thế mà dịch nhiều như vậy, thịnh-hành như vậy, nghĩ cũng khả-kinh thay! Không trách cái tư-tưởng quốc-dân những chìm đắm trong sự mê-hoặc không cùng, có khi sinh ra những việc xuẩn-động hại đến cuộc trị-an trong xã-hội cũng vì đó. Có người nói việc phá khám Sài-gòn năm nọ cũng là bởi cái di-độc của các tiểu-thuyết tàu mà ra, tưởng không phải là nói quá vậy. Cả ngày cả đêm những ca-tụng cái tài ông Tiết Đinh-Sơn, ông Tiết Đinh-Quí, hay những ông tướng kỳ-khôi từ đời hồng-mang nào, trách sao trong trí không loạn lên mà muốn làm thực những việc mình thường đọc thấy trong truyện? Càng những bọn hạ-lưu hung-hẫn lại càng dễ nhiễm hơn cả. Coi đó thì biết văn-chương không phải là không có quan-hệ đến nhân-quần ; các nhà làm sách há chẳng nên cẩn-thận lắm ru? Chắc ai cầm bút viết trong bụng cũng có cái ý tốt cả, và như các nhà dịch tiểu-thuyết tàu kia là chỉ chủ làm một món mua vui cho các bạn đồng-bào trong khi tửu-hậu trà-dư, lại vừa làm một mối lợi riêng cho mình; nhưng phải nghĩ đến cái ảnh-hưởng những truyện vô-bằng ấy vào trong óc mộc-mạc của những kẻ ít học, chưa biết suy nghĩ sâu-xa, thường lấy hư làm thật, lấy giả làm chân, nó hại biết dường nào!

Ấy là cái tệ các tiểu-thuyết cũ dịch của Tàu. Đến cái tệ của phần nhiều các tiểu-thuyết mới ngày nay thì lại thậm hơn nữa, vì cách đặt-để đủ làm cho bại-hoại phong-tục, điên-đảo luân-thường vậy. Tôi biết có bộ tiểu-thuyết cực là dâm-bôn mà lại rất là thịnh-hành trong bọn phụ-nữ. Coi đó thì biết cái hại sâu biết dường nào! Gia-đình tan cũng vì đó, xã-hội nát cũng vì đó, cái tương-lai nước nhà nguy-hiểm cũng vì đó. Các nhà làm sách

có nghĩ tới không? Hay chỉ chủ bán cho chạy hàng, thâu được nhiều bạc, còn những lẽ cương-thường luân-lý mặc quách ai ? Ôi ! cổ-nhân đã dạy : làm người sĩ-phu trong nước cái trách là phải phù cho thế-đạo, giúp lấy cương-thường. Nếu những nhà làm sách lại cố-ý làm nghịch thế-đạo, đạp đổ cương-thường, thì một nước như vậy sống làm sao được ? Thiết-tưởng các bậc tri-thức trong Lục-châu ai trông thấy văn-vận suy-đồi như vậy, phong-túc bại-hoại như vậy cũng phải lo, mà tìm cách duy-trì cho kịp. Nên mau mau, kẻo cái tệ đã sâu lắm rồi.

Song có một điều nên chú-ý, là báo nhiều như thế, sách nhiều như thế, mà bán được chạy, có nhiều người mua, thời cũng là một cái chứng rằng dân Nam-kỳ có tính ham đọc sách và có tiền thừa mua sách. Như vậy mà nếu có những báo thiệt tốt, sách thiệt hay cho mà đọc thì ích-lợi biết bao nhiêu. Chẳng bù với dân Bắc-kỳ Trung-kỳ, trăm người chưa được một người đọc thông chữ quốc-ngữ, mười người đọc thông chữ quốc-ngữ chưa được một người thích xem văn quốc-ngữ, lại thêm dân nghèo, bỏ ra mấy đồng bạc mua báo một năm đã lấy làm một món tiền nặng ; đến những bậc sĩ-phu thì phần nhiều những quẩn-quanh trong vòng danh-lợi mà sao nhãng những việc văn-chương ; nghề làm báo làm sách thật không được đủ điều tiện-lợi như Nam-kỳ. Cho nên khá tiếc thay cho những bậc tri-thức trong Lục-châu không biết khéo lợi-dụng cái cơ-hội tốt ấy mà đặt để ra những sách vở hay có ích cho phong-hóa, nỡ để cho cái lòng ham đọc sách, ham mua sách của người dân ấy ngập vào những sách vở hoặc vô-vị, hoặc lầm-bậy không ra gì, thật uổng quá.

Nay nhân nói về nghề làm báo làm sách, nên xét qua cái tình-trạng văn quốc-ngữ ở Nam-kỳ thế nào. Chữ quốc-ngữ thì đã thông-dụng lắm rồi, đàn bà con trẻ thường biết đọc biết viết cả : nhưng đến văn quốc-ngữ thì xem ra chưa được phát-đạt lắm. Trừ mấy nhà văn-sĩ có tiếng, còn thì cái trình-độ quốc-văn đại-đề hãy còn kém. Sự kém đó là bởi nhiều lẽ. Thứ nhất là Nam-kỳ bỏ nho-học đã lâu, bao nhiêu cái văn-điển cũ đã hầu mất hết không còn. Mà văn quốc-ngữ ngày nay muốn cho thành văn-chương, muốn cho phát-đạt được, phi nương-tựa, phi tổ-thuật cái văn-điển cũ ngày xưa thì không thể nào được. Lẽ đó tưởng lầm-thường ai cũng hiểu, mà thật nhiều người chưa hiểu rõ, là vì nhiều người đặt sai cái vấn-đề. Có người nói rằng nếu quả cần phải biết chữ nho mới làm được văn quốc-ngữ thì muốn làm văn quốc-ngữ tất phải học lâu năm chữ nho, tất phải trở lại những lối giáo-dục hủ-lậu ngày xưa, tất phải ra công rùi mài kinh sử, nghiền-ngẫm một cái « tử-văn » (*langue morte*) vô-dụng cho đời nay, như vậy thì chẳng uổng công lắm ru ? Nay ta được nhờ nhà nước Đại-Pháp dạy-dỗ cho ta, mở-mang cho ta con đường văn-minh học-thuật mới, đã mừng thay được thoát khỏi cái áp-chế của chữ tàu trong mấy nghìn năm, có đâu ta lại mê cuồng đến nỗi lại đâm đầu vào cái chốn lao-lung ấy lần nữa ! Những người nào nói thế là hiểu sai. Nước Nam ta học chữ nho đã mấy nghìn năm, bất-luận rằng cái cách học đời xưa hay hay là dở, phải hay là trái, có một điều hiển-nhiên, ai cũng phải công-nhận, là chữ nho đã tiêm-nhiễm vào trong tinh-thần ta sâu quá rồi, cái vết nó đã in vào trong óc ta không thể nhất-đán đem mà gột rửa đi được, đến nỗi tiếng nói của ta ngoài những tiếng nhật-dụng lầm-thường phải dùng quá nửa chữ nho mới thành văn được, như vậy mà nếu bỏ hẳn chữ nho không học thì sao cho thuộc hết tiếng nước mình được ? Đã không thuộc hết tiếng nước mình

thì sao đặt cho thành văn-chương được? Nhưng nói rằng cần phải biết chữ nho, không phải rằng phải học chữ nho như lối ngày xưa đâu; không phải rằng phải học cho làm được thơ, được phú, được văn-sách kinh-nghĩa như xưa đâu; không phải rằng lại phải trở về cái lối thi-cử phiền-toái, khảo-cứu tỉ-mỉ như xưa đâu. Xưa học chữ nho là vị chữ nho mà học chữ nho, nay học chữ nho là vị quốc-văn mà học chữ nho. Cái mục-đích đã khác, cái phương-pháp cũng không giống. Xưa phải rùi mài kinh-sử, từng trải thiên-kinh vạn quyển mới thi đậu được một chân đại-khoa, mới làm nổi được một nhà văn-sĩ có tiếng. Nay chỉ học cho đủ sự cần-dùng về quốc-văn mà thôi, chỉ học cho đủ hiểu hết một quyển *Kim-Vân-Kiều* hay một quyển *Lục-vân-Tiên* mà thôi, thì có khó gì? Trước trăm phần nay không được một phần. Nhưng cái một phần ấy rất cần, không biết thời không thể nào cầm ngọn bút mà viết thành bài văn quốc-ngữ được, dẫu tài-giỏi khôn khéo đến đâu cũng không làm thế nào ra cái « hơi » văn An-nam được, vì cái « hơi » ấy là tự mấy mươi đời truyền lại cho ta, không thể tự mình mà đặt lấy ra được. Cho nên những người nào đã quyết không cho văn quốc-ngữ là cần, đành bỏ vào cái địa-vị yếu-hèn, chỉ đợi ngày tiêu-diệt cho xong, thì không nói làm chi, còn ai đã có bụng thương đến tiếng nước nhà, muốn gây-dựng cho thành một nền quốc-văn có thể sống được ở đời này, thì phải noi theo lấy cái văn-điển cũ của ông cha, mà cái văn-điển cũ của ông cha ấy ngoài chữ nho không kiếm đâu cho thấy được. Nay ở Nam-kỳ cái văn-điển cũ đã xa-lạc đi mất rồi. Tuy cũng có mấy nhà có chí muốn ra sức mà vãn-hồi lại, nhưng cái phần phản-đối với chữ nho, cái phần khảng-khái một cách sai lầm, muốn thị-hùng ra tay tước hết những cái văn-vẻ tốt-đẹp thanh-tao của mấy mươi đời nho-học đã di-truyền lại cho tiếng An-nam mình, để bày trần cái khí-vũ bỉ-lí nôm-na ra, cái phần ấy thì nhiều lắm. Những người có chí kia thể nào mà chống lại cho nổi, thể nào mà cứu-vớt lại cho toàn được. Đó là một cái nhược-điểm cho hậu-vận quốc-văn ở Nam-kỳ vậy. Còn một cái nhược-điểm to hơn nữa, là hiện nay phàm những bậc thượng-lưu, những người có học-thức, thông giỏi chữ Pháp, phần nhiều khinh rẻ tiếng An-nam, không thèm nhìn đến, cho là một thứ chữ đê-tiện để cho những hạng tầm-thường dùng mà thôi. Như vậy thì quốc-văn mong sao cho phát-đạt được? Những người mong cho quốc-văn có thể phát-đạt được là thứ nhất trông cậy ở các nhà tân-học ngày nay ra công giúp sức vào, đem cái tinh-thần của văn-minh học-thuật Thái-Tây mà đúc vào cái khuôn văn cũ của nước nhà, khiến cho thành được một nền văn thiết-dụng với đời, không phải chịu mang cái tiếng hư-văn như xưa nữa. Nếu những nhà ấy lại khảng-tảng, không để bụng sốt-sắng vào, không những thế, lại khinh-bỉ nữa, thì quốc-văn còn trông vào đâu mà sinh-tồn, mà phát-đạt được? Nếu cái nghề quốc-văn chỉ riêng để cho những ông lão-hủ ngồi mà ngâm-nga đẽo-gọt với nhau thì cái văn-chương ấy sao cho thích-hiệp với đời? Mà rồi những tay lão-hủ kia một ngày một mất lần đi, một hết dần đi, sau này ai kế-nghiệp, ai giữ được cho cái văn An-nam kia còn chút thoi-thóp ở đời? Nguy vậy thay! Hai cái nhược-điểm trên kia mà không phá được thì thật khá buồn thay cho hậu-vận quốc-văn mình, biết bao giờ cho ra khỏi được cái địa-vị kém hèn.

Cái tình-trạng văn quốc-ngữ ấy không những ở Nam-kỳ, mà ở Bắc-kỳ Trung-kỳ cũng có cái hiện-tượng như vậy. Duy có ở Nam-kỳ là cái hiện-

tượng ấy trình bày ra một cách rõ-ràng hơn mà thôi. Cho nên mỗi lần nghĩ đến cái vấn-đề này mà như nóng lòng sốt ruột, không biết giải-quyết ra làm sao ! ...

Gần Sài-gòn có tỉnh-lỵ Gia-định, cách đô-thành một cây-lô-mét. Có con đường lớn đi vòng quanh, hồi xưa những người Tây ở Sài-gòn lấy làm chỗ đi chơi mát buổi chiều vui lắm, tức như con đường đê Parraud (đường trường thi ngựa) ở Hà-nội vậy. Nay có con đường xe lửa nhỏ, qua Gia-định, Gò-vấp, tới Hóc-môn. Đất Gia-định là đất cổ nhất ở Nam-kỳ, có quan-hệ với lịch-sử Bản-Triều nhiều lắm. Khi Bản-Triều mới khai-thác xứ Nam dựng cơ-sở ở đấy. Rồi sau Đức Cao-Hoàng ta hưng đế-nghiệp, đánh Tây-sơn, đặt Nam-trấn, cũng ở đó. Cho nên trước kia cái tên Gia-định thường dùng để chỉ chung cả đất Nam-kỳ vậy.

Nay Gia-định còn có hai cái cổ-tích có tiếng, là nơi « Lăng Ông » và nơi « Lăng Cha-Cả ». « Lăng Ông » tức là mộ quan Tả quân Lê Văn-Duyệt, « Lăng Cha-Cả » tức là mộ cụ Giám-mục Bách-đa-lộc (évêque d'Adran) ; hai người đều có công to với Đức Cao-Hoàng ta ngày xưa. Nay mộ các ngài người dân kêu là « lăng » là có ý suy-tôn cái công-nghiệp lớn của hai ngài. « Lăng Ông » ở ngay giữa tỉnh-lỵ, sau có cái điện thờ, gọi là « miếu ». Mộ quan Tả-quân mà cho là một nơi cổ-tích thì cũng khí quá, vì trong đời đức Thánh-tổ (Minh-mạnh) đã bị triệt-phá đi, rồi đến đức Dực-tôn (Tự-đức) mới được khôi-phục lại, còn cái qui-mô như ngày nay là mới sửa-sang sau này. Hiện bây giờ miếu-mạo nguy-nga, cây cao rậm-rạp, cũng đủ khiến cho người khách viễn-du động tấm lòng hoài-cổ. Than ôi ! thường đọc truyện quan tả-quân, nay tới đất Gia-định này được trông cái di-hài của ngài năm đấy, càng cảm-phục cái chí-khí cương-cường, cái thanh-danh lẫm-liệt của một bậc công-thần đệ-nhất nước Nam ta. Nhưng càng nghĩ lại càng tiếc thay cho các triều sau thiếu những tay phù-tá như quan tả-quân Lê, như quan tiền-quân Nguyễn, lại không biết trọng mà quá bạc-đãi những người cương-trực như hai ngài, nên vận nước mới đến nỗi suy-đồi như vậy. Tiếc thay !

Miếu «Lăng Ông» có tiếng trong dân-gian là một nơi thờ linh lắm, nên khách tứ-phương lại cầu lễ xin xăm rất đông. Khi bước vào thì thấy một chú «Chệt» cởi trần, mập như con lợn ỷ, cồ ngấn, bụng sệ, đi đi lại lại trước bàn thờ, sỗ-sàng tự-do như đứng trong nhà bếp cao-lâu vậy ! Hỏi ra mới biết rằng chú là thủ-tự đền này, dân làng sở-lại bán cho chú cái lợi-quyền ấy. Than ôi ! giống Khách đã cướp hết của ta các mối thương-quyền khác, mà đến cái nghề buôn thần bán thánh An-nam nó cũng cướp nốt ! Nó cướp mà nó khinh rẻ thần thánh mình ; thử hỏi đồng-bào ta có nhục không ? Tôi tưởng không bao giờ quên được cái cảnh-tượng chú « Chệt » đi phơi bụng trước bàn thờ quan tả-quân.

Trong miếu ngoài lăng không có cái bi-ký tự-tích gì là cả. Duy có một bài bia làm năm Thành-thái thứ sáu của quan quận-công Hoàng Thái-Xuyên, hồi đó đi tiễn quan Toàn-quyền De Lanessan về Sài-gòn, ngài có thừa phép quan Toàn-quyền soạn bài văn khắc vào đá để kỷ-niệm cái công-nghiệp một bậc bầy tôi cũ của Triều-đình. Thịnh-ý thay !

Lăng Cha Cả thì ở xa hơn về phía Bắc một chút. Nơi đó mát-mẻ thanh-thú, tĩnh-mịch êm-đềm, thật là xứng-đáng làm chỗ ở sau cùng của một bậc đạo-nhân đôn-hậu. Công Cha-Cả giúp Đức Cao-Hoàng ta khi Phú-quốc, khi Xiêm-la, khi vượt bể đi cầu-cứu, khi

bàn-bạc chốn viên-mao, trong sử sách còn truyền, muôn năm cũng không quên được. Chỉ tiếc thay khi cái công khó-nhọc đã đến ngày thành-tựu, Cao-Hoàng đã thu-phục được thành Bình-định, đánh lấy được chốn cựu-đô, thì người bạn-cũ đã qua đời rồi, không còn sống mà hưởng cuộc vinh-hoa cho bõ lúc phong-trần. Cha Cả mất ngày 9 tháng 10 năm 1799 ở cửa Thi-nại (Bình-định), thọ 58 tuổi. Cao-hoàng nhớ nghĩa cũ ơn xưa đem di-hài về Gia-định, làm lễ trọng-thể, thân đọc văn tế, an-táng tại nơi tinh-xá cũ của đạo-nhàn, tức là nơi lăng ngày nay. Lại truy-phong chức Thái-tử-thái-phó, tước quận-công.

Lăng xây kín như kiểu một cái đình lối ta. Chính mộ Cha Cả là cái sập đá to ở giữa, xung quanh đặt cửa bức-bàn. Hai cái mộ nhỏ hai bên thì bên tả là mộ cha CHARBONNIER, bên hữu là mộ cha MICHE, mới phụ-táng về sau. Trong đình trước mộ có tấm bia đá kỷ-niệm cái công-đức của Cha Cả, xin dịch nôm ra sau nay để giúp sự khảo-cứu của các nhà hiếu-cổ. Văn rằng :

« Thày là người nước Đại-Pháp, họ « Bi-nhu, hiệu Bách-đa-lộc. Thủa nhỏ « phụng đạo-giáo, mà sách vở các « thánh-hiền Trung-quốc không gì « không giảng-cứu. Kịp đến khi lớn « sang bên nước ta. Thời bấy giờ trong « nước nhiều việc, thày làm người bạn « bàn-bạc việc nước, đem cái học-vấn « mà thi-thố ra việc làm, cùng ta châu-« tuần trong buổi điên-bái lưu-ly. Rồi « lại nhận cái ủy-thác nặng, xuất quân « cứu-viện, đi lại xa-xôi, không hề dư-« lực. Trong hơn hai mươi năm trời, « bàn mưu-kế chốn quân-trung, tham « chánh-vụ nơi phiên-trấn, những việc « hưng-kiến hiển-thiệt đều đủ truyền « về sau cả. Nước ta dần dần có cái « thế trung-hưng được, thật là nhờ sức « của thày nhiều vậy. Năm *kỷ-vị* (1799) « tùng-chinh ở phủ Qui-nhơn, mùa thu « tháng 9 ngày 11 mất tại bến Thi-nại, « thọ được 57 tuổi. Mùa đông năm ấy « truy-tặng *Thái-tử thái-phó quận-công*, « bốc-táng ở phía bắc thành Gia-định, « nơi thày đặt tinh-xá khi xưa.

« Nay chép để làm ghi.

« Ngày lành tháng trọng-thu năm « *canh-thân* (1800)

« Đốc-học-đường Hoa-xuyên-« hầu, NGUYỄN GIA-CÁT *phụng-« soạn*.

« Bình-bộ-hữu-tham-tri, Định-« thành-hầu, LÊ TRI-CHỈ *phụng « viết* »

Sau lưng lăng Cha Cả có cái mộ-địa chôn các cố đạo.

Lâu nay vẫn nghe nói Nam-kỳ có quan Diệp-văn-Cương là một bậc danh-sĩ trong Lục-châu, khi tới Sài-gòn chỉ ước-ao được tiếp mặt ngài. Đương buổi trong nước hiếm nhân-tài như lúc này, được biết tiếng một người nào thật trong lòng hâm-mộ vô-cùng. Quan Diệp có cái biệt-thự ở làng An-nhơn, trên Gò-vấp một ít. Vậy một hôm cùng người bạn lên thăm ngài. Ngài tuổi đã cao, ước đến sáu mươi, mà người còn mạnh-mẽ tinh-anh lắm. Hán-học đã thâm, tây-học cũng rộng, thật là gồm Âu-Á đúc một lò. Lại thêm sự kinh-lịch cũng nhiều, đời quan Toàn-quyền De Lanessan đã từng sung chức trọng-yếu ở Súy-phủ, làm tay ngoại-giao cho Triều-đình. Cái nội-dung cuộc chánh-trị nước ta vào hồi đó, không gì là ngài không tỏ tường. Ước gì khi nào hồi-hưu — vì hiện nay ngài còn dạy học trường Chasseloup-Laubat — ngài sẽ chép ra một tập « Ký-ức-lục », thuật lại những việc hồi bấy giờ thì sau này giúp cho quốc-sử được nhiều lắm. Đương buổi Tây Nam mới giao thiệp, việc chánh-trị hai nước còn chưa được phân-minh, vì có nhà

làm sử nào muốn khảo-cứu về thời-kỳ ấy thật khó thay. Nếu xét theo phương-diện tây thì hiểu lầm phương-diện An-nam, nếu xét theo phương-diện An-nam thì khó tưởng được phương-diện tây. Nay có một người đương-thời đã từng làm một tay môi-giới cho hai bên, vừa thuộc cái điển-lệ của Triều-đình lại vừa hiểu cái chánh-thể của Bảo-hộ, thuật lại cho mà nghe những việc giao-thiệp của hai chánh-phủ hồi bấy giờ, thì qui-hóa biết dường nào! Lại những điều ký-ức về các nhân-vật đương-thời, về cái tình-trạng quan-trường ta hồi Đại-Pháp mới sang đặt bảo-hộ đây, toàn là những tài-liệu rất có ích cho nhà sử-học vậy. Ta rất trông mong rằng có ngày quan Diệp-văn-Cương sẽ cống-hiến cho học-giới ta những tài-liệu qui-báu ấy. Nay được nghe chuyện ngài nói cũng đã vui thay. Ngài có cái tài nói chuyện không ai bằng, đủ khiến cho người ta buồn hóa ra vui được. Mà xét kỹ lịch-sử sự-nghiệp ngài, có lẽ cái chủ-nghĩa của ngài tức là cái « khoái-lạc-chủ-nghĩa » vậy. Chắc ngài tự nghĩ rằng nhân-sinh ở đời cốt lấy sự vui sướng cho mình làm hơn ; cõi đời đã là một cuộc phù-sinh thì sống ngày nào nên hưởng hết cái hạnh-phúc ngày đó mới là phải, cớ chi mà bận lòng những sự phiền-muộn xa-xôi. Vui sướng cho mình mà cũng có ảnh-hưởng sang kẻ khác nữa : tức như kẻ thư-sinh đa-sầu này ngồi nghe truyện ngài mà trong lòng cũng du-khoái được một lúc. Như thế thì cái « khoái-lạc-chủ-nghĩa » chẳng là một cái chủ-nghĩa rất hay mà rất tiện ru? Đời xưa bên nước Hi-lạp chẳng đã có một nhà hiền-triết lấy cái chủ-nghĩa ấy làm phương-châm một đời ru? Tuy vậy cứ theo ngụ-ý của bỉ-nhân đây thì cái « khoái-lạc-chủ-nghĩa » không thể đi cùng với cái « nghĩa-vụ-chủ-nghĩa » được. Thế nào gọi là cái « nghĩa-vụ-chủ-nghĩa » ? « Nghĩa-vụ-chủ-nghĩa » là cái chủ-nghĩa đem nhân-thân mình làm hi-sinh cho một cái nghĩa-vụ, một cái lý-tưởng cao hơn mình. Các bậc cổ thánh-hiền ta chẳng đã dạy rằng cái trách kẻ sĩ-phu trong nước là phải ra công phù lấy thế-đạo, giúp cho cương-thường. Cái trách sĩ-phu ngày nay là phải mơ-màng cho cái tư-tưởng quốc-dân, gìn-giữ cho phong-tục khỏi suy-đồi, ra công giúp cho nước nhà giống nhà một ngày một giàu mạnh khôn ngoan, để mong có ngày nhờ ơn nước lớn dạy-dỗ được ra mở mày mở mặt với thế-gian, cho khỏi tủi cái cuộc lịch-sử hơn hai nghìn năm. Ay quốc-dân trông mong ở bọn sĩ-phu như vậy. Ta há nên phụ lòng quốc-dân ru?

Song nghĩ cho cùng, đạo xử-thế không phải là chỉ có một đường. Cái « nghĩa-vụ chủ-nghĩa » kia tuy cần cho đời nay hơn là cái « khoái-lạc chủ-nghĩa », mà không phải là ai ai cũng phải theo mới nên. Mỗi người có quyền tự-do muốn tổ-chức cái cuộc đời mình thế nào cũng được. Khoái-lạc cho mình mà an-trí không ích-lợi cho đồng-bang? Tức như quan Diệp, cái thanh-danh to rộng biết bao nhiêu, thật làm vẻ-vang cho cả đất Lục-châu.. Chỉn tiết thay tài như ngài, học như ngài, Âu-Á kiêm-thông như ngài, mà không từng nghĩ đến kế lập-ngôn để lưu-truyền cái thanh-danh về sau này. Hay là ngài không ưa cái hư-danh nhà văn-sĩ ? Có lẽ vậy, vì nếu ngài chịu trước-thư lập ngôn thì sách vở ngài chắc không phải là những sách vở tầm-thường. Nhưng mà lo gì ? Diệp-tiên-sinh tuy tuổi đã cao mà sức còn mạnh, con đường tương-lai hãy còn dài....

Lệnh-lang là ông Diệp-văn-Kỳ, người còn trẻ mà đã có tiếng là một tay văn hay trong Lục-châu. Ông có đọc tôi nghe mấy bài kịch soạn khéo lắm,

điều-hòa được cái tinh-thần mới của nghề diễn-kịch tây với cái hình-thức cũ của nghề hát tuồng hát bội ta. Mong rằng ông sớm in thành vở cho bọn ta được đọc.

Trong hai tuần-lễ đầu chỉ chơi quanh ở Sài-gòn, Gia-định, Chợ-lớn, mà cái chủ-ý về Nam-kỳ là muốn đi du-lịch nhiều nơi, cho rộng kiến-văn hơn một chút. Chắc Sài-gòn chỉ là một cái phương-diện trong toàn-cảnh xứ Nam-kỳ mà thôi. Nay muốn biết các phương-diện khác, tất phải đi dạo qua Lục-tỉnh, Vậy sau khi đã thiệp-liệp hết những phong-cảnh nhân-vật ở Sài-gòn, bèn sửa-soạn đi Lục-tỉnh.

PHẠM QUỲNH.

(Còn nữa kỳ sau đăng nốt)

IN MẤT CHỮ

Trang thứ nhất bài du-ký này (tức trang 268), giòng thứ 16 và 17, hai câu đánh dấu hỏi phải có chữ « ru » ở dưới, khi in bỏ sót. Vậy phải sửa lại : «... làm trai nước Nam này, há phải dung-dị lắm ru *? Lời ca-dao kia há có thiền-nghĩa thế* ru *?...», thì mới lọn câu.*

Tặng Nam-Phong

Mát mẻ làm sao,
Mát mẻ làm sao !
Trận gió Nam-Phong phất tỉnh-tao,
Sạch lòng trần tục,
Tan giấc chiêm-bao.
Nòi Hồng-Lạc,
Nghĩa đồng-bào,
Bốn ngàn năm lẻ,
Đường văn-minh mới bước vào,
Từ nay vang-vẻ cõi Nam-giao.
Những ước-ao,
Những ước-ao,
Một ngày một mạnh,
Càng thổi càng cao,
Mặt mặt dân ta bỗ lúc nào !

BÙI TỪ.

Hai bà Trưng

Đã căm việc nước lại thù nhà,
Xiết bao nỗi sót-sa,
Phất nghĩa-kỳ đuổi Tô-Định,
Chẳng dung những đứa gian-tà.
Trận hồ Lãng-bạc,
Bọn quân ô-hợp,
Chống với Phục-ba,
Thu-phục mấy mươi thành-quách,
Mở đường tự-trị cho ta.

Lời Mị-Ê than

Nước Chiêm-thành,
Thành Phật-thệ,
Cơ-nghiệp chàng ơi tan nát !
Đôi má phấn,
Cặp mày xanh,
Phận đàn-bà chữ « Trinh ».
Ôi ! vua Lý !
Dù tri-kỷ,
Kẻ thù há ta ưng-ý ?
Chiến này quấn,
Kíp deo mình,
Cho vẹn nghĩa ba sinh.

ÁI-HOA.

NAM-ÂM THI-THOẠI

Người ta có cái hoài-bão riêng không thể giãi bày ngay ra được, thường mượn chuyện người xưa để nói chuyện mình. Lối thơ *vịnh sử, vịnh cổ-nhơn* bày đặt ra, là do cái lẽ ấy. Cho nên những lối thơ ấy phải có ký-thác, nếu nói suông-tuột thì nghe chẳng ra gì. Bài *vịnh Kiều* của cụ PHẠM LẬP-TRAI rằng :

Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,
Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.
Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng,
Gót ngọc khôn đành chốn Thủy-quan.
Nửa giấc đoạn-trường tan gối điệp,
Một dây bạc-mệnh dứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài-tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế-gian.

Từ lúc có truyện Kiều đến giờ thơ *vịnh Kiều* biết là bao nhiêu, mà sao chỉ có bài thơ của cụ lưu-truyền hơn cả ? — Phải rõ cái thân-thế của cụ. Cụ là tôi nhà Lê, Tây-sơn diệt Lê cụ không chết, lại ra làm quan với Bản-triều. Ấy là cái tâm-sự khó giãi bày của cụ, cụ mới giãi bày ra trong bài thơ này. Ấy gọi là có ký-thác, có ký-thác mới hay, mới truyền được. Nhiều người ruột như ruột tượng, mà thấy chi cũng ngâm, thấy chi cũng vịnh, ai « đoạn-trường » cũng « đoạn-trường », ai « bạc-mệnh, » cũng « bạc-mệnh, không đau mà rên, không què mà lệt, cho cụ thấy cụ cũng phải phì cười !

* * *

Tôi đã lấy hai câu thơ *Hòn vay, Hòn trả* mà vào Thi-thoại (1) và tiếc rằng không biết người nào làm. Mới đây có người ở Huế ký tên là NG. H.-DUYÊN gởi cho tôi y cả bài, và nói rõ cả tên người làm nữa. — Tôi xin cảm cái nhã-ý của ông ấy. — Người làm thơ là một thầy học-sanh ở trường đốc, tên là Ý, người làng Chánh-lộ, tỉnh Quảng-nghĩa. Thầy ấy học giỏi mà thi không đỗ, mới chết hơn mươi năm nay. Nguyên-văn bài thơ ấy thế này :

Hỏi thăm giàu có mấy năm nay,
Qua lại người đòn trả với vay.
Chòm đá vốn kia cao chất mãi,
Cỏ cây lời nọ nhảy ra hoài.
Hẹn hò ngày tháng chim năn nỉ,
Tờ khế năm mùa lá đổi thay.
Cái nợ tang-bồng mong trả đặng,
Dầu quên còn có đất trời hay.

* * *

Người ta luận thơ thường nói : « Thơ có khí-tượng », ấy cũng có lẽ. Song cốt là ta có cái tài-trí thế nào, cái độ-lượng thế nào, rồi tự-nhiên nói ra cái khí-tượng như thế. Nếu trong ruột rỗng không, mà cố-ý nói cho cao-kỳ, hùng-dũng, ấy chỉ là *khí* đó thôi, nào có *tượng* gì ! — Ông Đặng Đức-Siêu là một vị công-thần có danh-tiếng ở triều vua Thế tổ. Lúc ngài còn hàn-vi, có bài thơ *trừ-tịch* rằng :

Tháng lụn năm cùng sự chẳng cùng,
Nửa đêm xuân, lại nửa đêm đông.
Chỉ-lan tiếc cũ hương man-mát.
Đào lý vường xuân tuyết lạnh-lùng.
. . . . . .
. . . . . (2)
Gà kêu pháo nổ năm canh trót,
Mừng tượng mai đà gặp chúa đông

Các bậc tiền-bối luận bài thơ ấy cho câu kết là có khí-tượng — Bây giờ tôi xin các ngài bình-phẩm hai câu này thử câu nào có khí-tượng ? Một câu là *Vịnh ghẻ.*

Đời kiếp nàng-niêu ngồi chặm mủ, (3)
Hai chưn càng-nàng bước vòng xe.

---

(1) Xem *Nam-phong* số 17,

(2) Mất một câu ngũ lục xin ai biết thì bảo cho.

(3) Chữ mủ (máu mủ) là dấu ?, chữ mũ (áo mũ) là dấu ~, hai chữ khác nhau, mà tiếng Quảng thì không phân-biệt, hóa nên câu này lấy nghĩa chữ *mũ* có cả nghĩa *áo mũ*.

Một câu là *Vịnh bi ngỏ* :

Dày kết võng trần ngồi hỏng gió,
Lá sẻ lọng lợp dừng che mưa.

Một đàng thời *mũ xe*, một đàng thời *võng lọng*, mà bây giờ sự-nghiệp hai người khác nhau. Câu trên là câu của quan Phạm Liệu đỗ giải-nguyên, tiến-sĩ, hiện làm thị-lang bộ Lại. Câu dưới của một ông Tú, ông ấy đã già, hiện ở nhà dạy trẻ. Có người bảo : võng lọng của ông bị ở giữa gió mưa, cho nên hỏng mất cả mà vẫn phải gõ đầu trẻ !

* * *

Ông Lưu Uyển, ở về cuối đời Tự-đức, người Sơn-tây. Lúc ngài mới đỗ tú-tài, có lấy một cô đầu gọi là cô Phượng. Về sau thi đỗ giải-nguyên, có người tặng bài thơ có bốn câu rằng :

Đồng-đành chồng đầu Phượng
Ngông-nghênh đỗ thủ-khoa.
Văn-chương không phải kép (1),
Phong-cảnh cũng ra bà.

Ông Lưu đỗ tú-tài rồi đỗ luôn thủ-khoa, không đỗ kép, còn cô ấy thì người béo, cho nên nói thế. Đùa bỡn mà có thú.

* * *

Dịch thứ chữ này ra thứ chữ kia là khó. Dịch cho đạt được ý và cho hay mới là khó. Dịch lối thơ lại càng khó nữa. Đại-đề muốn dịch một bài chữ nước Giáp ra chữ nước Ất, thì phải lấy những thi-liệu của chữ nước Ất mà truyền cái tinh-thần của bài thơ chữ nước Giáp thì mới hay được. Nếu cứ chữ đâu nghĩa đó mà dịch, thì tất có chỗ không hợp với cái thi-cảnh của thứ chữ mình đã dịch ra ; mà sẳng-sốt quá, thì lại mất cả nguyên-ý. Tôi có bài thơ *Khai-bút* bằng chữ nho đã in trong *Nam-phong số tết*, dịch ra quốc-ngữ rằng :

Cột túi thơ xuân lớn đến già,
Hôm nay có chén, mở bùng ra.
Thật lanh như biển tết rồi tết,
Ra quái gì đây ? ta hỏi ta.
Lọ phải được như hoa cỏ, mới....
Đã đành chơi với vợ con mà !
Thơ thần, rượu thánh ăn ai tá ?
Chất đống trên đầu, chục chẫn ba.

Tôi không dám dối các ngài, tôi dịch bài ấy xong rồi thì ngâm đi ngâm lại mà có ý tự đắc ! Bài ấy đáng gọi là một bài thơ nôm, vì cả bài trừ chữ *thần* chữ *thánh* ra thời rặt là nôm.

* * *

Thuở trước các quan ở Huế, lúc bấy giờ còn các Đức ông, các ngài ưa làm thơ lắm, rảnh ra thời thả thuyền sông Hương, cùng nhau ngâm-vịnh. Bây giờ thì ít thấy. Điều ấy chưa biết là tấn-bộ hay thoái-bộ ? Có lẽ trừ đi được một cái tệ nghêu-ngao vô ích là tấn-bộ chăng ? Song trong sự nghêu-ngao cũng có lắm cái thú. Nghe các ngài ấy lên chơi Hòn-Eo là một hòn núi đất thò ra ở về thượng-lưu sông Hương, hai bên đều có lạch sông, như cái eo-đất vậy. Định cùng nhau làm một câu trạng-tả cảnh ấy, mà lấy vần *eo*. Một ngài xướng rằng :

Bóp lòng mà chịu hai dòng nước...

Vần *eo* khó quá, không ai tục ngay được, cứ ngó mặt nhau mà cười. Có một ngài đọc lên rằng :

Nát ruột không ra một vận eo !...

(*Còn nữa*)

Chương-Dân

(1) Chữ kép này nghĩa là đỗ kép mà cũng có ngụ ý *đầu kép* nữa.

BÌNH-PHẨM THƠ VĂN CÙNG SÁCH MỚI

Tản-văn ông Khắc-Hiếu

Vận-văn ông đã lừng lẫy một thuở. Làng văn ai là người chưa đọc vận-văn của ông mà chịu ông có cái tài kiến tiếng luyện câu cho nên văn. Bây giờ lại đến cái thời-đại tản-văn của ông. Thời-đại này sẽ có được lừng-lẫy rực-rỡ như thời-đại trước không? — Không biết. Chỉ biết rằng tản-văn ông cũng rưa rứa như vận-văn của ông. Chẳng những rằng vì mỗi bài thường điểm nào phương-ngôn, nào ngạn-ngữ, nào Kiều lẫy, nào châm-ngôn .., bài tản-văn nào của ông đọc nghe cũng như trống đánh, như chiêng khua, như pháo nổ tan vậy.

Văn ông như pháo nổ tan Câu ấy tưởng nên thêm được xuống dưới bao nhiêu những hạng văn mà ông đã chịu khó thu nhặt xếp ra từng bộ-loại trong bài đầu quyển *Khối-tình bản chính*. Câu ấy mới thật rõ được cái đặc-sắc tản-văn của ông. Ai chẳng tin thử đọc qua lại bài : « *Ăn ngon* » trong *Khối-tình bản phụ* của ông mà xem. Thực là tài ! Chỉ có một tiếng « *ngon* » mà ông khéo xếp, khéo vận, khéo xoay vào giữa, khéo đưa lên trên, khéo bỏ xuống dưới mà thành câu nào cũng có tiếng *ngon*, dòng nào cũng có chữ *ngon*. suốt một bài cộng được ngót sáu mươi cái *ngon* hay *không ngon*. Ôi ! thực là tài ! Cái tài ấy trong văn-chương ta xưa nay có một không hai. Ta nên vỗ tay mà reo cái tài ấy và biết cái tử-công-phu của ông làm nên văn.

Nhưng hiềm rằng pháo nổ tì-tạch liên-thanh chỉ được có một lúc. Đang lúc nổ, thì làm cho người nghe tiếng vang tai lói óc, người ngửi khói sồ mũi hắt hơi. Lúc nổ xong, chỉ còn đống xác chơ, hay sót dăm bảy cái, có đốt lại chỉ thấy « *xì* » không thấy « *tạch* » — Sợ rằng văn như pháo ròn tan, lúc đọc thì ba hoa vui con mắt, dẻo đầu lưỡi, làm cho người đọc choáng váng tê mê, như ngây, như dại, như ngủ, như say. Lúc tỉnh dậy muốn nghiên-cứu trầm-tư cho đến nơi, thì lại chỉ thấy còn đống xác chữ..... !

Ôi ! xác không hồn không phải là sống. Văn không tư-tưởng không phải là văn. Văn chỉ là cái áo bọc của tư-tưởng. Văn sống bởi tư-tưởng.

NGUYỄN VĂN-NGỌC

Sách « Bình-yên » của ông DUFRESNE

(*Binh-yên*. Livre de lecture, par M. DUFRESNE, licencié ès-lettres, professeur au Collège du Protectorat. — Ha oi, Taupin 1918).

Ai đừng đọc thấy « Bình phẩm sách mới » mà đã vội tưởng rằng văn-chương nước nhà lại mới xuất-hiện được một quyển « sách mới » nào. — Không. — Sách mới đây không phải là sách quốc-văn, nhưng là sách Pháp-văn của một nhà văn-chương Pháp là ông DUFRESNE mới soạn. Tuy vậy, ta bàn một quyển sách Pháp-văn của một người Pháp viết bằng tiếng Pháp nói về chuyện An nam trong một tạp-chí An-nam cũng không phải là quá-đáng mà sai địa-vị vậy. Vì nhà văn-chương Pháp đây quả đã biết rõ xứ sở An-nam, am-hiểu phong-tục An-nam, « sống » qua cái đời An-nam, thâu-nhập và dung-hóa được cái tinh-thần của người An-nam mà lại tả rõ ra hết cái chân-tính của người Nam, cái chân-cảnh của nước Nam.

Cứ xem một cái nhan sách đề là *Binh-yên* 平安, trông một cái tranh vẽ ngoài bìa sách vẽ người chít khăn, mặc áo dài,

ngồi vắt chân tréo dầu ghế trường, tay cầm quyển sách đọc, thì cũng đủ biết soạn giả có lòng mến nước Nam, có lẽ chỉ vì người nước Nam mà làm nên quyển sách ấy.

Mục-đích của soạn-giả rất khiêm-tốn : sách này chỉ cốt để dùng làm sách tập-đọc Pháp-văn cho trẻ những tràng Pháp-Việt. Tưởng các ông giáo cũng vui lòng mà hoan-nghênh một quyển sách có lý-thú mà giản-dị, có cái phần sác-thực về tư-tưởng mà lại có cái phần thanh-nhã về văn-từ.

Những quyển sách giáo-khoa cho trẻ ấy giá người lớn đọc cũng lợi được lắm điều hay nên biết.

Sách chỉ có 31 bài dài ngắn cộng 180 trang. Nhưng cứ kể lược ra, cũng đã gọi là dủ ý, cũng tạm đủ làm được cái phương-châm cho bọn thiếu-niên, cái « khối tình » cho bậc thành-trưởng.

Trong 31 bài, chuyện vui có, chuyện buồn có, văn-chương tình-tình có, cách-trí thiết-thực có, bài làm cho ta tưởng-vọng đến những sự đời nay, bài làm cho ta đoái nghĩ đến những việc đời xưa hay mong mỏi về những việc sau này, không kể mỗi bài thường có một câu kết-luận đáng công-nhận là một chân-lý vĩnh-viễn, các bài rải rác đều có những tư-tưởng cao rộng khiến cho cái mối tư-tưởng của người đọc phải hoán-khởi lên.

Về việc học mới canh-cải bây giờ của nước Nam, thì còn điều gì cốt-yếu cho bằng chữ quốc-ngữ nữa Cái vấn-đề khó khăn về quốc-ngữ đã nhiều phen lắm nhà nhiệt-thành muốn cải-lương, nhưng chưa ai giải-quyết, thì soạn-giả hiện hình vào một viên giám-binh mà bàn cho đến lý với một lũ trẻ chăn trâu nhà quê đang đọc truyện *Kiều* trong một quán giữa đồng. (bài IV)

Về việc học hành của các cậu nên cố gắng làm sao thì không nói ; chỉ cốt khuyên rằng các cậu đi thi có đỗ đạt cũng đừng vội bắt chước cậu Năm (bài XXVII) mới được cái bằng sơ-học đã lên mặt bảnh-bao, « mình mặc áo xa hoa, chân đi giày tây đánh bóng lộn, đầu đội mũ panama vềnh ngược, tay cầm ô lục soạn », bảnh-chọe về làng những sự chực muốn « lòe » chị em bà con quê mùa cục-kịch. Nhưng trời làm, đi vào đàng ruộng chơn, ngã vùi ngã rập, người lấm be bét, đến nỗi cụp cả tàn tán, thui thủi về nhà như lợn ăn khoai vậy. — Các cậu lại cũng đừng như ông tiến-sĩ nào ở Kinh thi hội đỗ về, tưởng lúc vinh-qui, thì dân làng ra đón rước linh đình, cờ quạt võng lọng. Nào ngờ ! Chỉ vị thiếu một bữa rượu khao trước khi về mà đến nỗi *vinh qui* hóa ra *tử qui*, đáng nên danh-giá mà thành phải gieo mình xuống sông để tự tận (bài XI). — Các cậu có đỗ nữa, thì các cậu hẵng nên nghĩ như cậu kia (bài XII) ở trường trung-học ra bước chân vào đời, phải biết mình biết ta, biết nghĩ làm làm sao cho nó trọn cái chức-vụ mới của mình ra nhận với nhân-quần xã-hội.

Về việc văn-chương, thì xin các nhà thi-sĩ hãy nên nhìn rồi hẵng viết, hãy chịu xét rõ những cảnh riêng của nước nhà chớ vội đi mượn cảnh người làm cảnh mình. Đừng có tả cảnh mùa đông mà nói những *lá rụng cành chơ*, đừng có cảm hứng Hồ-Tây mà ngâm những *tuyết rơi băng đóng* !

Người đi buôn thì cốt lấy sự thực-thà làm đầu, lấy cái lòng tin nhau làm cho « khách nhớ nhà hàng », đừng như bác Sáu kia bán ngô rấp nước cho nặng cân, để đến lần sau không ai thèm hỏi đến bài XXII.

Quan-lại là *dân chi phụ mẫu*. vậy phải lo cho dân cũng như lo cho con vậy. Có đâu lại đang lúc nước sông ràn rụa, để điều nguy cấp, phó mặc cho chánh phó lý quất đánh dân đen, còn chính mình thì rập rềnh thuyền bơi trên mặt nước, say sưa rượu chè cùng chúng bạn, đũn đớn ca xướng cùng mấy ả bán phấn buôn son. Để cho đến nỗi dân kia, chồng phải bỏ vợ, cha phải lìa con. Đọc bài *Vỡ đê* (XX

mà cám thay cái cảnh cho cụ Bá ! Tuổi cụ đã già mà cụ phải nhường cỗ thọ-đường cho con, liều thân già mà mong cứu vớt lấy con thơ cùng quyền gia-phả ra khỏi vòng thủy lạo. Ta xem bài này mà tưởng-tượng hình như ngồi nhà hát nào xem tấn bi kịch có bà Hoàng phi bụng mang dạ chửa, đang lúc chạy giặc nguy-cấp thì vừa kịp khi khai hoa mãn nguyệt. Bà sinh hạ được đứng Hoàng nam, rồi cắt vạt áo, cắn ngón tay làm tờ huyết-thư để gửi Hoàng-nam cùng ngọc-tỷ lại dưới gốc cây nào gần đó, còn mình thì gieo mình xuống giếng hay xuống sông để tử tiết.

Ngoài những chuyện ấy, trong sách soạn-giả cũng nói đến cây cối, cũng nói đến loài vật, nghĩa là không bỏ qua cách-trí vậy. Mà cách-trí của soạn-giả có một điều rất mới, rất có giá-trị đáng khen : là soạn-giả chỉ nói đến những loài vật những cây cối của nước nhà mà chính soạn-giả đã kinh-nghiệm nghiên-cứu tỉ-mỉ rõ như một nhà bác-vật chuyên-môn vậy. Những bài cách-trí, tinh tường là chỗ kể cái đời con mọt tự lúc còn là trứng cho đến khi hóa con sén tóc. Cả bài XXI đề là « *Các tiếng ban đêm* », cùng hay, văn-chương rất tài-tình. Đêm dài, canh khuya, băn khoăn giấc điệp, dằn dọc trên giường nghe thấy những tiếng rất là thú-vị. Chuột cống, chuột chù rúc-ra rúc-rích ; mọt kèn-kẹt kêu, muỗi ve-ve ó. Nhéc-nhéc mối trên tường đớp muỗi, huỳnh-huych gián hay bọ dừa rơi mình dưới đất. Xa xa, ngoài đồng tiếng ễnh-ương chẫu-chuộc ính-ỏi, như sáo, như đàn, như điều, như họa ; gần kề cạnh vách, sè-sè tiếng mặt-quỉ sa đèn ; hồi nghĩ lại mới rõ cái nguyên-nhân mặt bủng da chì, môi thâm má hóp, bại-hoại tinh-thần, mất công bỏ việc của người bạn học xưa kia vẫn có tiếng là chăm là giỏi.

Ấy đại đề cái hay của sách « *Bình-yên* » như thế. Cái dở, cái sai, tất cũng có, nhưng cũng chỉ là thiểu-số trong đa-số thôi. Mà ta bàn sách *Bình-yên* đây là cũng chỉ bàn qua về được một phương-diện An-nam. Chắc cũng còn thiếu ý nhiều. Nhưng muốn cho rõ hết ý, không gì bằng xem hết cả quyển sách.

NGUYỄN VĂN-NGỌC

Sách « Phổ-thông độc-bản » của ông Nguyễn Văn-Ngọc (1)

Ông Nguyễn Văn-Ngọc, giáo-học trường Sư-phạm, mới xuất-bản một quyển sách tập-đọc cho trẻ con lớp sơ-học các trường Pháp-Việt.

Sách này Học-chánh-nha đã duyệt-y mà cho dùng vào làm sách giáo-khoa, thiết-tưởng không phải đợi mấy lời bình-phẩm này người ngoài cũng đã biết rằng tác-giả đã vì lũ em thơ mà khổ-tâm.

Song-le ở cái buổi quốc-văn mới phôi-thai này, dẫu nhà làm văn, nhà tiểu-thuyết hay là nhà làm sách giáo-khoa, ai đã có công vun trồng cái nền quốc-văn, trừ ra những văn, những tiểu-thuyết dở và những sách giáo-khoa không hợp chương-trình, còn thời đều là đáng xem, đáng đọc, đáng dùng mà dạy nhau tất cả

Ông đã là một nhà sư-phạm, hiện ông lại dạy trường Sư-phạm, ông ở trong học-giới, cái chương-trình về việc học ông rất am-tường, nên quyển sách ông đặt thực khéo, thực là tốt lắm. Bài nào cũng ngắn vừa độ các cậu bé con, dưới lại có mấy câu giải-nghĩa những chữ khó và chữ mượn tiếng nho, lại có sẵn những câu hỏi để gợi trí khôn cho các cậu trẻ thơ, phi một nhà sư-phạm chuyên-môn không thể đặt được vừa-vặn mà thiết-

(1) *Phổ-thông-độc-bản*. Lecture courante. NGUYỄN VĂN-NGỌC soạn. Hội-đồng xét sách đã duyệt-y cho dùng trong các trường Sơ-học Pháp-việt. - Hà-nội, 1918.

thực như thế. Ấy cũng bởi ông đã dạy học lâu năm ở các trường Nhà-nước nên cái cách đặt sách giáo-khoa mới được sành như vậy.

Các bài văn xuôi trong sách bình-thường giản-dị, phần nhiều theo ý các bài ở các sách tập đọc tây và các sách tàu mà dịch ra, có sửa đổi cho hợp với nước mình, và trích các truyện cổ-tích về lịch-sử nước ta, đặt lại dễ dàng cho trẻ hiểu ngay. Còn những bài tự ông đặt ra cũng nhiều. Đến như các bài ca bài thơ dạy trẻ thời mới thực là khéo đặt, vừa không ép vừa sáng nghĩa, nay trích mấy câu ở mấy bài như sau.

Như bài « *Làm việc* » :

Ở đời ai cũng phải làm,
Chăm thời nên việc lười cam chịu hèn.
Học trò ham mải sách đèn,
Văn-chương cách-trí tập rèn cho hay.

Lại bài « *Cậu bé con và con mèo* » :

Một cậu bé đương ăn chiếc bánh,
Có con mèo đến cạnh vuốt ve.
Trẻ thơ nào đã biết gì,
Ngỡ rằng mến chủ bánh thì chia cho.

. . . . . .

Thực trẻ con nào đọc đến cũng phải hiểu.

Đến như sự giải-nghĩa lại tỏ-tường, như « *vuốt ve* » ông giải cho trẻ rằng : « quấn quít bên mình, ra dáng thân thiết ân-cần » ; « *cách-trí* » ông giải cho trẻ rằng : « tiếng chỉ chung cả những học-thuật đối với văn-chương như học tính-toán, học các loài vật, cây cối..... », v. v.

Như thế thời dễ khiến cho trẻ đầy cái « túi chữ » mà cái « vòng trí-thức » cũng mở mang được vậy. Tôi xin vui lòng mà giới-thiệu sách ông cho các bạn trẻ thơ.

NGUYỄN MẠNH-BỒNG

Sách « Khối-tình » của ông Nguyễn-khắc-Hiếu

(bản chính và bản-phụ) — In ở Hà-nội Đông-kinh Ấn-quán

Tôi sắp in quyển vận-văn (1) làm từ khi còn gõ đầu trẻ trong trường Pháp-Việt Vân-đình (1917), nhân những khi phận-sự mình đã trọn trở về lữ-xá (2) đối « ngọn đèn khuya » mà cảm-tình lai-láng, cảnh nọ tình kia mượn bút tả để làm vui trong khi là người cô-khách (3). Sách tôi đưa vào nhà in thời nhằm ngay lúc ông *Tản-đà* NGUYỄN KHẮC-HIẾU mang hai cái « khối-tình » bản chính và bản phụ ở nhà in ra. Ông có cho tôi hai quyển, mở ra xem lời dẫn ông, rồi thời đến bài tựa của bản-chí PHẠM chủ-bút THƯỢNG-CHI tiên-sinh, rồi mà bài tựa của ông cử DƯƠNG TUYẾT-HUY, thời bao nhiêu lời bình-luận văn ông, ngọn gió Nam này cũng đã quạt cái hơi « phụ-tài » « giải-uẩn » cho cái « *khối-tình* » của ông đeo nặng với bọn ta từ bấy lâu nay. Cái văn điêu-trác (4) của ông, những lời vàng ngọc của ông đã đủ trong hai bài tựa của những bậc người nhiệt-thành (5) với văn vận (6) đương-thời (7) phơi bày cho ông, tỏ giãi với quốc-dân, tôi dám đâu

---

(1) **Vận-văn**, 韻文. Văn đặt có vần như thơ, ca từ-khúc, phong dao

(2) **Lữ-xá**, 旅舍. — Nhà trọ, đi đến nơi xa lạ ở nhà người ta ăn cơm trọ, đi ở xa quê quán mình.

(3) **Cô-khách**, 孤客. Người đi ở xa chẳng có ai thân-tình gần-gụi, chỉ có một mình.

(4) **Điêu-trác**, 雕琢. — Gọt rũa từng ly từng tí.

(5) **Nhiệt-thành**, 熱誠. — Sốt sắng hăm hở ân-cần

(6) **Văn-vận** 文運. — Cái vận-mệnh của văn-chương, cái đời chung của nghề văn theo thời buổi mà đi.

(7) **Đương-thời**, 當辰. — Ở buổi bây giờ.

còn vẽ lốt vào beo, thêm hoa lên gấm nữa. Nào chắc đâu rằng : *ông tuổi còn xanh, duyên chửa thắm, vai vế trong xã-hội rất nhỏ yếu...*

Tôi với ông vốn cùng nhau có một cái tình thân riêng, há miệng mắc quai, khen chê ông thực cũng khó lắm thay !

Duy có muốn nhân đây mà khuyên nhủ ông một lời, cũng là đối-tọa (1) cùng nhau chưa vỡ lý mà muốn mang cho công-luận (2) để mong ông. Ông thực là một người *có tài*, chắc ông cũng phải nhớ đến câu *có lụy*, ông cũng biết rằng buổi *nhu-tài* (3) thời ông chắc *có tài được có giá*. Cái bụng *ái-tài* (4), cái lòng *lân-tài* (5 dẫu đến nhi-nữ « Kiều-Oanh » (6) cũng sẵn có, phăng-chi trong xã-hội yêu ông biết mấy muôn người, mà không biết rằng : *tự mình đã phụ biết bao người tri-âm* (7). Tôi cũng là cái nhiệt-thành yêu ông, cái thân-tình đối với ông, mà lo cho ông lòng *tự-tín* (8) đã như lửa cháy. *gánh văn chương đi bán phố phường*, lại gặp cái dầu *bụt vàng chùa rách* tưới vào, để khiến đốt mất hết *danh* cùng *lợi*, chắc đâu *gồm* được *hòa hai*. Ôi ! khi Hoàn-công (9) mất chàng Quản-Trọng(10) mà xiết bao đầm thắm chốn cung-vi (11), lúc Thủy-Hoàng (12) được chú Lý-Tư (13) mà tàn-bạo (14) nghìn thu còn để tiếng. Tôi e rằng cái *mỏng văn-hào* (15), cơn mơ *triết-học* của ông sau này vì cái *mắt xanh* trong đám *bụi hồng* mà thành ra giấc chiêm-bao mất. Cũng là xuất-ư bất-đắc-dĩ (16) ở cái khổ-tâm (17) mà phải nói vậy.

Cái tài văn-chương của ông, trong hai cái *khối tình con* thực hay vô-hạn(18), hai cái *khối-tình* mới xuất bản (19) này lại

---

(1) **Đối-tọa,** 對坐 Cùng ngồi đối mặt nhau.

(2) **Công-luận,** 公論. — Lời thiên-hạ bàn chung.

(3) **Nhu-tài,** 需才. — Cần đến kẻ có tài để làm việc

(4) **Ái-tài,** 愛才. — Yêu tài, thấy kẻ có tài mà yêu.

(5) **Lân-tài,** 憐才. — Thương tài, thấy người có tài bị vạt vả mà thương

(6) **Kiều-oanh,** 喬鶯. — Ông Nguyễn Khắc-Hiếu lấy hai chữ đó đặt tên cho một người con gái trong « Giấc-mộng-con », là một cô biết thương kẻ có tài, yêu kẻ có tài.

(7) **Tri-âm,** 知音. Biết tiếng, biết nhau thân nghe lọt tiếng đàn nhau, điển Bá-Nha 伯牙 Chung-Tử 鍾子.

(8) **Tự-tín,** 自信. Tự mình chắc rằng mình đã hay đã phải rồi, (không chịu rằng mình còn kém mình còn giỏi).

(9-10) **Hoàn-công** 桓公. Là một ông vua anh-hùng nước Tề 齊 đời Chiến-quốc 戰國 lại được Quản-Trọng 管仲 là một người mưu trí giỏi giang giúp đỡ nên làm bá chủ được cả các nước bấy giờ ; khi Quản-Trọng mất, vang mặt người hay, Hoàn-Công gần gựa lu tiểu-nhân đam chơi sắc dục, uy-quyền ngày giảm, chính-sự ngày bỏ.

(11) **Cung-vi,** 宮闈. — Nói chỗ các vợ vua ở.

(12-13) **Thủy-hoàng,** 始皇 — Là vua nhà Tần 秦 đánh cướp các nước nhất thống Trung-quốc, nghe lời bầy tôi là Lý-Tư 李斯 chôn học trò, đốt sách, ức hiếp dân sự khổ sở lắm bề.

(14) **Tàn-bạo** 殘暴. — Tàn nhẫn bạo-ngược, chẳng còn có nhân nghĩa chi cả làm những điều dữ đội ác nghiệp.

(15) **Văn-hào,** 文豪. — Nhà làm văn giỏi.

(16) **Xuất-ư-bất-đắc-dĩ,** 出於不得已. —Làm ra cũng là cái thế không nói không được, cái việc phải nói mà nói.

(17) **Khổ-tâm,** 苦心. — Lòng khổn.

(18) **Vô-hạn,** 無限. — Không biết thế nào là chừng.

(19) **Xuất-bản,** 出版. — In ra, sách mới in ra, báo mới in ra, in đã thành cuốn.

công-tế (1) vô-cùng, cái áng *văn-chương có số hạn* chưa dám chắc mà cái nền văn-chương có giá-trị đặc-biệt thời hẳn-hoi. Lời tản-văn ông thực hệt lối Trang-Tử Xuân-thu (2), phi người xem có tư-tưởng có trí-khôn không hiểu hết. Cái tài khéo của ông thời Bản-chí Chủ-bút cũng đã đem *bao lơn, cửa võng* mà khen ông, cái khí hùng của ông thời đồng-nghiệp-hữu (3) tôi cũng đã lấy câu *kiện-tướng trong văn-đàn* (5) mà tặng ông. Song nghĩ yêu thay hai chữ « *đến cả* » (6) của ông Trần-văn-Quang là người làng báo của tôi, dám cũng xin biếu đồng-tình.

Bọn ta cũng cùng nhau sinh-nhai (7) trong nghề buôn văn bán chữ, chị ngã em nâng, chuông chiều trống sớm, trăm cái tên vào một cái dích cả, có điều đâu mà đã liễu ủ hoa hờn, vườn mai chỉ để cú chen chân vào ? (8)

Các bạn tri-âm của bọn ta, chắc chẳng có ai vì một lời nói ngoài mà mắt xanh hóa trắng, sách ông hay thiên-hạ hẳn ham xem, lời nói ngoài lại càng kì liến cho người đeo nặng « khối-tình » vì ông lắm. Chắc ông cũng hiểu mà giữ cái *chủ-định* của ông, để cùng *nhau quang gánh với đời* vậy. Nhân xem văn ông ngẫm lại cái ngọn đèn khuya của tôi sắp khêu đoạn tơ lòng ra mà lửa tình nhường trói mắt xanh ai. Nghĩ xa rồi lại nghĩ gần, khối-tình với ông lại càng nặng lắm, ngâm đi ngâm lại mà nhớ *Cô kiều* ngày xưa. Chẳng phải là dám tự làm cáo-bạch cho mình mà đả động đến ông, chỉ vì cái *hoa kia đã nở ra đời* mà nói vậy (9).

Nguyễn Mạnh-Bổng

L'histoire, en même temps qu'elle est un phénomène qui se déroule selon une loi mécanique, est une aspiration qui se réalise selon une loi idéale.

J. Jaurès

Lịch-sử xét về đường hình-thức là cái bức tranh kim-cổ lần lần bày ra cho người đời, mà xét về đường tinh-thần là một mối hi-vọng càng ngày càng cao mà mỗi ngày thực-hành được một chút.

(Dịch lấy ý-nghĩa, không theo lời tây).

---

(1) **Công-tế,** 工 細. — Khéo tỉ-mỉ từng tí.

(2) **Trang-tử,** 莊 子, *Xuân-thu* 春 秋, là tên hai bộ sách tàu lời đạt khúc khắc, mập-mờ, khó hiểu.

(3) **Đồng-nghiệp-hữu.** 同 業 友. Người bạn cùng làm với mình một nghề, (làng báo hay dùng gọi bạn).

(4) **Kiện-tướng,** 健 將. — Một tay tướng giỏi.

(5) **Văn-đàn** 文 壇. Nên văn-chương, trong bọn văn-chương.

(6) Câu này ở trong bài bình-phẩm của ông Quang ở *Trung Bắc*, xin các ngài xem bài tựa thứ ba ở đầu quyển « Khối-tình » mới biết 2 chữ ấy đã khéo dùng.

(7) **Sinh-nhai,** 生 涯 — Sự kiếm ăn, kinh-doanh về việc để nuôi mình.

(8) Buồn cho ông không biết người khinh trọng.

(9) Trong bài này chỗ nào in xiêu là điển tích và lời văn ông ấm thúy, và lời tựa trong *Khối-tình* song nghĩa có theo văn bình-phẩm mà biến-tướng. Bổng)

VĂN-UYỂN

THƠ CA CŨ

Dịch thơ Thiên-thai

I

樹入天台石路新
Một lối non tiên lạ gót trần,
雲和草淨夐無塵
Mây trời cỏ đất vạn thanh tân.
烟霞不醒生前事
Ba sinh gặp gỡ say vì cảnh,
水木空疑夢後身
Một giấc mơ màng ngán cả thân!
往往鷄鳴巖下月
Văng vẳng bên nham gà gọi nguyệt,
辰辰犬吠洞中春
Vang vang trước động chó chào xuân.
不知此地歸何處
Chẳng hay cảnh ấy về đâu tá,
須就桃源問主人
Mong tới Đào-nguyên hỏi chủ-nhân.

II

天和樹色靄蒼蒼
Một thốc cây xanh đượm khí trời,
霞重嵐深路渺茫
Gót trần vơ-vẩn lối xa xôi.
雲竇滿山無鳥雀
Non ngăn điểu tước từng mây tỏa.
水聲喧澗有笙簧
Suối dạo sinh hoàng tiếng nước xuôi
碧沙洞裏乾坤別
Động biếc một bầu riêng cảnh lạ,
紅樹枝邊日月長
Hoa hồng muôn khóm nở ngày dài.
願得花間有人出
Trong hoa đón khách nào ai đó ?
免令仙犬吠劉郎
Chớ để nhà tiên chó lạ người.

III

慇懃相送出天台
Một chàng, một thiếp, một thiên-thai,
仙境那能却再來
Cảnh ấy chừng bao lại gặp đây ?
雲液既歸須強飲
Chén rượu dưa chân xin gượng nhấp,
玉書無事莫頻開
Bức thư vắng mặt chớ liền coi.
花留洞口應長在
Đành hoa trong động còn thơm mãi,
水到人間定不回
Tiếc nước ngoài trần luống chảy xuôi
惆悵溪頭從此別
Rầu rĩ đầu ghềnh từ đấy nhẻ,
碧山明月照蒼苔
Núi xanh rêu trắng bóng trăng soi.

IV

不將清瑟理霓裳
Cung đàn mới gẩy khúc nghê-thường,
塵夢那知鶴夢長
Giấc mộng cùng ai tính đoản trường.
洞裏有天春寂寂
Cảnh ở hang tiên xuân góa thiếp,
人間無路月茫茫
Lối về cõi tục nguyệt mơ chàng.
玉沙瑤草連溪碧
Liền khe cỏ biếc trời phô ngọc,
流水桃花滿澗香
Dẫy suối hoa hồng nước nổi hương.
曉露風燈易零落
Kiếp ấy ngọn đèn hong trước gió,
此生無處問劉郎
Biết bao giờ lại gặp Lưu-lang.

V

再到天台訪玉眞
Non tiên lối trước lại lần sau,
青苔白石已成塵
Đá trắng rêu xanh khác mọi mầu.
笙歌寂寞閒深洞
Đàn hát động kia sao vắng vẳng,
雲鶴蕭條絕舊鄰
Hạc mây xóm nọ sạch lâu lâu.
草樹總非前度色
Cây xưa bóng núi thay vừa hết,
烟霞不似往年春
Sắc cũ xuân trời quạnh đã lâu.
桃花流水依然在
Hoa nở nước trôi y mãi đó,
不見當辰勸酒人
Chén mời nào kẻ bấy giờ đâu?

NGUYỄN HỮU-TIẾN *sao-lục*

HÁT NÓI

Tiễn khách

Tầm-dương giang đầu dạ tống khách 潯陽江頭夜送客(1), bóng trăng thanh chênh chếch phủ bên thuyền. Đàn tì-bà ai khéo gẩy cho nên? Xui lòng khách thiên-nhai luống những... Ai oán nhẽ bốn dây văng vẳng, nỗi bất-bình, như khấp, như tố, như oán, như than. Nực cười thay cái phận hồng nhan, nào những khách Ngũ-lăng (2) đâu vắng tá? *Vân thủy mang mang thiên ngũ dạ* 雲水茫茫天五夜, *tì-bà khúc khúc nguyệt tam canh* 琵琶曲曲月三更 (3), Tầm-dương cảnh ấy biết bao tình, chiếc thuyền những đi về trong bóng nguyệt (4). Người viễn-thú biết chăng chẳng biết, khúc đàn này biết gẩy cùng ai? *Giang đầu hạnh hữu khách lai* 江頭幸有客來 (5).

Trăng thu

Nhất thiên lý sắc trung thu nguyệt 一千里色中秋月, *đội kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu* 帶妓隨波任去留 (6), thi lưng túi, rượu lưng bầu, tiếng tì trúc nhặt khoan doành nước biếc. *Hồng phấn ca thanh phiên bạch tuyết* 紅粉歌聲翻白雪, *điêu kềnh lạp ảnh túy thanh niên* 雕檠蠟影醉青年 (7), gió trăng chở nặng một con thuyền, kho vô-tận mặc dầu ai hứng thích. Phong-lưu ấy nghìn cân chưa xứng, nhác trông ra trăng đã dựng đông, vừng trăng đẳng đẵng trên không; *thiên-lý huyền ca khai thắng tịch* 千里絃歌開勝席 (8), rủ rê cùng hai ả tới đây, bỗng tiếng đâu tích-lịch (9) lưng trời, lui gót ngọc bẽ bàng khôn xiết kể. *Thanh diệu hữu thời linh bạch tuyết* 清調有辰聆白雪, *phù-danh tất cánh ngộ hồng-nhan* 浮名畢竟誤紅顏 (10), đương trăng thâu ném sáo quăng đàn, trách ông nguyệt ghẹo trêu chi lắm tá? Gẫm lại phấn chưa phai, hoa chưa rã, ví đem vào kim ốc há nhường ai? Từ đâu lỡ một lầm hai?

Nhân-sinh nghịch-lữ

Nhân sinh thiên địa gian nhứt nghịch-lữ 人生天地間一逆旅 (11), có bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày, như thoi đưa, như bóng sổ, như gang tay, sực

(1) Đầu bến sông Tầm-dương ban đêm đưa khách.
(2) Là chỗ đô-hội phồn-hoa
(3) Nước mây man mác sắp một đêm trường, tiếng tì-bà réo rắt bóng trăng xuống.
(4) Câu này có hầu là « chỉ uống để mơ màng trong bóng nguyệt. »
(5) May có khách lại cho ở trên sông.
(6) Bóng trăng Trung-thu sáng sẽ chia đôm, đem đi đâu bởi thuyền theo dòng nước đi chơi.
(7) Á hồng-phấn ngâm câu ca bạch tuyết, gã thanh-niên say ở dưới bóng đèn.
(8) Đàn hát mở tiệc vui chơi nghìn dặm
(9) Là tiếng sét đánh
(10) Có lúc nghe điệu hát bạch-tuyết cũng làm cao thường, thì ra phù-danh lắm luỵ cho gái hồng nhan ư.
(11) Người ta sinh trong khoảng trời đất như là người đi dọc đường, không mấy chốc thời qua.

nhớ chữ *cổ-nhân bỉnh-chúc* 古人秉燭(1), *Cao sơn lưu thủy thi thiên trục* 高山流水詩千軸, *minh nguyệt thanh phong tửu nhứt thuyền* 明月清風酒一船(2). Giang tay người tài-tử khách thuyền-quyên, chén rượu thánh câu thơ thần thích-chí ; thành-thị ấy mà giang-sơn ấy, đâu chẳng là tuyết-nguyệt phong-hoa. Bốn mùa xuân lại thu qua.

Quyết-khoa

Vị đạt thả đương hành tố vị 未達且當行素位(3), *ẩn ưu thiên ý ngọc vu thành* 隱憂天意玉于成(4). Bằng chửa bay dù *yến-tiếu hồng-khinh* (5), *an nghĩa mệnh* chớ mầy lòng *vưu oán* (6). *Nương nương vật hận công danh vãn* 娘娘勿恨功名晚, *lưu đáo lai khoa dã vị trì* 留到來科也未遲(7). Ngẫm anh hùng nhỡ bước xưa kia, *Lương-Hiệu Trần-Tu* (8) là mấy kẻ ? Mắt hãy sáng, tay hãy mềm chân hãy khỏe, hội quyết-khoa âu cũng có ngày. Tuồng chi hờn gió giận mây ?

ĐÔNG-CHÂU *sao-lục*

« Hòa-lạc » ca

Bài này của đức TUY-LÝ *khi đi hầu ngự ra cửa Thuận. Ngài đi chiếc* « Hòa-lạc ». *Nửa chừng bị sóng gió gần chìm, sau đức Tự-Đức cho năm chiếc ra giắt chiếc* « Hòa-lạc » *vô mới xong. Về ngài làm bài này.*

Trời Nam vừa thủa thái-bình,
Non hùm bặt dấu, biển kình biệt tăm.
Ngày bữa rằm tiết hè đương thạnh,
Vâng chiếu rồng tuần-hạnh Thuận-An.
Pháo-đài bầy tiếng sấm vang,
Thuyền chèo tách sóng, cờ phan cuốn
Dặy giữa vời trạo-ca một khúc, [trời.
Trấn-hải-thành bỗng chốc đã lên.
Theo chầu sánh hiệp bạn tiên,
Đầy thuyền «Hòa-lạc» chỉ miền thương-
Nửa bình trà, một và cuốn sách, [ba.
Người lương chi là khách tri-âm.
Khói tùng lồng thỏ âm thầm,
Mỉa mai LÝ QUÁCH (9) xướng ngâm MẠNH [HÀN.(10)
Mặt bằng-hoàng đến vừa bãi cát,
Đủng đỉnh chờ gió mát trăng lên.
Anh em quanh quất đôi bên,
Chung thơ năm Đậu, (11) liền mền ba [Khương. (12)
Nặng tình thương nhớ Đề-hòa cảm,
Trăm năm thề chẳng dám chút sai.
Lần hồi chèo thẳng sông dài,
Biết bao cảnh-vật trong ngoài hơn vui.
Sông Phổ-lợi một hồi vừa khỏi,
Đoái Bao-la vọi-vọi đòi le.
Mấy trời khôn dễ trước dè,
Chớp ngày lửa chảy, mây hè mực un.
Gió ùn ùn cát bay đá chạy,
Sáu hiệp mờ tiếng lại vo-vo.
Gió càng to, sóng càng to,
Mấy neo cũng đứt, mấy đò cũng xiêu.
Lúc hiểm nghèo cậy lòng trung tín,
Nỗi dật dờ giáo đến giáo lui.
Bỗng nhưng cơ hội trời xui.

---

(1) Người đời xưa đốt đuốc chơi đêm.
(2) Nói cao nước chảy thơ ngâm bạn, gió mát trăng trong rượu mời thuyền.
(3) Khi chửa hiển-đạt hãy cứ bản-phận mình mà làm.
(4) Gặp phải sự lo lắng, là ý trời muốn cho mình thành-lập.
(5) Chim bằng chưa bay dẫu chim yến cười, chim yến khinh cũng mặc.
(6) Chỉ cứ yên theo nghĩa theo mệnh, chớ không có một chút gì oán trách ai.
(7) Xin nàng chớ oán hận rằng công danh muộn, lưu đến khoa sau đỗ cũng chưa chậm gì.
(8) LƯƠNG-HIỆU, TRẦN-TU là hai người hay chữ, đến tận già mới thi đỗ.
(9) Lý Quách, 李郭, ông Lý, ông Quách, LI Tông 李膺 Quách-Thái 郭泰 hai người cùng là danh-sĩ đời Hán ; một hôm đi cùng thuyền với nhau ; người đời ấy trong danh tiếng lừng ông lắm, truyền làm câu truyện thú, gọi là « Quách Lý đồng châu » 郭李同舟.
(10) Mạnh Hàn, 孟韓, ông Mạnh, ông Hàn : Mạnh-Hiệu-Nhiên 孟浩然 Hàn-Dũ 韓愈 hai người thơ hay đời Đường, thường cùng nhau ngâm vịnh.
(11) Đậu, 竇, họ Đậu, người đời Tống, năm anh em cùng làm quan một triều, nên gọi là « năm Đậu ».
(12) Khương, 姜, họ Khương, người đời Hán, ba anh em ở với nhau rất hòa thuận, may một cái mền thật lớn, trời lạnh cùng đắp với nhau, nên gọi là « ba Khương ».

Mía hình thuyền dác rạch mòi sóng qua.
Đã là ba chiếc ra buộc giát,
Xem thế dường chưa chắc vào dâu !
Dặm xa dường thể ai tâu,
Thêm nam thuyền nữa lại sau mới rồi.
Mới cùng nhau mừng vui hớn hở,
Ơn chín trùng đất chở trời che.

TUY-LÝ VƯƠNG

THƠ CA MỚI

(*Thơ ca lai-cảo*)

Vịnh hai bà Trưng

Giận nước thù nhà chốc dễ cam,
Việc dù thành bại nghĩa nên làm.
Quần-thoa đánh đuổi bao quân Hán,
Thành-quách thu về một cõi Nam.
Thấy thế nam-nhi âu cũng thẹn,
Xem cho quan-lại cứ mà tham.
Hai bà danh tiếng muôn năm đề,
Danh tiếng khen cho gái bất-phàm.

Vịnh bà Trưng chị

Chút thân bồ-liễu việc gian-nan,
Được được thua thua lẽ thế gian.
Dòng tướng dễ theo quân dịch-quốc,
Thù chồng phải sửa tụi tham-quan.
Muốn chi gái góa dem phơi mặt,
Nghĩ đến dân-sinh những tím gan.
Gái được như bà đòi mấy mặt ?
Nghìn thu tô điểm vẻ giang-san.

Vịnh bà Trưng em

Kể từ lên trận lắm công-phu.
Gio thảm mu xa Lãng-bạc-hồ
Gái họa như bà riêng huyết-khí.
Em hay theo chị mở dư-đồ.
Đánh cho quân Hán chừa ngông-ngạo.
Hỏi thử trai Nam có thẹn thò.
Mộc mác ra tay đều thế cả,
Còn đàn quan-lại giống tham-ô ?

Vịnh cảnh Hương-cảng (Hongkong [1])

Ngoạn cảnh Hồng-công thú mấy chừng,
Bể mông-mênh nước núi từng từng.
Nhà men sườn núi chen đông ních,
Đèn tít lưng trời rạng sáng trưng.
Mà-chược [2] thôi-thôi [3] xoa chi-chát,
Sế-phô [4] à-à [5] dạo tưng bừng.
Lý-tài đến đấy là nơi riết,
Mang bạc [6] ra ngoài lệ cấm phăng.

Vịnh cái bồ-dìn

Chỉ ngọn cỏ ra [7] bốn mặt an,
Anh-hùng [8] một đứng mới là gan.
Thương dân cày cuốc lầm than khổ,
Dẹp lũ chim muông lúc nhúc đàn.
Bao quản vòng pha cơn nắng gió,
Một mềm trông sóc lấy giang-san.
Cười ai gầm thét ai bòn-tầu,
Đã ích gì chưa đến thế-gian ?

Vịnh My-Ê

Mảnh bạc chan đào dải nước xanh,
Nước xanh lai láng biết bao tình.
Tấm thân chót đã loài hèn yếu,
Muốn thẹn gì hơn buổi chiến-tranh.
Một cuộc tang-thương thôi vận nước,
Trăm năm tiết-nghĩa cũng lòng mình.
Đoái xem thiên-hạ bao thần-thiếp,
Càng lúc suy càng kiếm lợi-danh.

Hữu-Tô PHẠM XUÂN-NÙNG

---

(1) Hồng-công tên Tàu là Hương-cảng 香 港, chữ Anh viết là Hong-kong.
(2) Mà-chược là thứ bài ở Hong-kong đánh như tổ-tôm.
(3) Thôi là bàn, thôi thôi là bàn ấy bàn khác.
(4) Sế-phô là con đĩ.
(5) Con này con khác đi lại lòe loẹt
(6) Lệ Hong-kong cấm mang bạc xuất-khẩu.
(7) Ở các ruộng ngô, ruộng đậu hay nương giồng, giọt chỉ, người ta hay làm thằng bồ-dìn cầm ngọn cỏ lá chỉ ra để dọa những con chim đến phá giống của người ta deo vàng.
(8) Tục ngữ có câu « *anh-hùng rơm* », vậy mượn vào đây mà ta anh bồ-dìn rơm, cầm cỏ đuổi quạ, ra điều tự-tin rằng có ích cho thế-gian về sự canh-nông, hơn người ta gầm thét chạy chọt mà đuổi chẳng được chim.

Chơi Sầm-sơn

Khen ai đặt cảnh khéo cheo-leo,
Góc bể soài ra một trái đèo.
Nhấp-nhố ngoài khơi anh lưới vét,
Lom-khom sườn núi chú tiều leo.
Xe đưa ngựa đón lầu san sát,
Gió thổi trăng lên sóng phập-phều.
Khói tỏa đầu non đền Độc-cước,
Kia cò hóng mát cái lưng eo.

Cái sáo diều

Khen cho cái sáo thật nghênh ngang,
Riêng một phương lên đứng vững vàng.
Ngất ngưởng trên cao ngồi chẳng vẽ,
Bi-bô tấu đối miệng thời sang.
Bẩm-sinh vốn đã thân là trúc,
Lên tiếng người nghe lưỡi có gang.
Mây gió nay mừng duyên hội-ngộ,
Dữ như ôn-dịch cũng kinh-hoàng.

Học-tăng TRẦN NHẬT-TỈNH
Tri-phủ Phổ-yên (Thái-nguyên)

Vịnh cảnh Lương-tài

Tốt thay phong-cảnh huyện Lương-tài.
Coi bộ mười anh kiết cả mười :
Vay xỏ Cai-Cơ lười quá hủi,
Tiêu hoang Đội-Lệ nợ như rươi.
Quan-nha cứ tháng dòm lương hết,
Tổng-lý quanh năm quịt tết hoài.
Dân sự bỗ lao rau lại cháo,
Khó lòng bóp được mấy hao sai.

PHẠM XUÂN-KHÔI
Tri-huyện Lương-tài (Bắc-ninh)

Thơ mặt trời

Ông to ông vẫn ở trên đầu,
Ông đứng ông trông khắp địa-cầu.
Ông sáng ông soi quanh bốn bể,
Ông đi ông lại suốt năm châu.
Sớm ngày ông mọc dân theo dậy,
Hôm tối ông tà nguyệt chiếu sau.
Vì chẳng nhờ ông ơn sáng ấy,
Nhân-quần mờ-mịt biết chi đâu.

Phong-cảnh Vị-xuyên

Thần thơ dạo gót buổi trời thanh,
Cảnh Vị-hoàng-giang cảnh khéo xinh.
Hương thoảng mùi sen hồ cạnh chợ,
Gió lay làn cỏ miếu bên đình.
Bốn bề bốn giáp lầu thư-tịch,
Hai ngả hai chùa gác kệ kinh.
Nhân-kiệt địa-linh này thắng-cảnh,
Đất nhà ta vẫn đất công-khanh.

Vị-xuyên VŨ HUY-MINH

VĂN XUÔI

Lời mừng cuộc toàn-thắng của Đồng-minh

Trời trao cái cân Công-lý cho nước Lăng-sa ta để phò-trì lấy nhân-đạo, bình-vực lấy tự-do cho khắp cả loài người trên mặt đất ; thuận ấy là bạn, nghịch ấy là thù.

Quân Đức trái trời, ỷ cường-quyền đoạt công-lý, phạm trung-lập [1] của nước Ben-gich (Belgique), chiếm chủ-quyền của nước Sẹp-bi (Serbie) ; chực toan nuốt sống toàn-cầu, vỏ nhàu ước-pháp [2]. Nước Lăng-sa ta mới phải kéo cờ hỏi tội, nổi trống phục thù,

(1) **Phạm trung-lập**, 犯中立. Phép chung muôn nước, trong khi hai bên đánh nhau, thì những nước nào không dự vào cuộc đánh ấy gọi là « trung-lập », hai bên không bên nào được xâm-phạm ; bên nào xâm-phạm đến những nước ấy gọi là « phạm trung lập ». VIOLER LA NEUTRALITÉ

(2) **Ước-pháp**, 約法. — Phép luật chung của các nước giao-ước với nhau lập thành ra, buộc nhau cùng phải giữ. — CONVENTION INTERNATIONALE.

cả nước một lòng, nhất sống nhì chết, liều thân-gia tánh-mạng mà chuộc lấy cái lịch-sử văn-minh mấy mươi thế-kỷ, cái hạnh-phúc hòa-bình mấy giống con người. Tiếng nghĩa vang-lừng, năm biển ứng hết : nào Nga, nào Anh, nào Ý, nào Lỗ (Roumanie), cho đến Nhật-bổn ở châu Á, Hoa-kỳ ở châu Mỹ, thảy đều khôn giúp mưu, mạnh giúp sức, có của giúp của, có người giúp người, vì nhân-đạo, vì tự-do, hiệp-lực đồng-tâm mà quyết thắng với kẻ thù chung trong thế-giới.

Quả-nhiên ! trời xui khiến vậy, công-lý bao giờ cũng vẫn thắng, cường-quyền bao giờ cũng vẫn thua. Tàu ngầm hết khôn, thuốc ngạt mất độc ; bùm gầm beo rống mấy trăm vạn, đánh nanh mài vuốt mấy chục năm, làm cho vợ người phải góa, con người phải côi, trai ruộng phải bỏ cày, học-trò phải quăng bút, đường buôn ủng-tắc, sưởng thợ tan hoang, loài người phải chịu cực chịu khổ, suốt năm mươi ngoài tháng trời, cố dấm ăn xôi, rút cục lại cũng đến cúi đầu chịu phép.

Ủa lạ ! Sơ-đan (Sedan) là chỗ nào ? phải chỗ bốn mươi tám năm về trước quân Đức day tay mắm miệng chảnh-hoảnh mà yêu-cầu ta những điều-khoản ngặm cay nuốt đắng đó không ? mà bây giờ qui gối xin hàng, đôi tay cung-kỉnh đem nộp máy bay, tàu lặn, đường hỏa-xa, súng đại-bác cho ta, cái trận thắng-lợi cuối cùng của ta cũng chính tại chỗ ấy. Người An-sác Lo-ren (Alsace-Lorraine) bốn mươi tám năm nay không được thấy quê hương đất tổ, chung một hòn máu đỏ mà thiệt-thòi riêng ở tay dưới giống Điêu-đương (Teutons), nay lại được cha giết con vợ giết chồng, cùng với bà-con giòng họ nước nhà cùng hú-hí dưới bóng ngọn cờ ba sắc. Cơ trời báo-phục, ghê thật là ghê ! Nhân-đạo mất rồi lại còn, tự-do chết rồi lại sống.

Ôi ! lấy Ben-gich mà cự cùng quân Đức, khác nào trứng chọi đá, chấu đá voi ; thế mà trên chí dưới, vua chí dân, cam sống-thác với thành-trì, không cho quân giặc tiến lên được một bước. Ý cùng Đức, Áo, vốn là ba nước liên-minh ; thế mà vì công-phẫn [1] phải bỏ tư-giao [2], chẳng những không theo phe nhập bọn với loài gian, mà lại cố đứng mũi chịu sào cùng quân nghĩa. Người Mỹ trọng bình-hòa, ở riêng một phương trái đất ; thế mà vì nghĩa-khí phải vào sanh ra tử, vận người tải của, giúp Đồng-minh cho chóng diệt lũ man-di. Quân Đức nó có nhè đâu bầy trăm vạn lục-quân hoành-hành trên đại-lục [3], mà trụy ngay một trận đầu với tay quan Nguyên-soái Giốp (Joffre) ta ở trên sông Mạc (Marne), lụn hết một trận nữa với tay quan Thống-tướng Phốc (Foch) ta ở cạnh sông Som (Somme). Nó có nhè đâu hải-quân năm nào cũng tăng, thiết-giáp năm nào cũng đóng, vẫn lăm le dành quyền biển với nước Anh, mà một trận tan-tành, bị hạm-đội Đồng-minh khóa chặt ở trong vùng Bắc-hải, đến nỗi hai mươi mấy tháng không tải vào được một hột lương thực, không lọt ra được một chiếc tàu buôn. Nó có nhè đâu oai-quyền chuyên-chế, bóp bẹp nắn mềm dân Đức-ý-chí đã sáu mươi hơn năm, mà nội-loạn thình-lình, nổi ngay bên kẽ nách.

Nói tóm lại, trận đánh này gây ra là cường-quyền địch cùng công-lý, mà

---

(1) **Công-phẫn**, 公憤 Giận chung cái việc ai cũng lấy làm tức. – HAINE COMMUNE ; RÉPROBATION PUBLIQUE.

(2) **Tư-giao**, 私交. – Tình chơi riêng với nhau. – RELATIONS PRIVÉES.

(3) **Đại-lục**, 大陸. – Miếng đất liền lớn, năm châu trong thế-giới, gọi là « nam đại-lục ». – CONTINENT.

trận đánh này chung-kết là công-lý thắng đặng cường-quyền. Ta mừng cường-quyền thua, công-lý thắng. Ta chúc nước Lăng-sa ta vinh-quang hách-dịch, đời-đời kiếp-kiếp, cầm cân công-lý, đừng cho có cường-quyền giày đạp đến loài người trên mặt đất ta.

TUYẾT-HUY

Quang-cảnh ngày hội mừng đình-chiến ở Hà-nội

Ngày 15 tháng 11 năm 1918 Tây, tức là ngày 14 tháng 10 năm thứ ba niên-hiệu Khải-Định ta. Đó là ngày Nhà-nước Bảo-hộ mở hội khánh-hạ tại thành-phố Hà-nội, mừng Đồng-minh đã toàn-thắng, quân giặc chịu khất hòa, mà quân đôi bên đều đình-chiến vậy. Hôm ấy giữa ngày chủ-nhật, nhà thờ rung chuông, hàng phố cheo cờ, sở nào sở nấy đều nghỉ việc, người Tây người Nam đi lại ngoài đường như mắc cửi, cao-xu chen bánh, ô-tô réo còi, coi xem cảnh-tượng rất vui vẻ. Không biết thế nào mà tả cho xiết! 9 giờ sáng, bắt đầu mở hội, điểm binh tại bãi chân cột cờ trong thành, ta cùng mấy người anh em dắt nhau đi xem. Tới nơi thấy trong thời cờ bay như bướm, mà bốn bề thời vòng trong vòng ngoài, xúm đông xúm đỏ, coi đông như kiến vậy. Chốc thấy đội quân-nhạc nổi kèn chống, cất tiếng hát khúc ái-quốc-ca, dứt tiếng, các quan binh đội nào đội ấy, vén quân sắp hàng vác súng, diễu quanh trong vòng binh. Đội lính Tây đi tiên-phong, thứ đến khố-đỏ, pháo-thủ, kị-mã, lục-tục tiến hành. Cuối đến học-trò võ-bị cũng trang-sức đồ quân-phục đi đốc hậu. Coi khí-tượng rất là nghiêm-chỉnh hùng-tráng. So với mọi khi, thể-thế lại có ý oai-vệ hơn. Không cứ người Tây người Nam, ai nấy cũng đều lấy làm vui lòng thích mắt cả. Khi đó, ta trông thấy vậy, bụng vui không biết thế nào là chừng. Trông lên cột cờ, xực nhớ ra 40 năm trở về trước, lệ Quốc-triều ta, năm năm cứ lấy ngày mồng một tháng hai điểm binh, cũng ở chỗ này, thủa nhỏ được xem, phảng-phất cũng vẫn còn nhớ tưởng-tượng: Trong thời có nhà Kinh-thiên, trước mặt thời có một cái lầu cao, gọi là lầu năm cửa. Khi điểm binh, hàng lính thời áo xanh, bao vàng, dao tu, nón dấu; hàng cai ngũ thời áo nỉ, đeo gươm, cầm cờ, vác súng, chia thành từng cơ từng vệ, bày ra các đội các ngũ, khắp cả trong một chỗ này; các quan võ tự hàng quản-cơ cho chí suất-đội thời cơ nào coi cơ ấy, đội nào coi đội ấy, mà lãnh-binh đề-đốc thời mặc giáp đội mũ, đứng đôi bên lầu phất cờ hiệu-lệnh, các cơ các vệ, đội nào đội ấy, trông theo ngọn cờ, phất về bên tả thời lộn sang bên tả, phất về bên hữu thời lộn sang bên hữu, dáo dựng gươm trần, trống dong cờ mở, ngựa voi chật đất, tàn quạt dợp trời, diệu-võ giương oai, dong-nghi hách-dịch, thủa nhỏ coi xem, kể đã lấy làm thích ý lắm! Thế mà so với bây giờ, thời trăm phần tinh không kịp một, xem thế mới càng tỏ cái binh-oai của Đại-Pháp, thiệt là hùng-cường, chẳng trách rằng rất có danh tiếng với hoàn-cầu, mà thiên-hạ vô-địch là phải lắm!

Đúng 12 giờ trưa, phát 61 tiếng súng đại-bác, bắn mừng tại bờ sông, người trong thành-phố, không cứ đàn ông đàn bà, kẻ già người trẻ, không ai bảo ai, mà toán này toán khác, dắt díu nhau đi, lũ nọ lũ kia, đến như nước chảy, suốt giọc bờ sông, người đứng chen vai, chật như nêm cối. Súng nổ dùng đùng, chưa đầy một giờ đồng hồ, mà đã bắn xong cả 61 phát, nhanh nhẹn biết có giá nào! Bắn xong, pháo-thủ xe súng kéo trước, người xem hớn hở theo sau, cảnh-tượng vui mừng, coi chẳng khác gì trong khi thắng-trận khải-hoàn, mà dân tình đua nhau đón rước vậy.

Bốn giờ chiều, học-trò các tràng, họp lại cả thảy chừng độ ngót 200 người, đến trại hàng hoa, nghe kèn thưởng hoa, đoạn rồi diễu quanh phố-phường, đến chào mọi sở, một là để hoan-nghênh cái cuộc toàn-thắng của Đồng-minh, hai là để giãi tỏ cái sự vẻ-vang của Đại-Pháp. Vui vẻ thay! sung-sướng thay! Nghi-dong đoan-chỉnh, trang-mạo nghiêm-trang, coi toàn thị là những bậc thông-minh tuấn-tú, mắt ta càng nhìn càng thích, bụng ta càng nghĩ càng mừng, chắc rằng sau này hưởng thụ cái hạnh-phúc hòa-bình, bậc thiếu-niên này thế nào tất cũng có phận. Ấy cái quang-cảnh ban ngày như vậy, mà quang-cảnh ban đêm, mới càng thú nữa! Ngoài sông thời đốt cây bông, tiếng vang rậy đất, nổ vọt lưng trời, khi thì nổ hóa chiếc đèn, khi thì nổ thành quả bóng coi như sao chớp nhoáng, ánh sáng rực một góc trời, người xem ai ai cũng đều ngợi khen, lấy làm sướng mắt. Nhất là xung quanh bờ Hồ Hoàn-kiếm, phàm bao nhiêu cây, không kỳ cây lớn cây nhỏ, đều treo đèn xếp, tự dưới chí trên, không hề hở một quãng nào, ngắm suốt bốn bề hàng nghìn hàng vạn, chiếc đỏ chiếc xanh, cảnh thú không biết thế nào mà hình-dong, coi tưởng như cái quả văn-minh, nay đã kết thành rực rỡ, mà trông xuống dưới nước thời rừng rực bóng vàng nhấp nhánh ở trong làn sóng, coi như con rồng vàng uốn-éo, giương vây vươn móng lại cắp gươm thần vậy.

Than ôi! đất Âu khói bụi, bể Thái cát lầm, gió tanh mưa máu, trong bấy nhiêu năm, những lo cùng sợ, những chúc cùng mong, bất-đồ nay lại có một ngày được trông thấy cái quang-cảnh vui vẻ thế này, ai ai mà chẳng hoan-nghênh? ai ai mà chẳng thỏa thích? Nhưng ta được trông cái quang-cảnh ngày nay, mà ta lại càng nhớ đến những người gối tuyết nằm sương, mà ta lại càng nghĩ đến những kẻ tựa yên gối trống, chẳng biết ở trong chiến-trường có biết ngày nay ta có những quang-cảnh vui-vẻ thế này chăng? Nếu mà biết ra, ta tưởng tất cũng phất cờ múa súng, mà bảo nhau rằng: nay những người xứ ấy sở-dĩ có cái vui vẻ ấy, chính chỉ bởi tự chúng ta ra tử vào sinh xông pha ở trong súng sấm đạn mưa, mới mua chuộc được cái hạnh-phúc đó vậy. Ta trông quang-cảnh, ta động lòng xa, nhân cầm bút viết bài ký để biểu-giương cái công trạng của những kẻ tùng-chinh, và tỏ bày cái oai-linh của nhà nước Đại-Pháp.

NGUYỄN-HỮU-LÃNG *lai-cảo*

Xa nghe con cuốc nó kêu

Lúc bấy giờ bóng chiều đã sế, một mình ta đi săn trở về, chân đã thấy mỏi, đường về còn xa, bèn ngồi nghỉ bên sườn núi.

Nhân gặp cảnh chiều buồn bã, mối sầu riêng vì nỗi xa cách quê hương như gợi như khêu; bỗng đâu xa nghe trong bụi dưới thung có tiếng cuốc kêu ra-rả, ta bèn làm khuây mà hỏi cuốc rằng:

« — Chàng cuốc, cớ sao cũng cùng là loài chim, các giống khác thì vui vẻ như thế, mà chàng thì cứ âu sầu, hết ngày ấy sang tháng khác không mấy khi dứt được tiếng kêu ai-oán? Hay chàng có nỗi sầu riêng, nói cho ta biết. »

Cuốc rằng: « — Hỡi chàng trẻ tuổi kia, xem ra chàng có học-thức, lẽ nào chàng lại không rõ là ta cùng loài người cũng cùng trong tay một người thợ mà ra, con cùng một cha, đi với nhau cùng một đường? Tạo-vật phó cho người cái gì thì ta cũng có cái ấy;

người sinh có kỳ, tử có hạn, ta sinh cũng có kỳ mà tử cũng có hạn : người có cảm-giác ta há dễ lại chẳng biết đau đớn, biết vui sướng, biết no đói hay sao ? Người tuy khác ta là người lớn ta bé, song đối với tạo-vật kia, dẫu chẳng ruột thịt song cũng anh em một nhà.

« Thế mà loài người đối với các loài khác mỗi ngày mỗi tệ, khiến ta không thể không ta-thán được.

«Người nay tự-phụ là chúa muôn vật ở trong vũ-trụ, vì người tin là người có tri-thức và có tiếng nói để giao thông. Lầm lắm thay ! Lầm lắm thay ! Ta há lại chẳng có tri-thức, có tiếng nói hay sao ? Người tụ họp thành nước, ta tụ họp thành bầy ; người có vua, có tôi, ta cũng có quan, có chúa ; há chẳng có tri-thức, có tiếng nói mà thành-lập được như thế ư, hở chàng? Thiệt vì người không hiểu tri-thức, không hiểu tiếng nói của ta, cũng như ta không hiểu tri-thức, không hiểu tiếng nói của người mà thôi vậy.

«Người tự-phụ như thế thực là quá-đáng ; vả chàng thử xem cho kỹ thì biết là vạn-vật đều không phục cả. Bé như con ong, như cái kiến, thiệt người giết nó dễ hơn trúc chẻ ngói tan, thế mà thỏ đâu nó đốt đấy. Lại còn biết bao nhiêu là các loài khác nhỏ quá, mắt người trông không thấy, nó cũng sâu cũng xé, làm cho mất cái mộng-tưởng cao-sa vô-hạn ấy đi, thế mà loài người vẫn chưa tỉnh-ngộ !

« Đối với muôn vật đều là tàn-bạo, thực là thi-hành cái chánh-sách ưu-thắng liệt-bại [1] cả.

« Xưa kia người còn biết nghĩ, còn biết người ở phải có nhà, thì ta ở phải có tổ. Nay người nói có học cách-trí, vệ-sinh, nên người phá hoang biết bao nhiêu rừng ruộng, để làm những đường ta không đi đến ! Đã biết bao nhiêu những cảnh nên thơ nên họa của tạo-vật mà nay người đã phát đi, đã vùi đi để xây dựng lên những cái nhà sầu-thảm kia là chốn loài người dam lấy loài người !

« Đối với Tạo-vật là chúa thiêng-liêng đã sinh dưỡng ra muôn vật trong vũ-trụ mà người còn dám quả quyết rằng có ngày người sẽ thu nhập vào trong quyền-hạn của người ; cái ngông ấy thực là mênh-mông như trời cao, như bể rộng, biết lấy gì mà đo cho cùng ?

« Ôi ! người nói là chỉ có loài người có tôn-giáo, có luân-lý, vậy thì chàng trẻ tuổi kia, cái tôn-giáo cái luân-lý của người nó dạy cái chi chi?

« Đối với muôn vật người tàn-nhẫn, người tự mình mà tác-nghiệt, tự bắt muôn vật phải chống lại với người, thế mà người dám thác-ngôn là cuộc đời là cái chiến-kịch-vô-hạn, cuộc đời là cái bể trầm-luân của tạo-vật đã đầy người xuống đấy. Thực là vô ơn vậy !

« Người tự khen là tài hơn vạn-vật, song ta tưởng những cái tài ấy chính là cái biểu-hiệu sáng suốt của cái dã-tâm [2] của người.

« Kia chàng thử coi như cái súng chàng cầm, đó cũng thực là một cái tài của loài người thật ; song ta thử hỏi chàng nói dùng để làm chi ? Nếu chàng nói là dùng để giữ thân giữ nước, thì tỏ ra rằng loài người tham-lam vô-hạn. Thực là cái ô-danh [3] chớ

---

(1) **Chính-sách ưu-thắng-liệt-bại**, 政策優勝劣敗. Cái lối cay mình hơn hiếp kẻ kém, không thương gì ai cả, cứ mình hơn thì mình an, nó kém thì nó thua

(2) **Dã-tâm**, 野心. — Bụng tham-lam, tàn-ác.

(3) **Ô-danh**, 污名. — Tiếng nhơ, lam điều xấu để tiếng xấu lại về sau.

không phải là cái vẻ-vang vậy. Ta ở tồ ta, trừ ra người đừng tàn-phá, không hề bao-giờ có giống gì khác đến tranh lấy của ta.

« Cớ sao loài người lại hay tranh cướp lẫn-nhau ? Cái đó ta chắc không được công-bình bằng các loài khác.

« Nếu chàng nói cái súng của chàng dùng để đi săn bắn, thì thực là một cái ác-tâm của loài người, tức là cái đại-tai cho muôn vật.

« Vậy thì cái văn-minh của người là cái chi chi ? »

TRẦN-HIỀN.
Phán-sự tòa sứ tỉnh Cao-bằng.

DỊCH HÁN-VĂN

I

Lời Tô-Tần nói với Triệu Huệ-vương

(Dịch *Chiến-quốc-sách*)

Triệu đánh Yên, Tô-Tần thay lời Yên sang nói với Triệu Huệ-Vương rằng :

— Hôm nay kẻ hạ-thần sang đây, đi qua sông Dịch-thủy, thấy con trai đương lên hóng, thời con cò mổ ngay vào thịt. Con trai liền cặp lại, bó lấy mỏ con cò ; con cò mới nói rằng : « Ngày nay chẳng mưa, đến mai chẳng mưa, tất có lúc trai chết ». Con trai cũng bảo rằng : « Ngày nay không kéo được mỏ ra, ngày mai không kéo được mỏ ra, tất có lúc cò chết ». Hai con không chịu buông tha nhau, chàng đánh cá ta được dịp mà bắt cả đôi. Nay nước Triệu đánh nước Yên, hai nước giữ nhau mãi, kẻ hạ-thần này e rằng nước Tần mạnh kia sẽ làm chàng đánh cá vậy. Cho nên đến xin vua nghĩ cho chín đã. Huệ-Vương khen rằng phải, bèn thôi binh.

II

Lời Giang-Nhất thưa với vua Kinh Tuyên-vương

(Dịch *Chiến-quốc-sách*)

Kinh Tuyên-Vương hỏi các quan triều rằng :

— Trẫm nghe người Bắc-phương sợ Chiêu Hề-tuất, quả thực như thế nào ?

Các quan triều không ai trả lời được cả. Giang-Nhất thưa rằng :

— Con cọp đi tìm các con thú khác để ăn, vớ được con cáo, cáo nói rằng : « Bác không dám ăn thịt tôi đâu, Chúa Trời ngài khiến tôi coi các loài vật, nay bác mà ăn thịt tôi là trái với mạnh Chúa Trời đó. Bác không tin tôi, thời tôi đi trước cho bác theo sau, thử xem các giống vật trông thấy tôi mà có con nào lại không phải chạy hay không ? » Cọp ta tưởng thế thực, bèn cùng đi, các giống vật trông thấy đều chạy cả. Cọp không biết rằng các giống vật sợ mình mà chạy, lại cho là sợ con cáo. Nay Kim-thượng ngài có đất năm nghìn dặm, quân giáp trăm muôn người, mà giao cả cho ngươi Chiêu Hề-tuất. Người Bắc-phương sợ Chiêu Hề-tuất đó là sợ quân giáp của nhà vua, cũng như các giống vật sợ là sợ cọp vậy.

MÀN CHÂU *dịch*

THỜI-ĐÀM

Đình-chiến và nghị-hòa. — Thế là xong chiến-tranh bên Âu-châu ! Sự gì cũng phải có ngày kết-cục : cuộc chiến-tranh kia đã diên-mạn đến bấy lâu, tưởng dễ không bao giờ cùng, thế mà có trong khoảng mấy tuần, tin đình-chiến kế nhau vùn-vụt, ước nghị-hoà sắp ký nay mai. Lúc vững thì vững như vậy, mà lúc đổ thì đổ mau thay. Có lẽ lúc đứng càng vững bao nhiêu thì khi đổ lại càng mạnh bấy nhiêu vậy. Nước Đức kia mấy tháng trước kiêu-căng như vậy, hùng-dũng như vậy, mà nay phải qui gối xin hàng. Mới xét thì lấy làm lạ thật, nhưng xét kỹ ra thật không ra ngoài cái lẽ tất-nhiên của trời đất. Người ta không phải là tạo-vật, không thể vô-cùng bất-quyện được. Dù mạnh đến đâu cũng có ngày yếu, dẫu khoẻ đến đâu cũng có ngày thua. Người Đức kia không hiểu lẽ đó, cậy ở cái sức mạnh của mình đã dự-bị trước người trong mấy mươi năm, tưởng mình là vô-địch, dám ra đương với cả thế-giới chiến-tranh. Một được, hai được, tưởng được mãi không cùng. Không biết quả địch chúng sao nổi, quá cậy mình có lúc không cứu được mình, dùng sức quá có ngày sức chẳng kham. Tẻ ra đến lúc đã ẹp thì không cất đầu nổi, dẫu nhục-nhằn thế nào mà chẳng phải chịu, nhục-nhằn cho bõ lúc kiêu-căng. Ấy cái lịch-sử nước Đức trong bốn năm nay đại-khái như thế. Lúc mới đầu mình khoẻ hơn người, mà rồi sau không ngờ người mạnh hơn ta. Tưởng đã khoẻ cứ khoẻ mãi, không cùng : sao khôn những gì mà khờ đến vậy, hỡi Đức-nhân ?

Cái triệu-chứng sự thất-bại của đảng Đức thật phát-hiện ra tự bốn năm tháng về trước, như trong bài luận trên kia đã nói vậy. Nhưng cái hiện-tượng sự thật-bãi ấy thì mới bắt đầu từ cuối tháng chín tây. Từ cuối tháng chín, qua một tháng mười, sang trung-tuần tháng mười một, trước sau có trong khoảng sau tuần lễ mà bốn lần khất đình-chiến, bốn lần xin hàng quân ! Chóng thay ! Đảng Đức, Áo, Thổ, Bảo, trước tưởng gắn nhau như keo sơn, mà sau dời nhau như ngói tan gạch đổ vậy. Nay xin theo thứ-tự thuật qua cái hiện-tượng sự thất-bại của đảng Đức trong một tháng rưỡi ấy như sau này.

Cuối tháng chín quân Đức đương thua ở mặt Tây (mặt trận Pháp), bao nhiêu quân trước đem sang mặt Đông để cứu-viện cho quân Bảo (Bulgarie), quân Thổ (Turquie), phải rút dần về Tây cả, chỉ để lại một ít quân-quan súng đạn mà thôi. Hai nước kia, nhất là nước Bảo, thế không sao đương nổi với quân Đồng-minh đàn-áp bốn bề, đành phải xin hàng. Tờ đình-chiến của Bảo ký ngày 30 tháng 9 tây, các điều-khoản đại-khái như sau này :

1° Quân Bảo hiện chiếm đất nước Tắc (Serbie) và nước Hi-lạp (Grèce), phải rút về lập-tức ;

2° Nước Bảo phải hạ-lệnh bãi-quân trong nước ;

3° Đồng-minh được quyền kiểm-điểm các quân-đội, và giữ cả một nơi ;

4° Bao nhiêu đường giao-thông, tàu thủy, xe lửa phải giao hết cho Đồng-minh, được tự-do đi lại trong khắp nước Bảo ;

5° Các nơi hiểm-yếu phải để quân Đồng-minh giữ ;

6° Quân Anh, quân Pháp, quân Ý giữ trong nội-địa nước Bảo, quân Hi-lạp giữ các địa-hạt thuộc nước Hi-lạp, quân Tắc giữ các địa-hạt thuộc nước Tắc.

Các điều-khoản ấy đều thuộc về việc quân cả, còn những sự điều-đình về chánh-trị thì đợi đến khi nghị-hòa.

Sự nước Bảo hàng đó, thật là một miếng đau cho nước Đức, tự bấy giờ đã biết thân trước rằng không sao đứng vững được nữa rồi. Vì Bảo hàng tất Thổ cũng phải hàng, Thổ không có Bảo đứng giữa thì đường giao-thông với Đức nghẽn, đường giao-thông với Đức nghẽn thì lấy đâu có quân cứu-viện mà cố đánh được nữa ? Thế nào sớm trưa cũng phải xin đình-chiến mà thôi. Đến nước Áo kia thì quân-sự đã không ra gì, bị quân Ý đánh nhiều trận thua luôn, nội-tình lại nguy lắm nữa, dân Hung (Hongrie) phân lìa với nước Áo, nội-loạn khởi lên tứ tung, sớm trưa cũng đến nối gót Bảo Thổ mà khất hàng mới xong. Lại đoái xét đến mình là nước Đức tuy cái gan có cứng hơn một chút mà tình-trạng có khá hơn gì bọn kia ? Đã mấy tháng nay đánh trận nào thua trận nấy, dân nao nao muốn loạn, Uy-liêm kia cũng không chắc có còn giữ được ngôi vua nữa hay không. Bấy giờ coi cái tiền-đồ đã nguy hiểm quá, mới ngỏ lời muốn giảng-hòa với Đồng-minh. Nhờ công-sứ nước Thụy-sĩ (Suisse) ở kinh-đô Mĩ đưa quốc-thư cho quan Giám-quốc Mĩ xin giảng-hòa. Quan Giám-quốc trả lời hỏi lại nước Đức hai điều rằng : 1° nước

Đức có công-nhận mười bốn điều về sự hòa của quan Giám-quốc đã tuyên-bố trong bài diễn-thuyết ở quốc-hội nước Mĩ hồi tháng giêng trước không ? 2° Nước Đức có thay đổi chánh-thể trong nước thế nào khiến cho những người đứng đầu chánh-phủ thật là những người thay mặt dân, không phải là người một phe một đảng, thì Đồng-minh mới chịu giao-thiệp, chớ cứ như những bọn đương-đạo nước Đức bây giờ thì thế-giới không thể tin được. Nước Đức đáp xin nhận cả hai điều. Nhưng quan giám-quốc Mĩ lại bác lại rằng tuy vậy mà cái chánh-thể nước Đức vẫn chưa thấy thay đổi hẳn về đường dân-chủ, Đồng-minh chưa thể tận-tín được.

Trong khi bấy giờ thì quân Thổ ở mặt kia đã cùng-kiệt quá, phải xin hàng. Ngày 30 tháng 10 ký tờ đình-chiến ở Anidros. Quan thủy-quân-nguyên-súy nước Anh Calthorp, coi hạm-đội Đồng-minh ở bể Egée thay mặt cả Đồng-minh, bắt nước Thổ phải chịu những điều-khoản như sau nay, nặng hơn các điều trong tờ đình-chiến của nước Bảo trên kia. Mấy điều đại-khái như sau này :

1° Phải mở hai eo bể Dardanelles và Bosphore cho tàu Đồng-minh tự do đi lại ;

2° Cả hải quân Thổ phải giao lại cho Đồng-minh ;

3° Các nơi hiểm-yếu quân Đồng-minh được đóng ;

4° Nước Thổ phải lập-tức hạ-lệnh bãi quân, chỉ trừ những quân cần dùng để cảnh-sát trong nước và giữ các địa-giới ;

5° Đồng-minh chiếm giữ các đường tuy-đạo (*tunnels*) ở dẫy núi Taurus ;

6° Quân Thổ ở miền Tây-Bắc nước Ba-tư (Perse) phải rút về ;

7° Một phần quân Thổ đóng ở đất Transcaucasie phải rút về (Nếu Đồng-minh xét cần phải rút cả thì nước Thổ cũng phải rút cả) ;

8° Các sở điện không giây và các đường giây thép bể, Đồng-minh được quyền kiểm-tra, trừ những điện của chánh-phủ Thổ thì thôi ;

9° Đồng-minh được quyền kiểm-tra các đường xe lửa ;

10° Đồng-minh được chiếm giữ hai thành Bakoum và Bakou ;

11° Những quân Thổ đóng ở các thành đất Hedjaz, đất Syrie, đất Mésopotamie, đất Yémen, đất Assir phải ra hàng hết ;

12° Quân ở đất Galicie phải rút về ;

13° Các cửa bể phải hàng hết ;

14° Trong hạn một tháng bao nhiêu người Đức người Áo ở Thổ phải trục-xuất hết ;

15° Những quân-lính bãi về và khí-giới thu lại, Đồng-minh được quyền kiểm-tra ;

16° Đồng-minh phải một quan đặc-sứ để xem xét công việc trong bộ lương-thực (*ministère des approvisionnements*) nước Thổ ;

17° Những tù-binh Thổ Đồng-minh vẫn giữ, không trả lại ;

18° Những người thường-dân bị bắt cùng những tù-binh đã quá tuổi đi trận thì Đồng-minh sẽ liệu châm-chước có nên tha thì tha ;

19° Nước Thổ không được giao-thông với Đức Áo nữa ;

20° Trong sáu quận đất Arménie, nếu có sự nhiễu-loạn gì sảy ra, thì Đồng-minh được quyền đem quân đến chiếm giữ.

Cách Thổ ba bốn ngày, kế đến Áo lại xin hàng nốt. Tờ đình-chiến ký ngày 3 tháng 11. Quan thống-tướng quân Ý Diaz thay mặt Đồng-minh định các điều-khoản, lại nặng hơn nước Thổ nhiều. Mới biết trong cuộc hòa này anh nào càng đến chậm càng chịu khổ hơn anh trước, cái lẽ thường là thế. Anh đến sau cùng mới lại cực thay !

Các điều-khoản đình-chiến của nước Áo đại-lược như sau này :

1° Quân Áo phải bãi-chiến ngay ở trên đất, ở dưới bể và ở trên không ;

2° Phải hạ-lệnh bãi quân và rút ngay các quân hiện đương đánh ở mặt trận từ bể Bắc-hải (Mer du nord) cho đến đất Thụy-sĩ (Suisse) (tức là các quân của Áo sang đánh giúp Đức) ;

3° Trong nội-địa nước Áo binh-lực phải rút cho bằng cái số trước khi chiến-tranh ;

4° Một nửa đồ quân-dụng và đồ pháo-binh phải đem tập-hợp lại một nơi Đồng-minh chỉ cho, rồi trao cho Đồng-minh giữ, hễ bắt đầu ngay các đồ quân-dụng ở những đất phải rút quân về ;

5° Rút quân ở các bạt đất Oural đã chiếm từ khi mới chiến-tranh ;

6° Quan Thống-tướng các quân Đồng-minh định cho một hạn bao nhiêu ngày, hết thảy các quân Áo phải lùi về đứng theo một con đường như sau này : bắt đầu từ phía bắc *Stelvio*, theo giọc đỉnh núi *Alpes Réthiques* cho đến nguồn sông *Adige* và sông *Eisach* ; tự đó qua núi *Reschen*, núi *Oetz*, đến *Zoalle* quặt về phía nam, chạy ngang núi *Tolbach*, gặp đường phân-giới của núi *Alpes Carniques*, theo mãi cho đến núi *Tarvis* và con đường chia nguồn nước ở đèo *Podberdo* và *Idria* ; lại quặt về hướng *Schneeberg*, để cả vùng cái lũng sông *Save* cùng các chi-lưu sông ấy ra ngoài ; rồi tự đó theo đường phân-giới đất

Dalmatie, gồm cả các tỉnh-thành cùng các đường sông chảy về *Sebenitz*, lại bao cả các địa-hạt, các tỉnh-thành cùng các đèo ải ở phía bắc đất Dalmatie, chỉ trừ mấy cái đảo *Zirona*, *Bua*, *Solta* và *Bressa*;

7· Các nơi rút quân về như thế thì quân Đồng-minh đến chiếm giữ;

8· Bao nhiêu những đồ cung-dụng về việc binh, đồ cung-dụng cho xe lửa, kể cả than nữa, phải để lại và trao cho Đồng-minh dùng;

9· Quân trong khi rút về không được tàn-phá, không được tống đòi gì trong dân-gian;

10· Đồng-minh được tự-do đi lại các đường lộ, tự-do lợi-dụng các đường xe lửa trong suốt cõi nước Áo;

11· Quân Đồng-minh xét những nơi hiểm-yếu nào cần phải chiếm-cứ được phép chiếm-cứ;

12· Quân Đồng-minh cần-dùng cái gì được quyền tống đòi;

13· Bao nhiêu quân Đức không những ở nơi giáp-giới đất Ý và đất *Balkans* mà ở cả trong khắp địa-hạt nước Áo, phải rút về hết;

14· Quyền cai-trị các địa-hạt đã rút quân về rồi thì giao cho quan sở-tại, Đồng-minh giám.-đốc;

15· Bao nhiêu những tù-binh của Đồng-minh, dân bị giam, dân bị đầy phải giao trả hết. Còn về phần Đồng-minh thì không phải trả lại tù-binh của Áo. Người nào bị thương hoặc ốm không đem ra trả được thì quan thầy-thuốc của Áo phải chữa cho;

16· Thuộc về hải-quân thì phải bãi-chiến cả trên mặt bể;

17· Tình-hình các tàu của Áo cùng sự đi lại thế nào phải báo cho Đồng-minh biết;

18· Phải báo cho các nước trung-lập biết rằng hết thảy các tàu của Đồng-minh được tự-do đi lại trong các hải-phận nước Áo;

19· Phải nộp cho Đồng-minh 15 chiếc tàu ngầm chế tự năm 1910 đến năm 1918;

20· Các tàu ngầm phụ nào đi vào hải-phận nước Áo phải bị giải-võ-trang (*désarmé*) và Đồng-minh kiểm-giữ;

21· Phải giao cho Đồng-minh ba chiếc đại-thiết-hạm (*cuirassés*), ba chiếc tuần-dương-hạm nhẹ (*croiseurs légers*), chín chiếc khu-trục-hạm (*destroyers*), mười hai chiếc ngư-lôi-đĩnh (*torpilleurs*), một chiếc thả thủy-lôi (*porteur de mines*), và sáu chiếc thiết-hạm (*moniteurs*) ở trên sông Danube, giao cả đồ võ-trang, đồ cung-dụng trong các tàu ấy. Còn những tàu khác thì phải tập-hợp cả vào một nơi cửa bể nào Đồng-minh chỉ sẵn cho, rồi phải giải-võ-trang và để Đồng-minh kiểm-giám.

22· Các tàu chiến tàu buôn của Đồng-minh được tự-do đi lại trong bể Adriatique, trên sông Danube và các chi-lưu khác;

23· Đồng-minh được quyền vớt sạch các thủy-lôi thả trên mặt bể;

24· Để giữ cho đường sông Danube được tự-do giao-thông, nước Mĩ có quyền chiếm-cứ và phá đổ các pháo-đài cùng thành-lũy ở trên bờ sông;

25· Sự vây trên mặt bể vẫn giữ như cũ; chiếc tàu Áo nào đi ra ngoài vẫn phải bắt;

26· Các tàu bay của Áo phải tập-hợp cả một nơi Đồng-minh chỉ sẵn cho;

27· Các pháo-đài thành-lũy trên đất, cùng trên các đảo xung-quanh xưởng thủy-quân Pola, Đồng-minh được quyền chiếm-giữ hết;

28· Bao nhiêu những tàu buôn Áo bắt được của Đồng-minh phải trả lại hết, Đồng-minh thì không phải trả lại Áo.

Áo hàng rồi, thế là chỉ còn một Đức đứng lại trơ-vơ. Trong nước thì nội-loạn khởi lên dùng dùng. Lục-quân đã đánh thất-bại rồi, mong vào hải-quân để đánh một miếng quyết-liệt sau cùng thì linh-thủy ở cửa Kiel dấy loạn giết quan. Thế là cùng-kế, không biết xoay đằng nào được nữa. Bố con vua Đức luống-cuống dân thôi-thúc phải thoái-vị. Tình-trạng đã nguy lắm mà bọn nhà quân vẫn còn giữ cái thói kiêu-căng cũ. Hindenburg còn dương-danh nói hống-hách với quốc-dân, với thiên-hạ rằng: «Lục-quân hải-quân nước Đức không có đời nào phải chịu hàng.» Chẳng biết đời nào mới chịu hàng, mà hiện nay hàng rồi đó. Bọn ngông cuồng kia thì cha con chủ thầy giắt nhau sang trốn đất Hoa-lan Ấy mới bạo dạn thay!

Chính-phủ Đức nay vào tay dân-đảng. Một bác phó mây ở thành Berlin tên là Ebert đầu đảng xã-hội, tức là đảng cách-mệnh, nay cầm quyền chánh-phủ, làm chức thủ-tướng. Liền gửi quốc-thư sang quan Giám-quốc Wilson nước Hoa-kỳ khẩn xin đình-chiến, nói rằng lần này chánh-thể nước Đức đã thay đổi hẳn rồi và lòng dân nhất-quyết xin hòa. Quan Wilson thấy cái tình-hình nước Đức quả như vậy trả lời rằng đã thông-lục lời xin ấy cho các chánh-phủ Đồng-minh, các chánh-phủ Đồng-minh cũng ưng-thuận, đã giao toàn-quyền cho quan Thống-tướng Foch nước Pháp để định các điều khoản về sự đình-chiến, vậy nước Đức phải sai sứ sang bản-doanh (*quartier général*) quan Foch mà thương-thuyết về sự đó.

Đức phái một sứ-bộ trong có bốn viên quan to như sau nay: tướng Gruedell, nguyên làm uỷ-viên của nước Đức ở hội Hòa-bình

thành La Haye, tướng WINTERFELD, nguyên làm võ-quan (*attaché militaire*) của tòa sứ Đức ở Paris, hải-tướng MEURER, công-sứ HINTZE nguyên làm công-sứ Đức ở Bắc-kinh (Tàu). Bọn đó tới dinh quan thống-tướng FOCH 6 giờ sáng ngày thứ sáu (mồng 8 tháng 11), ngài tiếp ở một nhà lầu gần thành Senlis. Ngài đọc cho bộ sứ nghe và cho chép các điều-khoản về đình-chiến. Điện bên Tây sang thuật lại rằng bộ sứ nghe đọc các điều-khoản nặng quá kinh-hãi mà sám xanh mặt đi. Quan Thống-tướng hẹn cho 72 giờ phải trả lời, có ưng-nhận cả các điều-khoản đó thì mới đình-chiến, không thời quân Đồng-minh cứ việc đánh. Trong lúc bấy giờ ai cũng tưởng rằng nước Đức không sao nhận cả bấy nhiêu điều được. Thế mà hết hạn 72 giờ, 6 giờ sáng ngày thứ hai là ngày 11 tháng 11, Đức phái sứ sang trả lời rằng xin nhận hết thảy. Nhận hết các điều-khoản như vậy, tức không khác gì là xin hàng vậy. Lập-tức ký lời đình-chiến, bắt đầu tự 11 giờ trưa trên bộ dưới bể đồng-thời đình-chiến cả. Tin đó truyền đi khắp mọi nơi, mừng quýnh xiết kể! Suốt trong thế-giới ai ai cũng tưởng như mới thoát khỏi nơi hắc-ám mà được ra chốn quang-minh vậy. Ngay ở Đông-dương ta xa cách nơi chiến-địa mấy muôn trùng, mà các chốn đô-hội lớn còn mở hội ăn mừng một cách trọng-thể như vậy, coi các báo tây báo ta gần đây thuật lại cũng đủ biết, huống là ở bên Âu-châu, ở đất Đại-Pháp là nơi đã phải chịu lầm-than nhiều hơn cả, cái cảnh-tượng vui mừng tự trưa ngày 11 ấy trở đi, trong khắp chốn kẻ chợ nhà quê, nơi hang cùng ngõ hẻm, tưởng không lời nào mà tả cho được!

Các điều-khoản đình-chiến với Đức kể đại-lược như sau này:

1° Nước Đức phải rút hết quân ở các nơi sau này về: đất Tỉ, đất Pháp, hai châu Alsace-Lorraine, quận Luxembourg, miền tả-ngạn sông Rhin;

2° Quân Đồng-minh chiếm-cứ ba thành Cologne, Mayence, Coblence, cùng các nơi đầu cầu sông Rhin;

3° Quân Đức phải bỏ không một khoảng 10 cây-lô-mét về hữu-ngạn sông Rhin làm đất trung-lập;

4° Nước Đức phải trao cho Đồng-minh giữ 5 ngàn chiếc súng đại-bác, 2 vạn 5 ngàn chiếc súng cối-xay, 1 nghìn 7 trăm cái tàu bay, 5 ngàn cái xe lửa (*locomotives*), 15 vạn cái «toa» (*wagons*), 5 ngàn xe chở đồ;

5° Nước Đức phải trả lại Đồng-minh hết các tù-binh;

6° Bao nhiêu quân Đức ở mặt trận đông phải rút về hết;

7° Bao nhiêu quân Đức ở thuộc-địa Đông-Phi-châu (*Est africain*) phải rút về hết;

8° Hòa-ước thành Bucarest Đức ký với nước Lỗ (Roumanie), hòa-ước thành Brest-Litowsk Đức ký với nước Nga, nay bãi bỏ cả;

9° Bao nhiêu tàu ngầm của Đức phải nộp cho Đồng-minh hết;

10° Đức phải trao cho Đồng-minh 16 chiếc đại-thiết-hạm (*cuirassés*), 8 chiếc tuần-hạm (*croiseurs*), 50 chiếc khu-trục-hạm (*destroyers*; còn bao nhiêu tàu chiến khác phải giải-võ-trang ((*désarmés*) hết;

11° Các tàu Đồng-minh được tự-do đi lại trong bể Baltique;

12° Đồng-minh hiện vây nước Đức trên mặt bể vẫn cứ giữ, nhưng coi sóc sự cung-cấp lương-thực cho dân Đức khỏi đói, trong kỳ-hạn đình-chiến;

13° Các cửa bể trong Hắc-hải (Mer Noire), nước Đức phải rút quân về hết;

14° Bao nhiêu tàu buôn của Đồng-minh Đức bắt được phải trả lại hết, Đồng-minh thì không phải trả lại Đức;

15° Kỳ-hạn đình-chiến là 36 ngày, hết hạn có thể lăng thêm nữa.

Ấy là kể đại-lược mà thôi, còn các tiểu-tiết thì nhiều lắm, không thể kể hết được, vả trong điện bên Tây sang cũng không nói được tường lắm.

Phàm điều-ước đình-chiến bao giờ cũng chỉ nói về việc quân mà thôi. Vì chủ-ý sự đình-chiến là bên được cố bắt buộc bên thua mọi điều cho sau này không thể tục-chiến được nữa. Theo lời bình-phẩm của các báo tây thì cứ như mấy điều đình-chiến trên kia, nước Đức không tài nào trở mặt lại mà đánh được nữa. Khôn-khéo nhất là cái điều về sự cung-cấp lương-thực cho dân Đức. Nước Đức hiện nay bị vây trên khắp mặt bể, đồ lương-thực ở ngoài không nhập-cảng được, không lấy gì mà củ ăn. Đương khi chiến-tranh tuy cũng bị vây như thế mà còn giao-thông với mặt Đông, chở lậu lương-thực vào được ít nhiều. Nay Đồng-minh bắt rút quân mọi nơi về, canh-giữ nghiêm hơn, tự nhận coi sóc việc lương-thực cho dân Đức, khác nào như cầm trong tay cái quyền sống-chết của người Đức vậy. Thuận thì cho ăn no, nghịch thì bắt ăn đói, cái đói đến nơi, khiến gì mà chẳng được? Từ khi đình-chiến, mấy lần dân Đức điện cho Đồng-minh, cho nước Mĩ, kêu van xin nới-nới cái khoản lương-thực ấy cho được nhờ. Coi đó thì biết cái kế Đồng-minh diệu lắm.

Hiện nay đương thi-hành các khoản trong ước đình-chiến. Quân Đức đã rút hết ở đất Pháp, đất Tỉ, đất Alsace-Lorraine về rồi. Quân Pháp đã tiến vào mấy tỉnh-thành Đức

như trong ước nói. Hải-quân Đức đã mang súng đạn ra hàng trước hải-quân Đồng-minh ở giữa bể Bắc-hải. Từ đầu tới nay mọi việc thỏa-đáng cả, không có điều gì trắc-trở.

Hiện bây giờ chỉ còn sửa soạn việc nghị-hòa. Nghe nói thượng-tuần tháng 12 tây quan Giam-quốc Wilson nước Hoa-kỳ là người chủ-trương cái cuộc hòa-bình này sẽ sang Pháp để bàn bàn mọi việc. Hội nghị-hòa có lẽ đến đầu năm sau mới họp được, mà sẽ họp tại thành Versailles, gần Paris, chính là nơi vua Đức xưng hoàng-đế hồi nước Pháp thua năm 1871 vậy. Lẽ tuần-hoàn trong trời đất nghĩ cũng nghiệm thay! Hội nghị-hòa này chắc là rất mực trang-nghiêm, và là một cái cảnh-tượng cổ-kim chưa từng thấy bao giờ. Cả thế-giới họp nhau lại một nơi mà bàn-bạc những việc tấy đình, xưa nay đã bao giờ có một hội như vậy, mà sau này lại bao giờ có nữa. Ước gì hội Vạn-quốc này, đã từng trông thấy cái gương sầu-thảm trong hơn bốn năm trời, cố giải quyết cho xong các vấn-đề lớn trong thiên-hạ, cho sau này loài người khỏi phải lầm-than lần nữa, và được hưởng cái phúc lành hòa-bình yên-ổn mãi mãi không cùng. Bao nhiêu máu người lênh-láng trong bấy nhiêu năm, có lẽ uổng phí hay sao? Có lẽ không mua chuộc được thêm chút hạnh-phúc chocái loài người đau khổ này ư? Có lẽ không giải-thoát được các dân các nước bị áp ức đã lâu năm ra ngoài chốn nô-lệ lao-lung ư? Nếu như vậy thì sống trên thế giới này chẳng là nguy-hiểm lắm ư?..

Về cái hòa-ước sau này thì hiện nay chưa biết thế nào. Có một khoản chắc hẳn rồi là hai châu Alsace-Lorraine tất phải trả lại nước Pháp. Còn các khoản khác thì các báo tây bàn-bạc đã nhiều, mỗi người dự-đoán một cách. Ta nên đợi khi nào hội hòa đã họp, bấy giờ hẵng bàn đến các khoản hòa, có lẽ được tường-tất hơn. Bây giờ hẵng vui mừng từ nay không còn chiến-tranh nữa.

Nước Pháp tổn-hại về sự chiến-tranh bao nhiêu. — Nay chiến-cuộc đã xoay ra hòa cuộc, thiên-hạ đương vui mừng về sự hạnh-phúc sau này, mấy người còn nghĩ đến những nỗi cực-khổ từ trước. Nhưng nếu đoái xét đến những sự tổn-hại trong bốn năm chiến-tranh này, thì mới biết cái công tái-tạo sau khi chiến-tranh còn khó nhọc nặng-nề lắm, mà cái hạnh-phúc kia chưa phải đã được an-nhàn mà hưởng vậy. Trong các chiến-quốc, nước Pháp ta là nước đã bị tổn-hại về sự chiến-tranh nhiều hơn nhất. Tuy phần danh-dự trong cuộc toàn-thắng cũng được hơn các nước khác, mà cái công sửa-sang khôi-phục sau này còn nặng nhọc biết bao nhiêu, Tất còn phải cần đến các bạn đồng-minh, các dân thuộc-địa giúm-giúp vào nhiều, thì công ấy mới chóng thành được.

Ông André Tardieu, làm thượng-sứ (*haut commissaire*) thay mặt nước Pháp ở Hoa-kỳ để bàn bạc về các việc chiến-tranh, trong thượng-tuần tháng 11 tây, diễn-thuyết ở thành New York cho hội các nhà báo ngoại-quốc ở Mĩ (*Association de la Presse étrangère*) có lược kể những sự tổn-hại của nước Pháp phải chịu trong cuộc chiến-tranh này, và kết-luận nói rằng nước Pháp rất trông cậy ở các bạn Đồng-minh, nhất là nước Hoa-kỳ, giúm-giúp cho để chóng gây dựng lại được những nơi bị tàn phá. Lời diễn-thuyết đại-lược theo các điện truyền như sau này:

« Nước Pháp đã ráng hết sức anh-hùng mà theo đuổi cái cuộc chiến-tranh không-tiền-khoáng-hậu (1) này, nay cần phải cầu-viện ở nước Hao-kỳ để gây dựng lại các châu-quận đã bị tàn-phá. Không kể sự tổn-hại về người, hiện đã mất đến hai triệu rưỡi (tức là 250 vạn) con người đương sức trai-trẻ mạnh khỏe, các công-nghệ lớn trong nước bị tan-hoang cả, nay khởi-phục lại phải đến 25 ngàn triệu quan tiền tây (*25 milliards de francs*) mới được. Các châu-quận bị quân địch xâm-chiếm tuy sánh với diện-tích cả nước Pháp một trăm phần chỉ có 6 phần, mà về đường sưu-thế thì toàn-quốc đóng 100 phần các châu-quận ấy được đến 25 phần. Những cây có trái bị quân địch cắt đến mặt đất phải bao nhiêu năm nữa mới lại tươi tốt, có bông có trái được. Những mỏ than bị tàn-phá phải đến hai năm mới sửa sang lại được; nhà cửa bị phá đổ có đến 35 vạn nóc, phải đến 600 triệu công-thợ, 1 ngàn triệu quan tiền tây mới dựng lại được; trâu-bò lợn ngựa mất 1 triệu 51 vạn 5 ngàn con; các máy móc bị quân địch đem đi mất 45 vạn 4 ngàn chiếc,

(1) **Không-tiền-khoáng-hậu,** 空前曠後 = Trước cũng không có mà sau cũng vắng không, trước sau không bao giờ có, không bao giờ bằng. — Sans précédent dans l'histoire, unique dans les annales du monde.

hai khoản sau đó giá đáng 6 ngàn triệu quan tiền tây. Lại các tàu bè bị đánh đắm ước giá đến 5 ngàn triệu quan tiền tây. Nước Pháp trong khi chiến-tranh đã can-đảm biết dường nào, đến ngày khôi-phục chắc cũng không dời cái chi cũ ; nhưng phải cần Đồng-minh giúp đỡ cho mới được. Trong bốn năm trời chịu đựng sự chiến-tranh ở ngay đất nước mình, khổ-hại biết bao nhiêu, vì sự khổ-hại đó mà nay có cái quyền-lợi riêng được trông cậy vào các bạn Đồng-minh giúm-giúp. Bây giờ nước Pháp yêu-cầu một sự như sau này : là trong bốn năm về sau phải cần mua bao nhiêu đồ nguyên-liệu (*matières premières*) để khôi-phục các công-nghệ trong nước thì Đồng-minh giúp cho một nửa tiền mà mua. Nước Pháp mong nhất ở nước Hoa-kỳ để giúp cho khoản đó. Nước Pháp lại cần đến những mối vận-tải như xe lửa, tàu bè, những quân-đội về kỹ-nghệ (*troupes techniques*) của nước Hoa-kỳ cùng cả những đồ phục-dụng để xây dựng lại các châu-quận bị tàn-phá. Công-bố những điều đó cho thiên-hạ biết, tức cũng là một dịp vẻ-vang cho nước Pháp, vì có biết đó thiên-hạ mới rõ cái công nặng-nhọc vô-cùng của nước Pháp trong cuộc chiến-tranh này, và mong rằng các bạn Đồng-minh đã rõ cái tình-trạng như vậy tất nghĩ ra phương-kế để giúm-giúp cho thành mọi việc. »

Lời diễn-thuyết ấy điện truyền đi khắp thế-giới thật đã kích-động cái dư-luận trong thiên-hạ nhiều lắm. Có đọc những lời đó mới tưởng-tượng được cái tai-hại của sự chiến-tranh này quả là vô-song trong lịch-sử. Từ xưa tới nay, từ nay về sau, dễ không bao giờ có một dân một nước nào đã từng chịu khổ như nước Pháp trong bốn năm trời nay.

Về sự nước Tàu tham-dự cuộc chiến-tranh. — Nay đến ngày kết-cục, xét lại các nước vào phe với Đồng-minh đã giúp vào cuộc chiến-tranh được những gì, thì nước Tàu thật là thủy-chung không được việc gì. Danh-nghĩa là đồng-minh mà kỳ thực không làm hết trách-nhiệm một nước đồng-minh. Chỉ những quanh-quẩn trong vòng nội-loạn, không hề thực-lực giúp vào chiến-cuộc được một tơ-hào Trong buổi khó nhọc đã không có công, đến ngày hưởng lợi còn mong gì ? Chắc khi nghị-hòa các nước Đồng-minh không có quên vậy.

Mới rồi Đồng-minh đã từng gửi cho chánh-phủ Tàu một tờ thuyết-thiếp (*note diplomotique*) nói về sự đó, trong có mười hai điều như sau này :

1· Đồng-minh hoãn cho Tàu cái nợ bồi-khoản về giặc Quyền-phỉ (*indemnité des Boxeurs*) và để cho những khoản dư-dật về quan-thuế (*droits de douane*), là mong rằng Tàu dùng những tiền đó để tăng-tiến các thực-nghiệp trong nước cùng đường sinh-hoạt trong nhân-dân, ai ngờ chỉ lấy tiền đó dùng để đắng nọ đắng kia tranh dành nhau ;

2· Nước Tàu tuy có đặt toá « Tham-chiến », tuy có biên-luyện quân-đội, mà chỉ để dùng về việc chiến-tranh trong nước mà thôi ;

3· Nước Tàu chưa từng bàn với Đồng-minh mà đã phái sứ sang pháp-đình của Giáo-hoàng ở La-mã (*Vatican*) ;

4· Nước Tàu để cho giặc-giã trở-đoạn hai đường xe lửa Thiên-tân — Phố-khẩu (*ligne Tien-tsin — P'o-K'eou*) và Bắc-kinh — Hán-khẩu (*ligne Pékin — Han-k'eou*), làm tổn-hại sự lợi-ích của người trong người ngoài ;

5· Nước Tàu không từng ra sức bắt đình đóng các hãng buôn-bán doanh-nghiệp của địch-nhân ;

6· Ở Thượng-hải (Changhai) và Thiên-tân (Tien-tsin), quan Tàu không thể át-trở được những sự hành-động của địch-nhân ở hai xứ ấy ;

7· Cái điều-lệ cấm-chỉ sự thông-thương với địch-nhân chưa từng thực-hành ;

8· Đồng-minh xin nước Tàu đình đóng các hãng buôn của địch-nhân, nước Tàu chưa từng làm ;

9· Nước Tàu để cho viên đạo-doãn hạt Hắc-hà (Heiho) làm mối-lái cho địch-nhân, tuy Đồng-minh đã từng bảo-cáo, mà chánh-phủ Tàu để không hỏi đến ;

10· Những bọn bí-mật âm-mưu vẫn tiến-hành ở nước Tàu, mà Tàu không ra sức ngăn cấm ;

11· Bắt được chinh-thám của địch-nhân dùng giấy thông-hành giả, khi đem ra xử án, không để cho đại-biểu các nước vào xem ;

12· Các nước Đồng-minh không được bằng lòng về cải cách nước Tàu tham-dự việc chiến-tranh, không chắc rằng nước Tàu đã trung-thực mà làm cái nghĩa-vụ tham-chiến.

VIỆC TRONG NƯỚC

Kết-quả kỳ quốc-trái thứ tư. — Kỳ quốc-trái thứ tư của Nhà-nước Đại-Pháp mở ở Đông-dương này hết-hạn ngày 24 Novembre 1918.

Thâu được tổng-số cho cả Đông-dương là 101 triệu 25 vạn quan tiền tây

101.250.000 fr.

So sánh với mấy kỳ quốc-trái trước thì kỳ thứ nhất năm 1915 được: **8.000.000** fr.

Kỳ thứ nhì năm 1916 được

20.000.000 fr.

Kỳ thứ ba năm 1917 được

47.500.000 fr.

Cứ coi mấy con số đó đủ biết lần này dân Đông-dương ta đã làm hết nghĩa-vụ đối với Nhà-nước vậy.

Trong số 101 triệu 25 vạn đó thì phần riêng của Bắc-kỳ được 35 triệu, 93 vạn, 2 nghìn 3 trăm 62 quan linh 90. **35.982.362** fr. **90**

Kỳ thi Hội sang năm. — Kỳ thi Hội sang năm bắt đầu ngày mồng một tháng ba ta (tức là 1er Avril 1919). Bộ Học đã tâu Hoàng-thượng định thể-lệ theo như cũ, rồi sau này thay đổi thế nào sẽ hay. Vậy kỳ Hội-thi sang năm này còn giữ hình-thức như xưa, chưa có canh-cải gì cả. Nhưng thiết-tưởng có lẽ kỳ này là kỳ sau cùng, vì hiện nay Nhà-nước Bảo-hộ đã cải-lương việc học, Triều-đình cũng quyết-chí đổi mới, sự thi-cử tất rồi không theo như xưa nữa. Vả cứ bình-tĩnh mà xét cái lối thi-cử cũ cũng phiền quá, và cổ-lỗ quá, ngày nay không đủ làm cái phương-pháp để kén chọn nhân-tài. Đương buổi văn-minh tiến-hóa, học-thuật mở-mang, những bậc thông-minh trí-thức ở các nước đua nhau mà đề-xướng những học-thuyết mới, sáng-nghĩ những tư-tưởng lạ, kẻ làm sách làm vở, người nghiên-cứu tìm-tòi, chủ-nghĩa bao-gồm cả một nước, văn-chương chuyển-dịch được lòng dân, thì những bọn tú-sĩ trong nước mình vẫn còn quẩn-quanh ở mấy cuốn sách cũ, mài-miệt về mấy lối văn xưa, như tự đặt mình ra ngoài cái phong-trào lớn của thế-giới mà không can-thiệp đến những vấn-đề sinh-tử trong quốc-dân; như vậy sao gọi là thích-hiệp với đời? Chắc cái đạo-học cũ của thánh-hiền vẫn phải bảo-tồn lấy, không nên để cho mai-một đi, vì nó là cái gốc của xã-hội của quốc-gia mình, nhưng bảo-tồn là bảo-tồn cái tinh-thần mà thôi, hà-tất phải giữ khư-khư đến cả cái hình-thức cũ cho phiền. Ước gì có ngày hội-thi ở nước ta được như các khoa thi tiến-sĩ bên Âu-châu, toàn những người thông-kim bác-cổ, cái học phổ-thông đã hoàn-toàn rồi, tự mình chọn lấy một môn học riêng mà chuyên-trị, làm thành bộ sách mấy trăm tờ, trong sách nghị-luận cốt cho mới lạ, khảo-cứu cốt cho tinh-thâm, phát-minh những điều cổ-nhân chưa nghĩ tới, biện-bác những lẽ người trước chưa xét tường, càng ra ngoài qui-củ cũ càng hay, càng vượt được lề-lối xưa càng tốt, đệ cho một hội-đồng các quan bác-sĩ xét, người làm sách được ra trước mặt hội-đồng cãi lẽ, các quan bẻ chỗ nào mình đáp lại chỗ ấy, biện-giải thuyết-minh thế nào cho các ngài phải chịu, bấy giờ mới được hội-đồng công-nhận và ban cho chức tiến-sĩ về văn-khoa, luật-khoa hay cách-trí-khoa gì đó. Có khi quan hội-đồng và người ứng-thí cãi lẽ nhau mười giờ đồng-hồ luôn mà chưa bên nào chịu. Có khi quan hội-đồng không ưng ý-kiến của người làm sách mà người làm sách có tài hùng-biện quá, hội-đồng phải nhận cho đỗ, nhưng mà đến khi cho phép xuất-bản quyển sách đó bắt đề ra ngoài bìa rằng: « Những ý-kiến trong sách này hội-đồng không giữ trách-nhiệm ». Ấy cái lối thi tiến-sĩ ở các nước Thái-Tây như vậy. Chẳng bì với hội-thi ở nước ta, cái trình-độ có khác gì mấy bài văn-sách cho học-trò một trường phổ-thông hay không? Cho nên nói rằng hội-thi ngày nay không đủ làm cái phương-pháp để kén chọn nhân-tài vậy. Chắc Triều-đình cũng đã tỏ tường các lẽ đó, và những bậc sĩ-phu trong nước không ai là không ước-ao muốn cải-cách sự thi-cử cho hiệp với thời-thế. Trong một kỳ sau bản-báo sẽ có bài luận-thuyết tường về sự thi-cử và phép thi tiến-sĩ ở các nước văn-minh bên Thái-Tây.

Kỳ hội-thi sang năm này các ông cử-nhân ngoài Bắc-kỳ cũng vẫn được vào ứng-thí như xưa. Nhưng phủ Thống-sứ Bắc-kỳ có nói trước cho bộ Học trong Kinh biết rằng người nào đỗ tiến-sĩ hay phó-bảng, tuy vẫn còn giữ cái danh-dự cũ mà không đủ quyền được bổ vào quan-trường như trước nữa. Quan-trường ngoài Bắc-kỳ đã sửa đổi theo cái chương-trình học mới, không có ngạch nào riêng cho các ông nghè ông bảng mới sang năm.